

NHỮ ĐỨC

Màu
Rau Cỏ?

MẬU TÝ

NHƯ ĐỨC

MÀU RÊU CỎ

2008

Màu rêu cổ

Về thăm Ấn Độ là đi về thăm những khu vườn rêu cổ. Lâm-tỳ-ni là một trong những khu vườn xanh rêu gây nhiều xúc động.

Buổi sớm mai, tháng Giêng miền Bắc Ấn còn khí lạnh, thoáng sương mù như Đà Lạt. Chúng tôi lên chánh điện chùa Việt Nam của thầy Huyền Diệu tụng một thời kinh. Chánh điện ấm, âm vang nhịp mõ trầm. Chúng tôi dâng lời kinh lên đức Phật. Chúng con đã về đây, tại khu vực Lâm-tỳ-ni, vùng đất ngày xưa hân hạnh đón bước đản sanh. Những tấm lòng tha thiết biết bao lâu, đợi đủ cơ duyên để hội ngộ quê hương đức Từ phụ. Chúng con đã có mặt nơi này, lòng vui mừng khôn xiết. Có hạnh phúc nào lớn hơn, khi trở về bên đấng cha lành. Đường như đến Ấn Độ, đến các thánh tích của một thời đức Phật, chúng con cảm thấy gần gũi lạ kỳ.

Lâm-tỳ-ni, vườn xưa hương ngát. Lâm-tỳ-ni, tiếng hát rộn ràng của thời đồng ấu.

Thành Ca-tỳ-la sống yên vui đời Tịnh Vương

*Người người vui sướng Thích-ca ngài
vừa ra đời*

... ..

*Cây Vô Ưu đến nay chúng sanh vẫn
nhớ hoài*

Nơi Lâm-tỳ-ni còn ghi bao niềm vui.

Buổi sáng của ngày Đản sanh, hoàng hậu Mĩ Ỡ ghé thăm một vườn cây tươi mát, hoặc Ngài muốn nghỉ chân một chút trước khi tiếp tục lên đường về quê. Cây Vô ưu cảm ứng điềm lành nở ra từng chùm hoa xinh đẹp. Hoàng hậu hạ sanh Thái tử ngay dưới bóng mát của cây. Chín rồng hiện lên phun nước tắm, đất nở bảy đóa sen lành nâng bước chân, chư Thiên quỳ xuống dâng tắm thiên y đỡ Thái tử. Những điều kỳ diệu ấy cùng xảy ra trong một buổi mai. Ngày đó trở thành ngày hội lớn cho tất cả chúng sanh.

Chúng tôi vào đánh lễ trụ đá vua A-dục trước khi vào đền thờ hoàng hậu Mĩ Ỡ. Chính nhờ trụ đá này, với lời ghi: "... đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã đản sanh tại đây..." mà chúng sanh đời sau không nghĩ

đức Phật là một nhân vật huyền thoại. Công đức của vua A-dục thật to lớn. Một đoàn chư Tăng đang giảng giải đạo lý và hướng dẫn Phật tử tụng kinh. Trong nắng sớm, âm vang tiếng lễ kính “Buddham saraṇaṃ gacchāmi” (Con xin quy kính Phật).

Bên trong ngôi đền, nơi có phiến đá khắc ghi vị trí đức Phật đản sanh, và bức thạch họa chạm nổi hình cây Vô Ưu cùng Hoàng hậu và Thái tử, được tất cả đoàn hành hương đánh lễ, cố gắng đặt cái trán của mình sát bức điêu khắc gần chùng nào tốt chùng đó. Chúng tôi dâng hương và tụng kinh phần của mình. Sau đó đi nhiều quanh ba vòng. Ngôi đền đang được trùng tu, những lớp gạch ghi từng thế kỷ, từng thế kỷ trôi qua trên những hàng gạch rêu mờ bụi phủ. Ngày nay, để nâng đỡ những lớp gạch dường như đang muốn lún xuống vì sức nặng thời gian, người ta cho kê những hàng lan can bằng sắt.

Bên ngoài, vườn Lâm-tỳ-ni được giữ gìn chăm sóc xanh tươi, bãi cỏ mượt mà nằm cạnh những nền gạch cổ. Nền của tinh xá, nền của tháp thờ, nền của tường vách xa xưa, tất cả nền gạch chỉ ra dấu tích của một thời hoạt động Phật giáo, tất cả nền gạch chỉ ra đạo lý vô thường khi cơn lốc hủy hoại đi qua. Một cái hồ nước rộng

tương truyền là nơi tắm đức Phật, một vài bóng y vàng sậm của các sư đi kinh hành quanh đó. Cây bồ đề to lớn tỏa mát một vùng, đoàn Phật tử Tích Lan xúm xít ngồi quanh nghe kể chuyện đức Phật. Chúng tôi đoán như thế.

Còn muốn thời gian nấn ná để ở lại thêm bên nền gạch cổ, dù chẳng còn gì, màu rêu xanh đã gắn chặt vào lớp gạch xưa, vài lớp gạch mới đào bởi mình lăn lóc đó đây, nhưng ở nơi này, một điều kỳ diệu đã xảy ra. Hơn hai mươi lăm thế kỷ, gió cát vô thường hầu như xóa hết mọi tiêu tức, nhưng bàn chân cứu độ của đức Phật đã một lần đặt xuống nơi đây. Đại địa chấn động, lòng người hôm nay cũng chấn động, nổi vui mừng và niềm hoài cảm lẫn lộn. Không thể nói hết những tâm tư của người con Phật khi đến đây. Nhưng thật là hạnh phúc khi được chạm tay vào những viên gạch cổ sử rêu phong. Nếu không có những lớp gạch phế tích này, nếu không có trụ đá A-dục kia, ai kể lại cho người sau nghe về một ngày kỳ diệu. Tôi mang màu rêu đó về trong tâm tưởng, và có cảm nhận riêng rằng: Tất cả màu đều phai, riêng màu rêu không phai, hình như càng năm qua càng đậm thêm.

(Để ghi nhớ màu rêu ở Lâm-tỳ-ni)

Buổi sáng ở Lộc Uyển

Chúng tôi đến thăm Lộc Uyển vào buổi sáng. Trời tháng Giêng rất trong lành mát mẻ. Chúng tôi bước vào cổng khu vực di tích với tâm trạng bồi hồi. Đây là nơi Đức Phật chuyển pháp luân, bài thuyết pháp đầu tiên với năm vị Kiều Trần Như, vườn Nai nổi tiếng đã in sâu trong tâm trí chúng tôi. Đại tháp Dhamekh nổi bật, sừng sững uy nghi trên nền trời trong vắt. Chung quanh là cỏ xanh mịn màng và những chiếc lá rơi rải rác vàng ươm chưa kịp quét dọn. Một người công nhân Ấn đang gom lá trong tư thế lặng lẽ, như cũng rất trân trọng với những chiếc lá trong công viên Lộc Uyển.

Chúng tôi đến bên cạnh đại tháp, từng chiếc y vàng nhỏ nhoi phủ phục lạy trên nền gạch cổ, chúng tôi thấy mình nhỏ bé vô cùng bên ngôi tháp vĩ đại, nhỏ bé vô cùng trước cuộc đời uy nghiêm từ bi vô lượng của đức Thế Tôn. Tôi muốn mình cứ được lạy mãi thế này, trước mỗi thánh tích. Đây là nơi kỷ niệm bài pháp đầu tiên, để từ đó giáo lý thoát khổ được chuyển đi, được giảng dạy cho muôn ngàn chúng sanh. Trọng tâm giáo lý là con đường thoát khổ. Điều này tưởng như đơn giản, nhưng đã không có ai trong các bậc đạo sư thời ấy chỉ dạy giáo lý thoát khổ. Cho đến khi Đức Phật nói lên: “Này các Tỳ-kheo! Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ chấm dứt, đây là con đường đưa đến dứt khổ.”

Lời của Phật vang lên từ hơn hai ngàn năm, trước Phật và sau Phật không có người khai thị về chân lý dứt khổ. Đi theo lời chỉ dạy của Ngài, mỗi người tự thấy được niềm an vui hạnh phúc khi dứt khổ. Nhiều phương tiện, nhiều lối tu tập được thể hiện, nhưng tất cả chỉ đưa đến một kết quả duy nhất là thoát khổ.

Thử nhớ đến bà mẹ già khổ nạn của ngài Mục Kiền Liên, ở một chốn khổ đau cùng cực là địa ngục. Hãy đặt mình vào vị

trí của ngài Mục Kiền Liên, dù thần thông đệ nhất nhưng tâm tư rối bời, âu sầu buồn thảm. Nếu không có lời chỉ dạy từ bi của Đức Phật, mở đầu cho những lễ hội Vu Lan về sau, thì bà Thanh Đề làm sao thoát khổ, ngài Mục Kiền Liên không tròn gương hiếu hạnh. Đó là một cách thoát khổ mà muôn đời sau vẫn còn noi theo, cũng là một phần trong giáo lý thoát khổ.

Bà Kisa Gotami, ôm đứa con trai bé bỏng mới chết của mình, khóc mãi khóc mãi, đau khổ cùng cực đi khắp nơi tìm cách cứu con. Gặp đức Phật, bà xin Phật cứu giúp. Phật dạy bà hãy đi xin cho được hạt cải nơi nhà nào không có người chết.

Bà ôm xác con đi suốt ngày đêm, gõ cửa từng nhà. Ai cũng sẵn sàng cho hạt cải, nhưng tìm được nhà chưa từng có người chết thì không. Bà chợt tỉnh ngộ, hiểu được phương pháp của Phật, đem con đi chôn rồi theo Phật xuất gia. Bà chứng Sơ quả sau khi nghe Phật thuyết pháp lần đầu, tinh tấn triển khai Thiền quán và chẳng bao lâu chứng A-la-hán. Gánh nặng sanh tử đặt xuống, từ đây không còn dòng lệ nào tuôn chảy, mãi mãi là một trời an lạc. Như thế, người nào gặp Phật cũng có thể chấm dứt khổ đau theo từng cơ duyên của mình.

Buổi sáng mai tinh khôi này, chúng tôi đủ duyên lành để được có mặt nơi đây, chiêm ngưỡng ngôi tháp nổi tiếng. Bóng mát của ngôi tháp vẫn còn bao trùm lên bóng của chúng tôi. Vừa sung sướng vừa cảm động, chúng tôi tụng một thời kinh Bát Nhã - vẫn là trọng tâm độ thoát khổ ách. Chúng tôi vẫn đang cố gắng hết sức mình để độ thoát khổ đau, dù theo hệ Nam truyền hay Bắc truyền. Gần bên đoàn chúng tôi là một đoàn các vị Sư y màu đỏ sậm, màu y cổ truyền. Các Sư cũng đang cung kính tụng một thời kinh bằng tiếng Phạn. Có thể là bài kinh Tứ đế hay bài kinh Vô ngã, là những bài kinh Đức Phật nói trước nhất. Những bài kinh được nói tại nơi này, cho năm vị Tỳ-kheo sớm nhất của Tăng đoàn, chuyên chở nền giáo lý quan yếu thâm sâu. Những khai triển về sau đều không ra khỏi cái trục chính là Vô ngã thoát khổ.

Sau khi đánh lễ và cung kính đi nhiều ba vòng quanh ngôi tháp, tôi vẫn còn quyến luyến lắm, muốn được ở lại lâu hơn, muốn được ngắm nhìn ngôi tháp với tất cả lòng biết ơn và thâm cảm tạ mình đã được dự phần trong hàng con Phật, nghĩa là đã được lên đường thoát khổ. Nhưng chương trình của đoàn không cho phép. Chúng tôi

lần lượt đi viếng một vài nơi, một vài phế tích của những tu viện, những ngôi đền ghi dấu một thời hoạt động của chư Tăng tại đây. Chỉ còn lại những tường đá, bờ gạch, từng nhóm công nhân Ấn đang trùng tu di tích bằng phương pháp thủ công thô sơ nhất.

Chúng tôi đi qua di tích khác, một dấu tích quan trọng nhất, xây dựng tại nơi mà Đức Phật đã an cư năm đầu tiên, năm 528 trước Tây lịch. Ngôi chánh điện này được xây dựng để kỷ niệm dấu tích một am thất đơn sơ bằng lá, năm vị Tỳ-kheo đã dựng lên cho đấng Đạo sư vào năm đầu tiên sau ngày Thành đạo. Thử tưởng tượng lại khu vực Lộc Uyển ngày đó, những đàn nai thông thả đó đây, vì Lộc Uyển là đất của nai. Chung quanh là rừng cây hoang dã, một cái thất cho Đức Phật, năm vị Kiều Trần Như hẳn cũng ở gần đâu đó. Mùa an cư đầu tiên, chỉ có Đức Phật và năm đệ tử đã chứng thánh quả. Không có hội chúng đông đảo. Đức Phật đi kinh hành, tọa thiền trong vườn Nai, thỉnh thoảng gọi các thầy Kiều Trần Như để chỉ dạy. Thật cô liêu và cũng an lạc tuyệt đối.

Những công trình gạch đá về sau, mãi đến thế kỷ thứ hai, thứ ba sau Tây lịch mới có. Tường đá đồ sộ và cổ tháp nguy nga do

các Tăng sĩ, các tu viện đời sau dựng lên để giữ gìn di tích của Đức Phật. Nhưng rồi ngay cả gạch đá cũng tang thương. Bây giờ trong gió sớm là những nền tháp tro trụi, những tường thành chơ vơ, những níu kéo vá vúi của người hôm nay.

Tôi đi qua đó, lòng bồi hồi cảm xúc. Có một nền giáo lý tồn tại vượt thời gian không gian, càng lúc càng mang đến an ủi cho những tâm hồn khổ đau. Con người hiện đại chưa hết khổ, dù tiến đến đâu vẫn còn lúng túng trong vòng vây của khổ. Thì bài kinh ngày xưa Đức Phật nói nơi đây, vẫn là ánh sáng muôn đời cho chúng sanh.

(Kỷ niệm chuyến hành hương Ấn Độ, 2006)



Cổ thụ

Không hẹn trước nhưng chúng tôi gặp nhau tại chùa Hải Ấn. Tôi và Sư tử đang thưa chuyện với Sư bà thì Thế Dung bước vào, trên tay ôm lĩnh kính mấy món đồ, giọng vui vẻ:

- Thưa Sư bà, con đem cái này về cho Sư bà đựng rác. Tiện lắm, Sư bà chỉ cần ấn ngón chân là cái nắp hẫng mở ra, bỏ rác rồi mình rút chân, nắp tự động đậy lại. Còn cái này, Sư bà treo trong nhà tắm, để xà bông...

Chúng tôi chào mừng nhau. Tôi ít có dịp về thành phố, Thế Dung mới đi xa về, gặp nhau rất hiếm. Tôi hỏi:

- Cái này ở bên mình có bán, Dung đem từ Úc về chi cho cực?

- Nhưng em thích vì nó đẹp. Chị thấy hông? Gọn gàng sạch sẽ như cái hộp.

Tuy không nói ra nhưng tôi biết, trong đó có tấm lòng của người học trò đối với Thầy.

Sư bà là Thầy dạy chúng tôi những năm còn ở Dược Sư. Hồi đó Sư bà làm Giám luật, uy nghi đĩnh đạc. Chúng tôi còn nhỏ, lóc chóc lau chau, nhưng khi ôm quyển Luật lên ngồi học với Sư bà thì trở nên ngoan ngoãn. Lời dạy của Sư bà tôi để lại trong sách, nhưng hình ảnh thân giáo thật quan trọng. Có điều lúc đó chúng tôi chưa nhận ra.

Rồi ra trường mỗi đứa mỗi việc.

Bạn bè mỗi người riêng một cõi

Trông nhau lác đác như sao mai.

Cố nhân các tại thiên nhất giác

Tương vọng lạc lạc như thân tinh.

(Tô Đông Pha)

Cũng còn những lần hẹn nhau về đánh lễ Sư bà trong dịp Tết hoặc ra Hạ. Sau này chúng tôi còn được học thêm Lăng Già Ký và Luật Tứ Phần với Sư bà tại chùa Hải Ấn. Chỉ có mấy huynh đệ lớn, Sư bà vui vẻ gần gũi chứ không nghiêm nghị như hồi ở trường. Có lẽ chúng tôi cũng thành được nửa người rồi. Được học hỏi thêm với các bậc thân giáo sư là một điều hạnh phúc. Sư bà vẫn ân cần nhắc nhở, coi ngó từng oai nghi cử chỉ, từng cách xưng hô. Nếu không hiểu có thể cho rằng Sư bà khó khăn và cổ xưa. Có lần chúng tôi bị dũa đích đáng về

tội chỉ mặt áo nhật bình bốn vạt mà không chịu mặc áo sáu vạt khi ra đường.

Gần ba mươi năm. Chúng tôi vẫn giữ thâm tình thầy trò. Càng sống càng cảm nghiệm ra rằng công phu huấn luyện cho một người học trò đầy đủ tư cách không phải là chuyện dễ. Sách xưa có câu “Giáo đa thành oán”, các bậc lớn vẫn ngại nói nhiều vì lẽ đó. Khi thôi học và bắt đầu làm việc được, người ta có thể nghĩ mình khôn lớn. Khi tóc trên đầu chớm bạc thì các bậc ân sư cũng dần vắng bóng, nếu có trách nhiệm với một vài đồ đệ, lại càng thấy công ơn của người xưa đối với mình thâm sâu.

Chúng tôi ra về khi trời tắt nắng. Đứng lại một chút trước sân chùa, Thế Dung nói:

- Bây giờ em mới nhận ra chuyện mình phải đánh lễ các bậc tôn túc là việc đúng. Không dễ gì có một vị thầy đức hạnh đâu ghen chị.

- Ồ, hồi xưa còn trẻ tánh tình nông nổi, mình cho chuyện lễ lạy là phiền phức, nhất là Thế Dung, ngang bướng...

Thế Dung cười thú nhận:

- Em biết rồi. Càng về lâu dài mình mới quý các thầy của mình.

Trên đường Âu Cơ xe ngược xuôi tấp nập. Tôi ngạc nhiên thấy hình như đường phố có vẻ hỗn loạn và đông đúc. Một lát sau mới khám phá ra là tại vì mình vừa rời một khung cảnh yên tĩnh, cái không gian lắng đọng ở bên trong chùa làm cho tư tưởng chậm đi, vận tốc bên trong người cũng giảm bớt, nên khi ra đường thấy người ta đi mau. Nếu cứ chạy vùn vụt cả ngày thì sẽ không cảm giác gì cả. Cũng như khi đứng ngắm một thân cây cổ thụ già cỗi, mình mới chiêm nghiệm được cả khi thời gian và không gian cây mang trên mình. Cảm giác này không xảy ra khi ta nhìn cây non mới lớn. Thử tưởng tượng toàn thành phố không còn một gốc cổ thụ. Thử tưởng tượng khi ta không có Thầy.



Cảm niệm Thánh đàn

Tháng tư, những cây phượng vẫn còn nở đỏ rực. Đi ngang con sông thấy nhánh phượng gieo bên bờ, một vầng hoa đỏ như ngọc chói chang trong nắng. Tôi chợt nhớ đến Ngọc Phượng, bạn cùng lớp hồi xưa, và nhớ luôn Thu Thảo ngồi cạnh nó. Hai đứa như hai thái cực. Thu Thảo thì hiền lành ít nói, suốt buổi học chẳng thấy hé môi, còn Ngọc Phượng thì tía lia không ngớt. Vì sự đối nghịch đó mà bạn bè thường nhớ hai đứa một lần. Riêng

Thu Thảo có một cái họ rất lạ. Ngày đầu tiên nghe cô giáo kêu tên Lục Thu Thảo, cả lớp quay ngược quay xuôi để ngó mặt nó. Con nhỏ cũng cừ, bị bạn bè chọc ghẹo là bà con của Lục Vân Tiên, lục nổi, lục bình... gì gì đi nữa, nó vẫn làm thình. Chỉ có một lần, khi cô dạy văn giảng hai câu thơ của bà Huyện Thanh Quan: Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo. Nền cũ lâu đài bóng tịch dương... nó bị đổi tên thành Hồn Thu Thảo. Chúng tôi vừa kêu vừa cười như mọi lần, nhưng nó đứng lên thưa cô, nó nói chữ lục là màu xanh trong, ba nó dặn nó như thế. Cô giáo cũng đồng ý và rầy cả lớp, không được chọc ghẹo tầm bậy. Chúng tôi mới biết nó tuy ít nói nhưng không phải dễ chịu thua.

Ký ức về Phượng và Thảo đối với tôi không phải dừng ở chỗ tên họ. Chúng tôi thường học bài chung với nhau ở sân chùa, và vào những ngày lễ vía hay rằm lớn, quý cô hay đem cho xôi chè, trái cây. Đó là những món quà thần tiên, như trái ổi hay chùm mận hái được từ vườn chùa. Đặc biệt vào những dịp lễ Phật Đản chúng tôi như hòa vào không khí chuẩn bị tươi vui, Phượng và Thảo có khi ở lại ăn cơm, ngủ lại với tôi. Trang trí vườn Lâm-tỳ-ni là chuyện thích nhất. Chúng tôi làm hoa giấy,

kết vào những chậu hoa đặt chung quanh chỗ Phật đản sanh, kết thành chuỗi treo chung với hoa lài, hoa sứ, học làm đèn hoa sen, dự lễ phóng đăng, lễ tắm Phật. Mỗi đứa được múc nước thơm tưới lên tượng sơ sinh. Không khí trầm hương nhã nhạc, thoi không nói làm gì, nổi vui mừng chào đón Đản sanh mỗi năm đều lặp lại, mà chúng tôi vẫn ưa thích.

Khi lớn lên, biết suy xét, Ngọc Phượng chia sẻ với tôi những suy tư của nó, cũng trong một dịp Phật Đản. Nó vốn là cây triết lý của lớp ban C, nên trích dẫn xa gần mấy câu thơ: “Tôi bước vào đời như loài thảo mộc. Rồi bỗng lớn lên như lũ thú rừng...” Bài thơ nói đến thân phận người, sinh ra tình cờ như cỏ cây, không chủ động đời sống, không biết phải làm gì trong thế giới này. Rồi đến kết cuộc... “Sáng sáng dừng chân nhìn quanh lớp học. Nhìn lại đời mình buồn đến thế ư?” Tôi biết bài thơ này của N.X.H. bạn bè trong lớp cũng có đứa thuộc. Nhưng Phượng đi xa hơn, nó nói đó là sự tìm kiếm, sự than vãn, và đặt câu hỏi về sự toàn vẹn. Chỉ có một người có thể trả lời, đó là đức Phật. Với một người như thế, với một đời sống bắt đầu và kết thúc đều có mục đích hướng đi rõ ràng như thế thì ngày sinh nhật của vị ấy mình tổ chức long

trọng, chào mừng vui vẻ. Có những tiệc tùng sinh nhật mà mình tham dự một cách ngán ngẩm vì không biết kể ấy ra sao. Cách nói của Phượng, bạn bè trong lớp vẫn gọi nó là cụ non, nhưng chúng tôi phải công nhận nó đúng.

Thời gian chia cách đã lâu. Giữa chúng tôi có những dòng thay đổi, có những dòng đời chưa kịp chạm đến đã đi xa. Thu Thảo bây giờ chắc đang độ mùa thu, không còn như thuở xanh trong, đứng giữa lớp cũi lý cho một màu lục non. Phượng cũng không còn đỏ rục. Chúng tôi đều đi vào tuổi tri thiên mệnh. Ở tuổi này Khổng Tử cho rằng người ta đã sáng suốt, tỉnh táo, biết sống thuận lẽ đạo. Tôi đi theo con đường của đức Phật, càng lúc càng cảm nhận điều đó. Một vị Phật ngay từ khi vào đời, đã biết được lẽ minh triết trong cuộc sống, không đời phải đi qua tuần tự thời gian. Ngày trẻ tuổi chúng tôi vẫn thường lý luận về đạo, nhưng vẫn vấp phải vô số lỗi lầm. Nếu nhìn lui vô số đời, ắt là si mê vô cùng, giữa những quờ quạng mệt nhọc không biết bao lần hỏi “Đời mình buồn đến thế ư?” Khi đức Phật ra đời, ánh sáng thấp lên giữa rừng đêm tối, thả xuống sông đời chiếc thuyền cứu độ. Biết bao người nhẹ nhàng sống trong ánh sáng của bậc đạo sư. Thấy biết

được việc làm của mình, biết giá trị sự có mặt của chính mình, và biết sống không đến nỗi uổng đời. Những điều đó nếu không đi theo sự chỉ dạy của Phật, nếu đóa hoa Đàm không một lần xuất hiện, chúng ta vẫn không ngừng than khổ. Tôi muốn chia sẻ cảm nhận và niềm tri ân sâu xa đức Phật, với bạn bè cùng thời, như Phượng chẳng hạn.

Biết lý luận, đặt câu hỏi và biết người giải đáp câu hỏi, nhưng Phượng có thể không tìm nó ngay dưới chân đức Phật. Trong đời sống, giữa những phức tạp đa đoan, vào một ngày thật bình thường, ta chợt nhận ra ánh sáng bình minh của lễ Thánh Đản.



An cư hay lễ hội?

Nổi với người xuất gia, chữ “Lễ hội” vắng bóng trong sinh hoạt. Những nơi chốn vui chơi hội hè ca nhạc, đám tiệc linh đình v.v... không thể đặt chân đến. Đôi lúc cảm thấy bị bỏ rơi, cảm thấy mình ở ngoài lề xã hội. Pháp Cú kể chuyện một hoàng tử dòng Bạt-kỳ, từ bỏ vương vị xuất gia, sống ẩn dật trong khu rừng gần thành Tỳ-xá-ly. Vào ngày hội trăng tròn tháng Kahika, dân cư nô nức tham dự dạ hội, đèn hoa nhạc vũ vang vọng đến chỗ thầy tu tập. Bao nhiêu vương tôn công tử trang sức xa hoa, ngựa xe dập diu. Thầy chỉ một mình đi kinh hành trong một hành lang

rộng sáu mét, trên đầu là một vầng trăng. Bình thường thầy có đầy đủ công hạnh, nhưng trong đêm nay thầy buồn phiền, nhớ lễ hội, nhớ nếp sống xưa. Thầy than vãn:

*Ta cô đơn trong rừng
Như khúc cây bị bỏ
Trong đêm như đêm nay
Có ai khổ bằng ta?*

Một vị thần rừng trong khu rừng ấy nghe được lời than, muốn khuyến khích thầy tinh tấn trong hạnh xuất gia, bèn ngâm kệ tiếp:

*Ngài cô đơn trong rừng
Như khúc cây bị bỏ
Nhiều người ước được thế
Như kẻ đọa địa ngục
Ganh người ở thiên đàng.*

Vị trí tu tập an cư của giới tu sĩ, đôi lúc khiến người tại gia ước ao, như lời vị thần nói: “Kẻ đọa địa ngục ganh với người ở thiên đàng”. Chỉ có chính người ở thiên đàng không biết sự an lạc thanh thoi của đời sống viên ly.

An cư, từ xưa đến nay là một dịp lễ lớn. Có rất nhiều vị Tỳ-kheo, sau một mùa An cư nỗ lực tu tập đã đạt quả vị Vô Sanh, chấm dứt chu kỳ luân hồi, bước ra khỏi vòng kèm tỏa của tử sinh. Chẳng có niềm vui lễ hội nào so sánh được điều này. Ngay

trong cuộc đời của một tu sĩ bình thường như chúng ta, nếu tu tập chừng mực, và thắng lướt được một vài cơn sân giận, làm chủ được một vài cảm xúc bất thường, đã thấy mình đổi mới vui tươi, không mượn niềm vui bên ngoài. An cư là chấm dứt sự đi rong, lang thang trong gió bụi trần cảnh. An cư là trụ lại trong ngôi nhà của cha, trở về với bóng mát Từ phụ. An cư là nắm được nguồn mạch chánh pháp, trọn vẹn khai mở tâm Từ. An cư như thế, luôn có ánh hoa đăng và chư thiên không ngớt tán ca xưng tụng.



Đạo diễn

Cô bé kể chuyện: Nhà con có một căn phòng lớn, hôm nọ có đoàn làm phim hỏi mượn. Tụi con nghỉ học ở nhà xem. Cô đóng vai chính rất đẹp, đi ra đi vô trong nhà con tha thướt. Phim tình cảm, có cảnh hai người dắt nhau đi chơi ở công viên bồn hoa. Cái này quay ở ngoài. Còn cảnh chàng ngồi đàn cho nàng nghe quay ở nhà. Đại ý là sau những hồi đẹp đẽ như vậy, đến lúc cuối hai người chia tay. Chàng đập bể cây đàn rồi bỏ đi, nàng về ngôi nhà cũ, lượm từng mảnh đàn xưa, khóc – Phim kết thúc ở đó. Tới lúc cô diễn viên chính phải khóc, họ quay đi quay lại nhiều lần. Lúc đầu thì đạo diễn biểu: Xức dầu vô mắt. Có nước mắt mà vẻ mặt không đạt. Đạo diễn nói: Chùi bớt son đi, tươi quá. Tội nghiệp ông đạo diễn, la um sùm, còn diễn viên thì lúng túng. Coi đóng phim vui ghê. Thấy toàn chuyện giả bộ không hà.

Chuyện của cô bé làm tôi liên tưởng đến một vở kịch hồi xưa. Các diễn viên sau khi bị bắt đóng đủ trò hỷ, nộ, ái, ố, bèn tức giận đứng trên sân khấu đòi gặp ông đạo diễn. Kịch kết thúc khi các nhân vật đồng đứng dậy phản đối vai của mình, và la lớn: Đạo diễn đâu? Lẽ dĩ nhiên tất cả cũng chỉ là kịch, nhưng vở kịch này có một ngụ ý sâu xa, từng được báo chí phân tích phê bình về cái tựa của nó: “Đi tìm đạo diễn”.

Xem phim chúng ta chỉ thấy người trên màn hình đi đứng cười nói, đôi lúc mình cũng bị lôi cuốn theo những trò ly hợp. Diễn viên tài tình, khi thấy họ khóc, mình cũng đưa tay quẹt nước mắt, mình khóc thật mà không biết có khi diễn viên phải xúc dầu cù là. Phim hay thường ngừng đúng chỗ, và chúng ta không mấy ai để ý đến ông đạo diễn đứng sau ra lệnh: Cắt! Ngừng! Quay! Đi tới! Chạy! v.v... Xem phim mê đến nỗi chỉ gọi tên diễn viên bằng tên nhân vật họ đóng, như một đạo nào thành phố lên cơn sốt với Hoàn Châu Cách Cách... Hoàn Châu chỉ là nhân vật tưởng tượng của Quỳnh Dao.

Khen ngợi phim, ít ai nghĩ rằng mình cũng đang là diễn viên. Có những cuộc đời còn sôi nổi hơn phim, nhưng bảo chính nhân vật ấy đóng thì không đạt. Tôi lại nhớ

một chuyện phim khác – Hai vợ chồng quý tộc Anh quốc sa sút đi về Luân Đôn tìm việc làm. Phim trường đang dựng một bản kịch nói về đời sống của quý tộc. Họ bèn nhận vai, nhưng đóng vào phim không đạt. Rốt cuộc phải nhờ diễn viên đóng vai quý tộc, còn nhà quý tộc thì đứng ngoài để điều chỉnh dùm những chỗ không hợp. Người giả vào vai như thật, còn người thật thì đứng xem họ đang giả mình. Chuyện như vậy làm người xem phải suy nghĩ. Không có gì lạ, một bà nội trợ đang xách giỏ đi bình thường, tính toán đồng tương đồng ột rất tự nhiên nhưng nếu có một máy quay phim chia vào thì bà sẽ lúng túng ngay, không còn là bà nội trợ nữa mà lấm la lấm lét tay chân cứng ngắt, cái giỏ xách cũng cầm không muốn nổi. Bị ám ảnh vì mình đang đóng phim. Không tự nhiên vì có ông đạo diễn điều khiển.

Có ông đạo diễn nào không? Khi mình đang vui buồn cười khóc trong đời? Trôi dạt, xô đẩy theo những đợt sóng nghiệp, có lúc nghèo hèn cùng cực, có lúc thì giàu sang phú quý, thông minh và ngu ngốc, người tỉnh kẻ say v.v... diễn rất đạt không cần người điều khiển. Chỉ khi nào khổ tột cùng, đời sống đến mức không chịu đựng nổi, mới than trời trách đất. Cho rằng có

một đấng tạo hóa an bài nên mình mới ra nông nổi. Không biết chính mình là đạo diễn cho cuộc đời mình. Cái động cơ giật dây bên trong, để biến đổi mình đến thiên hình vạn trạng, động cơ ấy ở đâu? Có ai ở sau bức màn diễn để nhắc từng bước đi từng cử chỉ điệu bộ? Không ai hết. Chúng ta nghiêm nhiên đóng vai trò của mình mà không hề bận tâm suy nghĩ.

Một lần nhìn lại, nhận ra chính mình là người chủ động. Mọi thứ chỉ vận hành theo nhân duyên, mình là người bấm nút. Thấy tận mặt người đạo diễn đích thực ấy, chúng ta sẽ không bị quay cuồng. Pháp Cú 165 Phật dạy:

*Tự mình làm điều ác
 Tự mình sanh nhiễm ô
 Tự mình không làm ác
 Tự mình thanh tịnh mình
 Thanh tịnh, không thanh tịnh
 Đều do tự chính mình
 Ai thanh tịnh cho ai?*

Trao cho con người chiếc chìa khóa chủ động để nhấn nút rằng “Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi mình, không ai có thể làm cho người khác trở nên trong sạch”. Thế kỷ 21, trong ánh sáng Phật đản, chúng ta tự làm lấy bộ phim của mình.

Dòng sông si mê

Trong chuyện Tây Du, ba đồ đệ của Đường Tăng tượng trưng cho ba tính chất khắc nghiệt nhất của con người, nói theo danh từ nhà Phật là ba phiền não cội gốc: tham, sân, si. Yêu ma quỷ quái ngăn trở trên đường như là muôn trùng phiền não bủa vây, không cho hành giả thành chánh đạo. Trừ ma trước tiên phải nhiếp phục phiền não, nên trên đường thỉnh kinh Đường Tăng phải thu phục đồ đệ. Nhiếp phục tham sân si rồi thì ma chướng nào cũng qua, dù chúng có hăm he bắt nhốt đòi làm thịt Đường Tăng nhậu với nhau. “Ăn một miếng thịt Đường Tăng thì sống lâu muôn tuổi”, chúng ma đồn đãi với nhau như thế, nên động yêu nào cũng rình bắt cho được thầy. Đường Tam Tạng như là thủy giác, tính Phật mới nhận ra, đi thỉnh kinh là trở về bản giác, tính Phật vốn sẵn.

Có sẵn tính Phật nhưng vì bất giác vô minh nên chịu trầm luân trăm cay ngàn đắng. Nếu để cho bất giác nắm thế chủ động, nghĩa là ma ăn thịt được Phật thì vô minh ngàn muôn kiếp, nên mới nói ăn thịt Đường Tăng ma sống rất lâu. Ma, Phật cũng chỉ là ảo tưởng dựng lên bởi một niệm vọng động đầu tiên, khi đưa cây kiếm trí tuệ ra thì tất cả chỉ là ảo hóa.

Đường Tăng thu phục Ngộ Không trước nhất, anh chàng này tượng trưng tánh sân, đưng tới một tí là nhẩy dựng. Tuy nhiên, người nóng tánh khi biết tu rồi thì tu rất nhanh, không chần chừ. Ngộ Không cũng là điều kiện tiên quyết, thấy được tính Không, nắm chắc lý Bát-nhã để đối đầu với mọi thử thách. Bát Giới được thu phục kế đó, lão Trư này tham ăn tham ngủ, thích người đẹp... tượng trưng cho tánh tham. Tuy đã chịu theo thầy nhưng bao phen tính trở gót, tánh tham điều phục khó hơn tánh sân. Đệ tử thứ ba: Sa Ngộ Tĩnh. Nơi trú ẩn là sông Lưu Sa rộng tám trăm dặm, càn lau thả không nổi, lông ngỗng cũng phải chìm. Dòng sông si mê nhận chìm mọi thứ, Sa Tăng là con quái chủ chốt. Nếu không thu phục được y, đừng tính chuyện thỉnh kinh thành Phật. Bát Giới đánh với Sa Tăng đôi ba phen ngang tài ngang sức, nhưng nếu

muốn tóm lấy y thì con quái liền chui tọt xuống nước trốn mất. Sông sâu biển rộng khó dò, nước si mê cuộn cuộn bao giờ cạn. Hiện nay người ta đo được đỉnh núi cao nhất thế giới, nhưng chưa đo được độ sâu chính xác của đại dương. Truyện Tây Du diễn tả đoạn này. Tôn Hành Giả không động thủ được, chỉ đứng trên bờ xúi Bát Giới khiêu chiến. Con yêu đánh dưới nước không ai làm gì được nó. Trận chiến trong chốn mịt mù. Nhưng lên bờ gặp Hành Giả giờ gậy liền trốn. Dù không có tình tiết ly kỳ hồi hộp như các ma trận quỷ kế khác, nhưng nếu cứ dùng dạng thế này, tỉnh tỉnh say say thật là khó chịu. Đó là để nói hàng phục si mê không phải dễ.

Khi thâm được ba đệ tử này, tham sân si biến thành Giới - Định - Tuệ, người thỉnh kinh lên đường về nước Phật, công quả gần thành nhưng đến cuối con đường lại gặp một dòng sông ngăn trở. Sông này cũng rộng, nguy hiểm không thua Lưu Sa Hà, mà chỉ có một độc mộc kiêu bắt ngang, cầu vừa nhỏ vừa trơn trượt, sông rộng sóng to, mấy thầy trò ngần ngại không biết làm sao qua. Té ra đến đất Phật rồi cũng còn thử thách. Bên cầu có một tấm biển đề ba chữ “Bến Lãng Vân”, lãng vân là cao đến tận mây, một ý chí kinh người, như là xung

thiền chí mới trọn vẹn con đường tu thành Phật tác Tổ.

Đang chân chờ, ba thầy trò thấy có người chèo thuyền đến đón, mà lại là thuyền không đáy, Tam Tạng e sợ chưa dám bước xuống, bị Ngộ Không xô một cái rớt tôm xuống nước. Thế là “Đầu sào trăm trượng nhảy một cái”, nếu không nhảy qua được thì vẫn phải vấn vương bờ bên này. Tới chững lên thuyền, ngó lại thấy một thầy người trôi dưới sông, đó chính là thân của Tam Tạng, chỗ này nhà thiền nói “Nhất phiến đại tử” còn truyện Tây Du giới thiệu là

*Vượn thuộc, ngựa thuần, vừa thoát xác
Công thành, hạnh đủ, gặp Chân Như.*

Cũng là sông nước, làm chết người hay cứu người cũng tại chỗ này. Sông đưa thuyền về hóa độ nhân gian, người thành đạo không lìa dòng sông nguyên thủy. Chỉ cần nhìn cho ra con quái ẩn náu trong kia, nhiếp phục tâm ý đến một niệm vi tế cũng lặng yên, dòng sông si mê biến thành dòng tịnh thủy. Để chúc mừng sự thành tựu, truyện Tây Du có thơ đề:

*Xương cốt phàm thai đã thoát thân
Tương thân tương ái một nguyên thân
Giờ đây hạnh đủ đương thành Phật
Rửa sạch từ xưa hết bụi trần.*

Chuông hạ

Tôi về đến chùa, móc đồng hồ ra xem, dưới ánh sáng mờ mờ của cây đèn đường gần đó, kim chỉ 8g30. “Sớm được nửa tiếng”, tôi nhủ thầm và đẩy cửa bước vào. Bên trong sân, từng mảng lá cây in bóng mờ mờ, những chòm Bạch tử hồng như cười thầm tôi đi học về muộn. Dầu sao, đó cũng là những người bạn quen thuộc trong khoảng không gian và thời gian đêm trên sân chùa.

Thủ liệu Hải Liên đang chăm chú dò bài, ngẩng lên nói khi tôi đến chào:

- Hôm nay có mì gói, phần của chị trong ca ở góc tủ bếp.

Cũng chỉ có tôi là người ăn trễ nhất. Một gói mì Lá Bồ Đề, ít rau củ hái quanh vườn, và nước trong bình thủy, đủ để bồi dưỡng cho cặp giò sau đoạn đường tốc hành từ trường về chùa. Rau để ăn mì gói không nằm trong tiêu chuẩn nhà bếp,

chúng tôi thường bứt những ngọn lá ớt, lá cách, lá dền hoang mọc rải rác bên hè. Hôm nào có nhiều người ăn mì gói là kể như đám rau tự do ấy xác xơ. Tội nghiệp nhất là mấy cây ớt, chúng chẳng bao giờ có trái chín, chỉ kịp cung cấp lá cho mấy tô mì dĩa chiến. Lá ớt là một thứ rau ngon nhất, vừa mát vừa sáng mắt, chỉ cần nhìn vài đọt lá non của chúng nằm lẫn với rau xanh, đủ thấy hạnh phúc đến gần. Tôi vừa thưởng thức ca mì của mình, vừa triết lý gẫm về cây ớt, và canh chừng giờ niệm Phật tới.

Trong ba tháng hạ, ngoài thời tịnh độ như thường lệ, chúng tôi còn một thời khóa buổi tối, trước khi chuông chỉ tịnh điểm vào lúc 10 giờ. Chương trình ngày hạ với buổi khuya lạ sấm hối, buổi trưa y bát đi qua đường và kinh hành, buổi tối tịnh tọa nửa tiếng trước khi ngủ, không khí có vẻ nghiêm túc và bận rộn. Lúc nào cũng thấy chuẩn bị y áo. Năm nay, buổi tối Ban Giám đốc cho ngồi niệm Phật tại đơn, tất cả liêu phòng vào giờ ấy lặng trang, chỉ chừa một ngọn đèn dầu trong phòng đủ sáng cho vị Tri chúng đi tuần liêu. Chúng tôi có thể niệm Phật, tọa thiền hay trì chú, nhưng trong sự tĩnh lặng của mỗi người. Vị Tri chúng sẽ đi qua, đứng bên ngoài mừng,

búng khê vào râu chuối, nếu không nghe tiếng đáp lại, nhìn kỹ sẽ thấy đường sự đang gặt gù. Bị bắt gặp ngủ gục là một điều không thú vị gì, chúng tôi vẫn cố gắng hết sức, nhưng thỉnh thoảng cũng có người té rớt chuối, rớt bờ đoàn.

Tuy nhiên không khí mùa An cư vẫn có một tính cách sách tấn nghiêm nghị. Có những người tập luyện, đặt chương trình thêm cho riêng mình, như lạy sám hối Hồng Danh vào giờ rảnh, không ăn phi thời trong ba tháng hạ, hoặc trì tụng bao nhiêu bộ kinh Pháp Hoa. Không ra khỏi cửa chùa... những điều nguyện có vẻ rất thường, nhưng giữ đúng liên tục trong những ngày nóng bức, hoặc kèm lại những ý muốn rong ruổi của mình, với chúng tôi là cả một sự nỗ lực. Bọn nhỏ Sa-di thường kháo với nhau rằng: Nếu trong hạ không tu tinh tấn, sẽ gặp nhiều chuyện không may. Bị bệnh nặng, hay gia đình gọi về trong lúc đang An cư, rủi ro làm bể chén bát, bị bắt quỳ hương sám hối nhiều lần. Sợ nhiều cái bất thường như thế, và cũng bị cuốn hút trong tinh thần tập thể, mấy Sa-di nhỏ chúng tôi giữ mực nghiêm trang bớt giỡn cười. Những chương trình đùa nghịch hoặc dong Nam tẩu Bắc được xếp lại. Ba tháng hạ chu đáo.

Tôi thường là người phải đi bên ngoài nhiều nhất, vì không học nội trú như các chị. Hai ba trường, mỗi cái mỗi nơi, giờ học chính, giờ học thêm... có khi về đến chùa đã chín giờ tối. Hôm làm lễ vô hạ, tôi thưa với Sư bà:

- Con xin đi trong vùng Sài Gòn, Gia Định.

Sư bà ngạc nhiên:

- Con đi gì dữ vậy? Phạm vi hạ rộng quá đâu được.

- Dạ trường con một cái ở Gia Định, một cái ở Sài Gòn.

- Hừm, cẩn thận chớ có buông lung.

Mấy huynh đệ đứng gần đó mỉm cười trêu chọc, về đến liêu còn nói với tôi:

- Huynh nhập hạ trên xe lam hay xe buýt?

Nhìn vẻ trong sáng và an ổn của HT, hay HC, mỗi giờ quá đường ngồi đối diện, tôi thấy mình quả thật bon chen. Nhưng chương trình đang học đâu ngừng được.

Hương đăng lần lượt rung chuông báo hiệu giờ tịnh tọa .

Các dãy liêu xếp hết sách vở, ai vào giường nấy. Ni sư Tri chúng đứng bên hồng chung ở nhà tổ, điểm nhẹ mấy tiếng và cất giọng:

*Sơ canh dĩ đảo thượng thiên sàng
 Tam nghiệp tịnh trừ đồ Thánh nhan
 Thân tín Phật ngôn hằng niệm Phật
 Chỉ tu nhất hướng nhập Linh san
 Các các nhất tâm niệm Phật
 Nam-mô A-di-đà Phật*

Từ các liêu vang rền tiếng đáp:

- Nam-mô A-di-đà Phật

Giọng uy nghiêm hòa trong tiếng chuông đổ hồi, tâm tôi tạm lắng bỏ tất cả những lảng xãng. Mỗi cuối đêm và mỗi đầu ngày, chúng tôi đều được nhắc nhở bằng các bài kệ như thế. Mỗi khi hô đến tiếng “Đại chúng”, giọng cao như yêu cầu, và ngừng một nhịp, Ni sư tiếp thêm chữ “các các” thật mạnh mẽ. Chúng tôi chú tâm nghe từng tiếng hô chuông, và đồng đáp lại bằng tiếng niệm Phật, tỏ dấu vâng thuận. Tôi luôn yêu thích những bài hô chuông, dù hạ nào cũng được nghe.

Khoảng im lặng sau đó.

Hình như tôi thấy mình bước vào cảnh giới Cực Lạc. Mọi điều y như trong kinh mô tả. Bảy hàng cây báu, bảy hàng lưới giảng. Những tòa điện các trên không trung. Ao sen với những hoa to chói lọi... Tôi thích thú nhẹ nhàng đến gần. Có bóng người trước mặt. À! Đức Hộ Pháp Vi Đà, Ngài giống

như tượng thờ ở chùa tôi, ngày nào chúng tôi cũng niệm danh hiệu Ngài. Ở đây hình như không cần tiếng nói, truyền thông bằng tư tưởng. Hình như ngài Hộ Pháp bảo tôi xuất trình giấy tờ. Không biết tôi có bị bệnh giấy tờ ám ảnh? Chứ về Cực Lạc đâu nghe phải mang theo giấy tờ chứng minh? Mà thôi, tôi lục tìm trong túi xách của mình. Sơ yếu lý lịch, tên họ, năm sanh, quê quán... hình như Ngài lắc đầu. Cái này là pháp duyên sanh như huyễn. Tôi tìm tờ giấy khác. Phải có một bằng chứng rõ rệt về trình độ tu học. Giấy này được đây, chứng chỉ dự bị Phật học. Thành tích của một năm ăn bánh mì trắng vào những giờ trưa ở lại trường. Ngài lắc đầu, không nói lên được điều gì. Tôi hơi lúng túng và than thầm, điều này coi chừng mình bị đứng ở ngoài hàng rào. Tìm thêm nữa trong túi. A, xâu chuỗi! Tôi vẫn thường mang xâu chuỗi 18 hạt bên mình, và cả khi ngủ cho đỡ sợ ma. Ủa, nhưng xâu chuỗi này không phải của mình. Xâu chuỗi 108 hạt Bồ-đề của bà Ba, chẳng lẽ tôi cầm lộn. Thật sự tôi có yêu thích đối với xâu chuỗi của bà. Mỗi hạt chuỗi bóng ngời và tròn trịa như tấm lòng của bà. Buổi chiều vắng, bà thường ngồi trước hiên chùa niệm Phật. Tôi xách tập học bài lẩn quẩn gần đó. Nhìn dáng bà chỉ

thành, tay đưa từng hột, từng hột chuỗi qua tay thân thiết. Tôi ước ao dáng vẻ bình dị chân thật ấy. Nhiều buổi, tôi đến gần bên bà, giành một đầu chuỗi đòi niệm Phật ké. Tôi cũng có xâu chuỗi 108, nhưng không bóng đẹp, lý do đơn giản là tôi ít đem ra niệm Phật. Còn xâu chuỗi này, thật tinh khiết đạo đức. Mỗi lúc bị quấy rầy, bà chỉ cười hiền hậu, bảo tôi để yên cho bà niệm Phật. Chẳng lẽ tôi định trình bày minh chứng cho sự tu hành của mình bằng xâu chuỗi của người khác? Tôi đưa chuỗi lên, bỗng sợi dây chuỗi đứt tung, các hạt bay tứ phía. Ở đây không có trọng lượng hay sao mà chúng chẳng rơi theo đường thẳng. Mỗi hạt tròn bay xa, tôi chồm người theo để nhặt.

Giật mình, tôi thấy bóng mình đang ngã nghiêng.



Đường cũ

Sáng nay tôi chậm rãi trở về chùa cũ. Làm một người khách vô sự của thành phố, tôi muốn đi bộ về chùa trên con đường ngày xưa tôi thường đi - không có một việc nào để hện hò, để tính toán, tôi muốn đi với một cái tâm vô tư, thông thả. Biết bao con đường mà tôi đã đi trong ba cõi, nhưng ở mỗi đời có một con đường quen thuộc riêng biệt. Đối với tôi, chỉ có con đường về chùa.

Trên con đường này, tôi đã đi nhiều lần và có nhiều kỷ niệm ghi sâu. Ngang qua một cái chợ nhỏ, phía trong chợ có nhà của cô giáo Văn năm đầu tiên trung học. Những bài văn dạy về tình yêu quê hương, tình yêu thiên nhiên có hoa súng màu thiên thanh, có những câu ca dao mượt mà như sợi mưa lất phất bay qua cửa lớp. Ngày Tết, học trò rủ nhau đến nhà cô - cả đám đứng lóng ngóng trước cửa, sau cùng phải đẩy

Tố Tuyết - lớp trưởng - vào trước. Cô rất vui, cho ăn bánh mít. Học trò thăm nhìn áo mới của cô, và cắn hạt dưa. Khi chào ra về, cô nhắc:

- Các em nhớ làm bài, đừng để đầu năm mới bị rầy, xui cả năm.

Học trò cúi nhìn những ngón tay đỏ màu hạt dưa, dạ nhỏ.

Trong cái chợ này, còn có nhà cô giáo Hội Họa - Giờ của cô thường xếp vào cuối tuần, như một dịp thư giãn. Học trò bày ra nào tập vẽ, màu nước, cọ, bút lông - Học trò nghe cô hướng dẫn và chọn rộn pha màu - Tha hồ sơn quét, bôi xóa. Những gam màu trộn vào nhau cho ra những màu biến ảo, màu đầu tiên trong cuộc đời cũng tươi, lóng lánh. Màu này nhiều hơn hay ít hơn một chút, trên bảng thử màu cho nhiều vệt đậm nhạt khác nhau. Không bao giờ có hai lần pha màu trùng hợp - Cô dạy liên tiếp bốn năm, học trò nhớ cô với đôi mắt giống Audrey Hepburn.

Bây giờ đường cũ tôi qua, các cô giáo của tôi đã thiên di? Còn hay mất? Sáng nay chỉ đồng vọng lời thì thầm quá khứ.

Con đường tôi đi về mỗi buổi tối. Lớp học ban đêm có không khí trầm ngâm của người lớn. Tan lớp muộn, tôi đi qua những con đường sáng bóng ánh đèn. Chiếc áo

nhật bình của tôi lạc lõng vô cùng. Chỉ tới khi bước vào con đường quen thuộc, những tàn cây ru ngủ trên cao, tôi mới bước chậm lại chút đỉnh. Tượng Bồ-tát Quán Âm lộ thiên của một ngôi nhà nọ, vẫn nhìn tôi mỗi ngày đêm - Vẳng những nốt nhạc từ một chiếc dương cầm nào đó. Âm thanh ngập ngừng, rón rén của một bàn tay mới học đàn. Tâm hồn tu sĩ của tôi cũng chột ngập ngừng, rón rén - Con đường ban đêm mang dáng vẻ khác với con đường ban ngày.

Bao nhiêu vô thường thay đổi. Tôi bước lại trên con đường cũ. Vua Ba-tư-nặc khi thấy sông Hằng lúc 3 tuổi với khi thấy sông Hằng lúc 60 tuổi, tánh thấy có thay đổi? Tôi bây giờ và tôi ngày xưa, cũng qua con đường này, cái gì thường tại và cái gì luân lưu? Tôi có nhận được điều này, trong khi dòng sông đời trôi chảy? Thệ giả như tư phù.

Một ni cô đạp xe ngang qua tôi và dừng lại:

- Sư cô về chùa nào? Em cho quá giang.

Tôi cười nhìn cô bé tốt bụng. Khi chưa thấy được Phật tánh, hãy cảm ơn về hạnh phúc khi gặp người tốt như thế. Tôi hỏi:

- Em đi đâu?

- Em học lớp phiên dịch ở chùa Già Lam.

- À, chùa cô ở gần đó!

Cô bé đèo tôi phía sau, đạp thoăn thoắt, mặc dù tôi cũng khá nặng cân. Tự dưng tôi ước mình gầy ốm đi một tí. Tôi hỏi thăm chùa và Bốn sư của cô - cũng là người quen thôi. Tôi thầm mừng cho vị thầy có một người đệ tử như thế. Chỉ là chuyện giúp nhau trên đường, nhưng tôi giữ hoài tấm lòng của người em đồng đạo. Chúng ta đi cùng một con đường, đường trở về. Em là hình ảnh của tôi ngày trước. Chúc em luôn trong sáng và hào hiệp. Đó là tính cách của người tu trên đường trở về.



Kỳ quan Phật giáo

Thầy chúng tôi đi Indonésia về. Chúng tôi có thêm đôi điều hiểu biết về quần đảo lớn nhất trong vùng Đông Nam Á, cách Saigon khoảng ba giờ bay. Hiện tại đất nước này đã phát triển vững mạnh. Trên màn hình cho thấy những đường phố lịch sự, bóng nhoáng, ở đó không thấy có gì lam nham, hỗn tạp. Họ cũng như mình, mới ra khỏi ách thống trị ba trăm năm của Hà Lan, từ năm 1945.

Lễ hội Waisak 1996 (Phật Đản) diễn ra tưng bừng ở miền Trung bộ đảo Java, dù Phật giáo chỉ có 2% dân số. Nhân dịp này, bạn bè quốc tế và dân cả nước cùng đến

viếng đại tháp Borobudur. Cả một niềm tự hào dân tộc, khi ngay trên đất nước có một công trình kiến trúc thuộc vào hàng di sản văn hóa thế giới, ngang với Vạn Lý Trường Thành, Kim Tự Tháp, Đền Thiên... Riêng Phật giáo, lẽ nào không biết đến di tích lớn lao này?

Borobudur đã tồn tại trên mười thế kỷ, được xây dựng từ vương triều Sailendras (khoảng thế kỷ 8 và 9). Người xưa cho rằng thời gian sẽ xóa mờ tất cả, nhưng hình ảnh đức Phật và giáo lý vi diệu của Ngài phải còn được lưu truyền. Dùng đá làm vật liệu kiến trúc, trên đá điêu khắc những tranh truyện, trên đá tạc những pho tượng Phật mà nét từ bi và bình an trải dài suốt tâm tư người chiêm ngưỡng. Những khối đá xếp khít vào nhau, chất chồng lên nhau tạo thành nền tháp, thành những tầng sân xây lên cao, thành những bờ tường, những hành lang. Toàn bộ đều bằng đá, với bàn tay con người.

Kiến trúc Borobudur mang ý nghĩa như bộ kinh khắc trên đá. Hình ảnh và biểu tượng chuyên chở mỹ thuật, luân lý, tinh thần Đại thừa Phật giáo được các nghệ nhân cần cù thời đó chạm trổ, xếp đặt, biến đá vô tri thành một tác phẩm khổng lồ, một hình ảnh Phật giáo sống sừng trên

đồi cao. Từ dưới đi lên, phần chân tháp là tầng nền, tượng trưng cho cõi Dục, các tấm phù điêu đá trình bày luật Nghiệp Quả. Điều ác bị trừng phạt ở đây qua nét mặt của nhân vật trên phù điêu. Đây cũng là căn bản của giáo lý, là bậc thang đầu tiên trong tâm hồn người học Phật. Không e sợ luật nhân quả, chúng ta dám làm mọi chuyện kinh thiên động địa, và ánh sáng chân lý không thể nào soi rọi nổi. Điều này cũng có thể nhắc nhở rằng, phần ngầm trong đời sống chúng ta, chỉ có sự vận hành của nghiệp quả. Vì không ý thức được điều này, mọi sinh mệnh bị đẩy đưa lẫn quẩn tùy theo hệ nghiệp tốt xấu.

Đi lên các tầng trên tức là vươn lên, đưa tâm thức thoát ra vòng Dục giới. Ở đây ánh sáng giác ngộ xuất hiện, biểu trưng bằng các phù điêu mô tả cuộc đời của đức Bổn Sư Thích Ca, và những tiền thân của Ngài. Trên khắp hành lang của năm tầng sân vuông, đầy các sự tích rút ra từ Bốn Sanh, từ các kinh Đại thừa, giới thiệu một mẫu người hoàn thiện. Những cuộc đời được ghi tạc trên đá, được lưu truyền thiên thu là cuộc đời của chư vị Bồ tát, luôn luôn từ bi, nhẫn nhục, bố thí, quên mình, cống hiến trọn vẹn cho chúng sanh. Ai đi theo con đường này rốt cuộc sẽ đạt đến giác

ngộ, và những lỗi lầm quá khứ được cứu chuộc bằng Bồ Tát đạo. Cũng với mục đích tìm kiếm chân lý, Borobudur giới thiệu cuộc du hành của Thiện Tài đồng tử với trên ba trăm phù điêu. Tầng trên cùng của nền sân vuông là giai đoạn cuối cùng. Thiện Tài gặp Bồ tát Phổ Hiền, Ngài vừa đặt tay lên đầu chàng, lập tức chánh định và nhất thiết trí thể hiện đầy đủ. Vô số cảnh tượng thần thông vi diệu ca ngợi chàng thanh niên nhiệt tâm này.

Rời tầng sân vuông lên đến ba tầng sân tròn phía trên, với 72 ngôi tháp nhỏ bao quanh một tháp lớn chính giữa, đó là trọng tâm của công trình. Trên này không có phù điêu, chỉ toàn các tượng Phật đang thiền định. Phật tánh thể hiện toàn mãn khi tâm thức thanh tịnh, chúng ta bước vào một vũ trụ Phật, tiếp giáp với khoảng không gian bao la.

Cách xếp đặt một ngôi tháp trong ý nghĩa “TAM GIỚI CỨU ĐỊA”, cách chọn lựa đề tài phù điêu, cho thấy có một sự xâm nhập sâu xa nhuần nhuyễn giáo lý Phật đà, kết hợp với sự thông minh và văn hóa mỹ thuật của Java. Có một con đường Phật giáo từ Ấn Độ đến các nước vùng biển Nam Hải, theo thương thuyền, các vị tăng đã du hành từ Ấn sang Trung Hoa và ngược

lại. Trên những vùng đất mà tàu có thể bỏ neo như Ceylon, Sumatra, Java, Thái lan, Miến Điện, v.v... chư tăng có thể ghé lại, đối với vị này là để truyền bá, đối với vị kia là để học hỏi. Trong ký sự của Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713), vào thời của Sư, đã có trên 50 nhà du hành, từ Trung Hoa sang Ấn Độ để chiêm bái thánh tích và sưu tầm kinh điển. Chính ngài cũng ghé lại Thất lý Phật Thệ (Palembang hiện nay) trong khoảng ?-672 để học Phạn văn. Luật sư Hội Ninh, trong khoảng 664 - 666 trên đường sanh Ấn đã ghé lại Java ba năm. Tại đây, ngài dịch chung với sư Trí Hiền (Jhanabhadra) người Java, một bản kinh trích từ A Hàm, về việc hỏa táng và thu xá lợi, sau khi Phật Niết Bàn. Bản kinh được gửi trở về Trung quốc, do một vị tăng tên Vân Kỳ thọ cụ túc giới tại Java với sư Trí Hiền. Các nhà khảo cổ phát hiện tại Nalanda (Bắc Ấn) một hiến chương khắc trên đá, trong đó quốc vương Bengal đã ra sắc lệnh cấp hoa lợi của năm xā để cúng dường các sư từ Nam dương sang học Nalanda. Java trong những thế kỷ 7, 8, 9 đã là một trung tâm Phật giáo, có thể Borobudur được xây dựng trong thời kỳ đỉnh cao này.

Đầu thế kỷ thứ 11, núi lửa Merapi gây chấn động, tro bụi phủ lấp toàn bộ kiến trúc, và Borobudur ngủ yên 800 năm. Thế kỷ thứ 19 và 20, một loạt chương trình hoạt động của UNESCO, hợp tác với các quốc gia Đông Nam Á chuyên về khảo cổ và mỹ thuật, đã đánh thức, phục hồi, hoàn toàn lại những gì bị suy sụp. Borobudur không phải chỉ là di sản tinh thần của dân tộc Indonésia, mà còn là chứng tích của một nền văn minh cổ xưa. Borobudur là một khu vườn của những tác phẩm điêu khắc, là một ngôi tháp thờ Phật vĩ đại, là một tinh xá lộ thiên hay là “BÀI KINH TRÊN ĐÁ” - như lời các nhà khảo cứu - nó bao trùm mọi lời giải thích, hay không cần giải thích, vẫn giữ riêng cho mình một vẻ đẹp hùng vĩ.



Kể chuyện xưa nhân ngày sinh của Bụt

Phía sau Thiền viện là vườn cây ăn trái. Ba mặt bỏ trống để thấy một con suối đầy ắp, hoang vu với lũ vịt trời về tắm mỗi buổi chiều. Con suối này là sở hữu không tốn tiền, cũng là bờ ranh tự nhiên cho đất chùa. Hai bờ ranh hai bên giáp ruộng hàng xóm, ruộng chùa cũng không có hàng rào làm chi.

Trong vườn trồng nhiều thứ cây. Chôm chôm, sầu riêng, giống lấy từ Long Thành. Một, hai trăm cây dứa xin từ Chợ Gạo, Mỹ Tho, bờ mương dứa rau má mọc bò lan, ra dáng miệt vườn miền Tây. Ban Tri viên nhiệt tình, đi Đơn Dương xin giống cây cà

phê, tạo một khoảng không gian cao nguyên, khi những bụi cà phê trở bông trắng, một hai cây hồng, cây bơ chịu đựng sức nóng Nam bộ, ngẫm nghĩ thử xem mình sẽ thọ bao lâu. Tóm lại, buổi đầu, khu vườn có vẻ mất trật tự, trông theo yêu cầu miệng của Đại chúng. Lũ chim sẻ ríu rít chuyền cành, chim chìa vôi lượn vòng, vẽ những đường trắng mỏng trên không gian khi đôi cánh bay qua, chim bó cá màu xanh bông phấn bay rập rình bên bờ suối... Khu vườn rất lý tưởng, nhưng quý cô bận rộn theo thời khóa, nào học, nào công tác, rồi tọa thiền, rảnh ra lo may vá quần áo, nghiên tầm kinh sử, ít có thì giờ để dạo vườn.

Trẻ con ấp Hai và ấp Bốn không đứa nào không từng lội trong vườn. Bểng qua bờ ruộng, chạy lúp xúp dọc theo mấy bụi cây rậm, thoát một cái chễm chệ trên nhánh cây. Vườn chùa được đồn đãi không phải vì có mấy thứ cây kể trên, nhưng vì có mấy cây sơ-ri trái chín đỏ cành, những chùm sơ-ri rất vừa tay hái, như hạnh phúc vừa tầm, chỉ cần nhón lên là nắm được. Có cây khế ngọt, ngọt như đường. Cây ổi sẻ ruột đỏ, giòn giòn chua chua, ăn lúc nào cũng nghe thơm mùi rừng. Lũ nhóc thuộc lòng giờ giấc của quý cô, làm như chúng đã từng ở trong ấy. Buổi sáng đừng có vào

vườn, đi đâu cũng có mặt “mấy bà”. Buổi trưa, giờ chỉ tịnh, và buổi chiều nhằm buổi học, buổi tọa thiền, mấy lúc đó làm ăn được. Nhất là ngày dạy của Sư Ông, đó có bóng cô nào lai vãng ngoài vườn, tha hồ làm chủ nhân không mời thỉnh. Chúng cũng tấn công rất có kế sách. Mấy đứa con ông Kiệt: Tươi, Tốt, Hồng 5 tuổi, đủ sức cầm cái rổ, còn Mai mới đi lẫm dẫm, lúc gấp rút mấy chị nó xốc nách bồng chạy. Bé Hồng đen nhẻm như củ khoai lùi, vạch bụi cây bên bờ ruộng chui vô trước. Nếu gặp quý cô thì xin, còn thấy không có ai thì ra dấu cho hai con chị ở đằng sau. Ngày nào cũng tha về nào khế, nào ổi, chúng ít khi ăn tại vườn, và dù sao cũng được quý cô bỏ qua, vì con gái ít phá. Gặp thằng anh của chúng, cu Tèo, và đám chăn bò con chú Thẩm, con ông Minh... mới đáng sợ.

Nhằm tháng nắng, mấy đồng cỏ đều khô héo, những bụi chùm bao, bụi sim hoang đã hết trái, chơi bắn bi, tạt lon mãi cũng hết trò, chúng rủ nhau vô chùa. Cột mấy con bò trong chỗ có cỏ còn tươi, chúng tha hồ lùng sục. Hết trái chín đến trái sống, buổi non còn đắng nghét cũng hái cho được, chùm nhãn cơm còn mỏng cũng lật, mấy bụi mía để dành nấu nước ngọt khi có đám bị bẻ ngang, xơ rơ còi cọc.

Ban Tri viên than trời, đi dẹp những cành lá đổ gãy bừa bãi. Máy con bò sút dây, đi lang thang gặm rút cành lá non, đập dẹp vòng khoai, ủi tước bụi chuối con mới trồng. Chỉ có con nào... ngu như bò mới lần quần vòng quanh cái cây cột, để sợi dây thâu ngắn, thâu ngắn, tới lúc thấy không nhúc nhích được, bèn la “hừ! hừ!”.

Cũng thỉnh thoảng diễn ra màn đại náo. Một đám con nít cởi trần ôm áo dựng sơ-ri, vừa chạy vừa cần nhân:

- Máy bà đó tu mà dữ quá!

- Bả đâu có ăn sơ-ri mà cũng giành.

Chạy ngang khu vực thất, chúng bồi thêm:

- Phải nhốt hết mấy bà đó trong mấy cái nhà này.

- Ồ! Máy bà này chắc dữ lắm nên mới bị nhốt.

- Oái! Kiến cắn tao. Kiến chùa mà cũng dữ.

Hoặc từ góc vườn có tiếng la:

- Bò của ai đây? Đứa nào thả bò đi phá vườn đây?

Lặng thinh, mấy đứa nhỏ trốn hết trong bụi. Cô bèn dợm đi tới mở dây con bò, vừa nói:

- Dắt con bò này qua chú Phú mới được.

Chú Phú hỏi đó làm công an trong tổ. Một đứa con nít ló ra.

- Cô ơi! Bò đó của thằng Thái, nó trốn về nhà rồi. Con bò bị nhốt đói lắm cô ơi!

Một đứa nữa ló ra:

- Cô ơi! Để con dắt dùm nó về nhà. Không có con bò, ba nó đánh nó.

Lẽ dĩ nhiên cô sẽ chẳng biết con bò nào của đứa nào. Tội nhỏ điều khiển con bò dễ dàng, còn cô, tới gần con bò lớn quá cũng hơi ngán. Với lại chỉ muốn hăm dọa cho tội nhỏ sợ, chớ cô chẳng muốn rắc rối làm gì. Tâm cô sẽ không an suốt thời ngồi thiền, nếu biết có đứa nhỏ bị ba đánh, hoặc có con bò bị nhốt, không đi gặm cỏ được.

Những cây chôm chôm bắt đầu cho trái chín, từng chùm trái đỏ nổi bật một vùng, cây nào cũng sai oằn. Nhìn cái cây thật vui mắt và hả dạ. Ban tri viên chia nhau canh giữ chặt chẽ. Lũ nhỏ chỉ đến gần cây sơ-ri, hoặc lễ phép xin thì được cho vài trái chôm chôm. Bây giờ, thỉnh thoảng có vài đứa chặn bò lớn hơn, lạ, nghe đâu con nhà bên ấp Bốn, chúng xách theo bao và liềm cắt cỏ. Có thể cắt cỏ ở đầu này, nhưng liếc chừng vắng một chút, xoẹt một

cái là nhánh chôm chôm chui vào bao. Bị mở bao bắt gặp, chúng vùng vằng chửi thề, và tối đó ban đũa báo cáo mất cả quày đũa, còn cây chôm chôm thấp bị vặt sạch, cả xanh lẫn vàng. Mấy vị Giáo thọ đi ra đi vô ngán ngẩm. Mình giảng dạy cho Phật tử nghe thì được, chớ đâu có luận đạo lý gì với mấy đứa nhỏ phá phách. Ngày nào cũng nghe báo cáo mất trái cây, vườn rộng còn phải làm cỏ, không có một tí hàng rào thì ngăn chặn ngô nào cho được. Không có công đâu mà đi tìm ba má nó, biết nhà nó đó, nhưng người lớn còn ở ngoài đồng ruộng xa lắc. Quý cô chỉ làm bầm với nhau.

Một buổi chiều, trời tháng tư oi nồng, lũ nhỏ tấp táp đũa giỡn sau suối, mấy con bò lẫn quần ở cánh đồng nhà bà Ba, gặm gốc rạ, phe phẩy đuôi thỏ dài:

- Nóng quá!

Cô Kính ăn chiều xong, ra bờ suối thư giãn một chút. Lũ nhỏ đã lừa bò về nhà. Ủa! Còn một đứa nào đây, nằm chùm hum ở đám cỏ. Có thể thằng bé này ở lại đặng rình rập hái phá thêm. Cô đi tới gần. Nó đang loay hoay tìm kiếm gì trong đám cỏ, mặt mày méo xệch. Cô hỏi:

- Sao giờ này con chưa về?

- Con tìm cái liềm. Hồi nãy để ở đây, hỏng biết có đứa nào giấu?

Cô cũng tới tìm phụ. Mấy đứa này cô biết mặt, dân phá chùa nổi tiếng. Nhưng thấy vẻ lo lắng của nó, tội nghiệp. Mặt trời nhích xuống thấp hơn, phía sau vườn im ắng, trở nên rộng, và đám cỏ lau sậy chung quanh dường như um tùm hơn. Con bò đợi chủ, sốt ruột la um trên bờ ruộng. Thằng bé càng tìm kiếm quỳnh quáng. Cô Kính hỏi:

- Con có làm rớt dưới suối không?

Quay nhìn mặt suối sắp thẫm màu:

- Hỏng biết nữa! Hu...Hu... Mất cái liềm về ba con ổng chứ.

Nó ngồi bệt xuống đám cỏ và khóc. Dầu sao nó cũng chỉ là con nít. Một đứa bé chăn bò tội nghiệp, da mốc cời như da bò dính sinh. Cái liềm đối với nó quan trọng vậy sao? Trong nhà mình thiếu gì liềm, tới mùa gặt, bốn năm chục cái liềm nằm sẵn, quý cô mỗi người lấy một cái. Cô nói, rất nhẹ nhàng:

- Bây giờ cô cho con một cái liềm, mai mốt không được phá vườn nữa ghen.

Cô còn định dạy dỗ nó thêm, nhân cơ hội này. Nhưng thấy vẻ sung sướng bất ngờ, và trời cũng gần tối rồi nên thôi. Thằng bé cầm cái liềm, nhảy phóc qua bờ

ruộng, leo lên lưng con bò, đập cây roi đập đập, gác chân lên bao cỏ. Dáng nó nhấp nhể, nhấp nhể theo đường đất.

Ồ! Trăng sớm tháng tư đã chéch một góc trời. Sắp đến ngày Đản Sanh, nhưng hôm nay hạnh phúc đến sớm với chú bé. Có phải như chuyện cổ tích, khi đàn thiên nga hóa thành tiên đi tắm, một cô tiên bị giấu đôi cánh nên phải ở lại tìm kiếm. Chắc không vì câu chuyện đó có tính cách diễm lệ. Có phải Bụt vừa hiện khi cô Tấm ngời khóc? Có thể chú nhỏ không hề cầu khẩn Bụt, chú cũng không biết Bụt ra đời là để chấm dứt những dòng nước mắt. Nhưng chiều nay về nhà chú khỏi bị đòn. Đó thì là như chuyện cổ tích.



Mùa mận chín

Hồi đó trong sân chùa chúng tôi có một cây mận. Dáng cao lớn chắc chắn, có vẻ nó đã có mặt ở đây rất lâu, trước khi chúng tôi đến. Mỗi ngày đại chúng đi qua khoảng sân này nhiều lần, lên lớp học, lên chùa tụng kinh, và đặc biệt cây mận nằm gần LIÊU CHÚC SỰ nghĩa là nơi mà bọn nhỏ Sa-di rất sợ, vì hay bị gọi lên rầy rà. Có lẽ vì thế mỗi khi cây mận ra hoa trở trái, chúng Sa-di đều hay. Hồi đó bánh kẹo không nhiều như bây giờ, vườn chùa chỉ có cây mận này và cây sa-pô-chê là gần tầm tay. Cây dứa ở sân sau, trái để dành nấu chè, nấu kiểng cúng rằm, không phải là thứ quà ăn vặt. Xoài thì lén hái cũng được, nhưng giới thứ hai đã cảnh báo, một ông Sa-di trộm bánh trắng chết đọa địa ngục ôm cái bánh lửa. Cây mận không quan trọng, nhiều khi trái rụng còn không ai để ý.

Minh Ngọc thường lân la gần cây mận, cầm cây khoèo dài để hái những chùm trái phía trên. Hắn không bao giờ ăn một mình, đem về chia trong liêu, bỏ trên đầu giường đứa này đứa nọ. Nhiều khi vừa cầm cuốn tập trên lớp xuống phòng, thấy mấy trái mận chín có một hai lá xanh trên cuống, như một món quà thân ái, bọn nhỏ Sa-di mừng rỡ, vui tươi ra mặt. Nhờ tánh thảo ăn như vậy, Minh Ngọc được đồng liêu ủng hộ, đôi lúc hòa theo mấy trò đùa nghịch ngợm, và lẽ dĩ nhiên cũng có lúc bị phạt quỳ hương hết cả đám. Một lần, trong ba tháng an cư, buổi tối sau 9 giờ thường có thời tịnh niệm, tại giường của mình mỗi người ngồi yên niệm Phật, Ni sư Tri chúng đi tuần liêu, kiểm soát hết từ liêu trên đến liêu dưới thì vừa đúng nửa giờ. Đèn trong phòng vạng rất thấp, Ni sư bước nhẹ nhàng, nếu ai ngồi ngủ thì Ni sư đến bên giường cũng không hay. Minh Ngọc nghĩ ra một kiểu báo động bằng cách để cái lon sữa bò không ngay giữa cửa liêu, Ni sư bước vào chắc sẽ đạp nhầm... Báo hại cả liêu hồi hộp theo dõi suốt thời tịnh niệm. Chẳng có một tiếng động nào vang lên, Ni sư bước vào rồi bước ra. Chuông xả vừa vang lên là Minh Ngọc phóng đến cửa, cái lon còn y nguyên. Thử

tưởng tượng nếu Ni sư vấp chân đêm đó, chắc cả liêu lại được dịp quỳ hương.

Thế nhưng, tuổi Sa-di trôi qua với rất nhiều kỷ niệm, đó là thời gian vô tư lự. Minh Ngọc là người nhạy cảm, có làm mấy câu thơ:

*Điệu cười chớp tóc ngây thơ
Điệu buồn giấu áo trốn thầy đi chơi
Phố phường xe pháo giục mời
Thôi thì ta đổi một thời kinh khuya
Sáng mai nhác thấy cổng chùa
Run tay điệu mở cho mùa xuân qua.*

...

Có tài thơ thần và vẽ vời, mỗi lần đại lễ y như hấn được bầu làm trưởng ban trang trí, nhờ vậy những tội lỗi phá phách cũng được quý Ni sư gia giảm. Mùa Phật Đản đến, cả chúng Sa-di được nghỉ học, đi theo phụ tá Minh Ngọc làm vườn Lâm-tỳ-ni. Chọn cây mận giữa khoảng sân cỏ để dựng tượng hoàng hậu Ma-gia. Những chùm bông mận nở chi chít khiến không gian trở nên rộn rã. Những chùm bông trắng mượt mà, êm như tơ, rụng lác đác quanh chân tượng sơ sinh. Xui khiến làm sao năm đó mưa muộn, để những tấm phong vẽ hình chư thiên, cung nữ chấp tay xa gần không bị ướt nước. Một khoảnh khắc dường như lạ hẳn, đem chúng Sa-di trở về gần thành Ca-

tỳ-la-vệ, chung quanh không có bài học bài làm, những giờ khắc nghiêm nhặt. Quý Ni sư cũng có vẻ thư giãn, đi qua lại xem lũ nhỏ trang hoàng khung sân, chăm chút vườn hoa kiểng. Còn cho thêm tiền mua đèn, hoa giấy, kết treo khắp chung quanh cổng vườn. Đôi câu thơ thả lên

*Đản sanh ngày ấy không xa nữa
Là một tin vui khắp mọi miền.*

Minh Ngọc ngày nào cũng tô vẽ, cắt chữ, cắt hoa, công việc này thu hút nhiều năng lượng, không có thì giờ nghỉ ra trò chơi mới. Đồng liêu cũng lưu tâm bồi dưỡng, lúc thì nước đá chanh, lúc nhét cho viên kẹo. Một tuần lễ say sưa quên hết thời gian, không gian. Cả liêu phòng cũng tùm lum giấy, vải, màu, cọ... Mấy chục đèn bánh ú màu xanh đỏ vàng tím phát phơ khắp mọi đầu giường. Đợi bắt điện xong mới đem ra treo, còn sợ trời mưa ướt, và không muốn niềm vui sớm chia tay. Đêm thử điện đầu tiên, cả khung sân bừng lên màu sắc và âm nhạc. Đám Sa-di ham vui ùa ra cả hết ngoài sân, chọn rộn sửa soạn, lẫn với lũ trẻ nít hàng xóm đứng ngó trằm trồ. Tượng Đản sanh với nét trẻ thơ có một cái gì đó thân thiện, không khiến người ta phải e dè. Cửa chùa mở suốt đêm rằm, không khí cổ kính đạo mạo của một trường

học ni nội trú biến mất. Thay vào đó là nét tưng bừng rộn rã, dường như Ấn Độ ngàn xưa trở về trong nếp áo của cung nữ, vương vấn trên vòng chuỗi lấp lánh của chư thiên đang quỳ trên cao. Cây mạn trang trọng khi xoè tàng lá xanh rậm che cho Hoàng hậu, bên cạnh bầy đài sen của Thái tử. Truyền thuyết nói rằng khi hoàng hậu Ma-gia đến bên cây Vô Ưu thì hạ sanh Thái tử. Cây mạn hôm nay được hóa thành cây Vô Ưu, những chùm hoa của nó dường như cũng tỏa hương Vô Ưu, chỉ vì khi mọi người ngắm nhìn khung cảnh Đản Sanh, mọi ưu phiền lắng xuống. Biết bao nhiêu người đến xem, Phật tử có mà không Phật tử cũng có, chẳng ai bận tâm điều này.

Ban Giám đốc đi chấm điểm các Ni trường, vườn Vô Ưu của Minh Ngọc được hạng nhì, chỉ một khuyết điểm là Hoàng hậu và cung nữ không giống Ấn Độ mà giống người Việt Nam. Hi hi, tin này đủ cho chúng Sa-di khao nhau một bữa bánh trắng cuốn, còn chuyện Ấn Độ hay Việt Nam không hề gì, Minh Ngọc đâu phải là họa sĩ chuyên nghiệp. Chỉ với tấm lòng và khả năng của chúng nhỏ tởm nên thôi.

Từ đó đến nay biết bao nhiêu mùa Đản Sanh đã trôi qua, những bạn đồng liêu cùng đèn sách một thời, đã như chim bay

tản mác. Lần cuối Minh Ngọc còn vẽ tặng tôi một bức chân dung đức Bổn sư, tranh sơn dầu và đóng khung bằng vàng. Minh Ngọc rất thích học trường mỹ thuật hội họa để đi theo hết con đường đam mê của mình. Nhưng thầy không cho phép, chắc vì sợ tính nghệ sĩ của đệ tử mình bộc lộ quá, không hợp khuôn phép nhà chùa. Minh Ngọc đã cố gắng diễn tả nét bình an của đức Phật, nhưng cũng còn gượng lắm, tôi quý bức tranh ở chỗ đó. Phòng của tôi đang ở hiện nay nhìn ra một cây mận đang mùa chín đỏ. Tôi nhớ cây mận vườn xưa và Phật Đản đang tới gần. Bài viết này như một tấm thiệp mừng gửi đến Minh Ngọc và các bạn đồng liêu.



Nét đẹp của Thiền

Thiền đồng nghĩa với cái đẹp. Người ta thường đề cập đến Chân - Thiện - Mỹ cho một tiêu chuẩn hoàn hảo. Tính chân thật tuyệt đối thường có vẻ lạnh lùng nhạt nhẽo của đệ nhất phong đầu bật dứt ý niệm. Phải có thêm tính Mỹ để cái đẹp ngàn đời hiển hiện. Trong thơ văn Thiền Việt Nam, vẻ đẹp của chân lý tuyệt đối được biểu trưng bằng nhiều cách. Một cảnh mai của thiền sư Mãn Giác nở hoài từ vô thủy vô chung, mỗi độ xuân về thường được nhắc đến. Đồi ngỗng của thiền sư Pháp Thuận, từ thời đón sứ Tống đến nay cũng cứ bơi hoài, trong đó có cái đẹp thong

dong lướt đi trên nước, như mọi thứ trong đời cứ lướt đi không vướng bận.

Bạch mao phô lục thủy
 Hồng trạo bãi thanh ba.

*Lông trắng phơi dòng biếc
 Sóng xanh chôn hồng bơi.*

Thiền sư Thiền Lão thì mượn trúc biếc hoa vàng để diễn tả cảnh giới toàn chơn. Thiền sư Cứu Chỉ nói đến cái sáng ngời trong suốt trên khắp đầu ngọn cỏ lá cây, không đâu không có.

Thiên cổ vạn cổ nan tỷ hưởng
 Giới giới xứ xứ thường thường lãng lãng.

*Muôn đời ngàn đời nào sánh được
 Chốn chốn nơi nơi thường rạng ngời.*

Cho dù văn thơ Thiền Việt Nam rất ít, khiêm tốn và đơn giản như cuộc đời Thiền sư, không lộng lẫy đặc biệt như Thiền Trung Hoa, nhưng qua mỗi trang chữ, không thiếu hình ảnh Chân Thiện Mỹ. Có thể chọn một bài thơ của Tuệ Trung Thượng Sĩ làm tiêu biểu.

HỌA HƯNG TRÍ THƯỢNG VỊ HẦU

Thiền phong vô hậu diệc vô tiền
 Bản thể như như chỉ tự nhiên
 Thiếu Thất cửu niên vô nhất ngữ
 Hoàng Mai bán dạ giả đơn truyền
 Tâm cơ bất quả ti hào niệm

Khẩu nghiệp hà lao gián trạch nghiên (ngôn)
 Vị báo Nguyên quân Trần Xử Sĩ
 Nhất thanh lãnh nhận độ sương thiên.

HỌA THƠ HƯNG TRÍ THƯỢNG VỊ HẦU

*Thiên phong không trước cũng không sau
 Bản thể như như sẵn vậy nào
 Thiếu Thất chín năm không một tiếng
 Hoàng Mai đêm giữa tạm riêng trao
 Tâm cơ chẳng dính tơ hào niệm
 Khẩu nghiệp nhọc gì chọn lựa câu
 Vì báo Nguyên quân Trần Xử Sĩ
 Nhận khuya một tiếng hết đêm mù.*

(H.T. Thanh Từ dịch)

Bốn câu đầu nói về tính Chân, bộ mặt thật y nhiên vượt thời không, cho dù Thiếu Thất chín năm không nói hay Hoàng Mai một lời cũng chỉ là tạm dùng đưa người qua sông. Hai câu kế nói khi đạt đến chỗ dứt niệm thì thân, khẩu tự an, mỗi lời nói không cần suy tính mà vẫn lợi ích. Lời nói đại diện cho thân ý, lời đã thiện lành thì mình người hết đau khổ. Từ thể chân thực phát ra dụng tốt đẹp. Một câu cuối mượn hình ảnh chim nhận bay qua trời sương để nói lên vẻ đẹp của cuộc sống. Một cuộc sống thức tỉnh đầy an lạc. Thiên vốn không thích giảng diễn, nói dài dòng như thế chỉ e không trúng ý cổ nhân. Nhưng không mượn ngôn

ngữ thì làm sao cảm thông được nét đẹp của Thiền.

Trong đầu thập niên 70, có một cõi Thiền rất thu hút. Tu viện Chơn Không, núi lớn Vũng Tàu. Cho đến bây giờ mỗi khi nhớ lại, những người đã từng ở đó vẫn thấy một nỗi niềm khôn nguôi. Không có gì nhiều, nhưng mộng ước bình sinh được thấy ở nơi này. Nếu so sánh với các thiền viện hiện tại thì Chơn Không thời đó không bằng, nhưng tự nó toát ra một vẻ nguyên sơ tinh khôi, cái đẹp như là sau những khi lội suối băng rừng người ta thấy một chùm hoa lan trên cành cây cổ thụ. Leo hết những con đường dốc, đi dưới bóng cây khuynh diệp lá thon, luôn reo đùa đón mừng người lạ lẫn người quen. Qua chiếc cổng tu viện, bước vào thế giới yên tĩnh lạ kỳ. Những cây bông sứ rải rác quanh các phiến đá, mô đá cao thấp không đều, bông sứ trắng rụng trên đá cũng không nói lời chi. Cứ nhìn rừng hoa rụng, người ta lại nhớ bài thơ của Trần Quang Triều đề Chùa Gia Lâm. Bài thơ có hai câu kết như sau:

Khách khứ tặng vô ngữ

Tùng hoa mãn địa hương.

Khách về tặng chẳng nói

Hoa thơm rụng ngát vườn.

Không ai nói gì nhưng khách cứ tần ngần khi bước qua khung sân hoa rụng. Lòng tự hỏi phải chăng đây là cõi Thiên mơ ước mà mình chưa đặt chân vào được? Những năm tháng miệt mài trường lớp, ngôn ngữ nhiều nhưng tận thâm sâu vẫn thấy thiếu một nơi chốn quay về.

*Mình chưa là thiên sư
Giả vờ cầm gậy trúc
Mơ hồ câu tham vấn
Ý chỉ Phật như hà?*

(Tuệ Đăng)

Một đôi khi ở tạm dưới các cốc thất quanh đó, giả vờ cầm cây gậy chống cộc cộc qua mấy đường đá cheo leo. Một cây gậy chẳng khiến mình thành Thiên sư được, nhưng ở đây ai cũng chống gậy. Đá núi bấp bênh phủ rêu trơn, cỏ dại mọc tràn không thấy rõ lối đi. Đường Thạch Đầu, đường Đại Mai có dáng Thầy uy nghiêm dẫn lối. Đôi Tự Tại lúc chiều xuống lúc trăng lên, bóng thiền tăng áo vàng thung dung. Mơ hay thực? Phải tham dự những pháp hội thiền, để nghe pháp âm từ Thầy thấm nhuần những tâm hồn khô khao, để biết rằng rốt cuộc đời mình đã gặp một chốn Thiên thật sự.

*Ta thoáng thấy thiên đường không mặc cả
Bến nước này, xin rũ áo đi rong.*

(Như Thủy)

Mỗi lần về Chơn Không, bạn bè thường gọi là về miền đất hứa, về Thánh địa tâm linh, bởi vì sau mỗi lần lên núi học đạo, ai cũng thấy tâm mình tươi mới sạch bong. Mang theo mộng ước kiếm hiệp Kim Dung, hẹn sẽ luyện võ công cho đến mức thượng thừa, mọi con đường phố thị, mọi si mê thời trẻ đại xin chào! Hăm hở nhiệt tình theo đúng nội quy, không giữ tiền, không đọc sách báo, không ăn phi thời. Chặt củi gánh nước ư? Đó là học theo gương Lục tổ Huệ Năng. Ngồi thiền chăm bẵm là để giải quyết sanh tử. Ngũ lục, khẩu quyết đem theo, để gặp tình huống gỡ ra giải quyết. Một thời sống như thơ. Cho đến đoạn đường từ Chơn Không sang Bát Nhã, tội nghiệp chẳng có cây tùng cây thông, chỉ có vườn chuối lá xanh um và cỏ tranh bạc màu, vậy mà cũng được đặt cho cái tên rất văn vẻ “Ba Tiêu Lộ”. Thầy cũng biết những đứa tâm viên ý mã này khó bề nhốt trọn, nên uốn nắn chừng chừng.

Hơn hai mươi năm sau của Chơn Không, một thiền viện theo đúng ý nguyện của Thầy ra đời, tiếp nối mạch Thiền càng thêm khởi sắc. Trúc Lâm Đà Lạt, một chốn có thể sánh vai với các thiền viện đẹp nhất. Lô Sơn có nhiều tu viện, sương sớm rắng

chiều u tịch. Nhưng nổi danh vì có các cao nhân ẩn sĩ.

Vi văn Lô Sơn đa chân ẩn
Cố tựu cao nhân đoạn túc phan.

Tô Đông Pha nói rằng ông nghe ở Lô Sơn có nhiều chân nhân ẩn tích, tìm đến đó là để đoạn dứt những mớ bòng bong rối rắm nhiều đời. Người vào Trúc lâm học đạo Thiền cũng chỉ muốn như thế. Suốt thời gian chỉ luyện một môn võ: chặt đứt và chặt thẳng. Tuy không ra gươm kiếm nhưng trí tuệ lơ là cũng gọi uống công phu. Bên cạnh hồ Tuyên Lâm, dáng núi đồi cao hút xa. Không cần phải hẹn ước như nhà thơ Tô học sĩ.

*Rốt cuộc ta sẽ cùng mở cửa bắc
Nhìn lên ba mươi sáu núi chập chùng.*

Đáo hậu dữ quân khai bắc hộ
Cử đầu tam thập lục thanh sơn.

Cánh cửa ở đây một khi khai mở thì y nhiên ở nhân thế hoa đã lộng lẫy rồi. Đến với Thiền qua nét đẹp của rừng cây thông, của tu viện mái cong trôi bồng bình sương khói, của đường hoa cỏ mượt mỗi sáng mỗi chiều. Từ cái đẹp đó khai mở cho cái đẹp của tâm. Khi mọi thứ đa đoan muộn phiền đặt xuống, đời sống bỗng nhiên an lành. Những xáo trộn ưu tư dần dần lắng, nhìn ra mình và người có sự cảm thông, nét Thiện đã tỏ lộ. Với thiện nghiệp trong sạch, càng

tu càng sáng tỏ thì chân tâm ngay đấy không xa. Quá trình tu học bắt nguồn như thế, theo con đường từ Mỹ - đến Thiên - rồi Chân. Ngẫm nghĩ lại hình ảnh của Chơn Không ngày xưa. Sức thu hút đầu tiên đối với một thời tuổi trẻ là nét đẹp của Thiên. Từ đó đến nay những thiền viện càng sau càng đẹp. Cảnh đẹp rủ người vào tu đông, tu để cho ba nghiệp trong sạch, và trắng chơn như rạng ngời. Lời chúc mừng này xin tặng Trúc Lâm ngày tròn mười tuổi.



Ẩn sĩ và những cơn mưa

Thành phố đã vào mưa. Trời đất trở nên dịu dàng khi có mây có gió. Cây lá bên đường tươi tỉnh, rũ sạch bụi nhốt và khói xe. Không gian như rộng hơn, hoang dã hơn khi nhìn qua những đợt mưa trắng xóa. Mưa tạo nhiều cảm hứng cho thơ văn, cho âm nhạc. Với các Tỳ-kheo vào thời đức Phật, khi ẩn cư nơi rừng sâu hang động, những cơn mưa là những cơ hội kỳ thú tạo nên Thánh quả.

Thầy Tàlaputta, trước khi gặp đức Phật là một kịch sĩ nổi tiếng. Với đoàn hát 500 người, với sự huy hoàng của nghề kịch, thầy luôn luôn sống trong lễ hội, trong những đêm vui từ hoàng cung, thị trấn đến làng mạc. Thầy gặp đức Thế Tôn tại Vương Xá, sau đêm trình diễn, và chợt xuất gia. Chọn cuộc sống ẩn cư, tu tập thiền định,

chứng đắc A-la-hán, thầy để lại trong Trường Lão Tăng Kệ một số bài nói về cảm hứng của mình:

*Tâm ta sẽ ưa sống
Trên đỉnh sườn núi cao
Hay trong rừng núi sâu
Thấm mát mưa nước mới.*

Quả thật, mưa như rửa sạch cấu uế, cuốn trôi những mê lầm khi còn ở trong nhân gian. Thiên nhiên chào đón mưa ra sao?

*Loài chim lông cổ đẹp
Với mào đẹp, cánh đẹp
Với lông nhiều màu sắc
Đón chào tiếng sấm vang.*

...

*Khi trời đổ mưa xuống
Trên đám cỏ bốn phân
Và trong rừng nở hoa
Với đầu hoa như mây.*

Ẩn sĩ tu tập trong rừng, tự do như muông thú, và hướng dẫn tâm mình đến bờ an lạc.

*Như loài thú tự do
Trong ngôi rừng đẹp đẽ
Người vào núi xinh đẹp
Có mây làm vòng hoa.
Tại đấy, không có người
Trong rừng người sẽ thích
Nay tâm, chắc chắn vậy
Người sẽ đến bờ kia.*

Thầy Tỳ-kheo Cūlaka trú ẩn dưới một hang cây. Một hôm ngồi nhìn thửa ruộng trong vùng Ma-kiệt-đà, trời chợt khởi lên giông tố. Mây đen kéo ùn ùn, sấm sét vang động, đàn chim công nghe tiếng sấm vui sướng, lên tiếng kê ka, và múa hát quanh mình. Mưa tuôn xối xả, nhiệt độ hạ xuống dễ chịu đối với vị hành giả đang tập thiền, thời tiết thích hợp đã điểm. Thầy Cūlaka tán thán:

*Những chim công kêu hót
Mào đẹp, lông đuôi xinh
Với cổ, màu đỏ tươi
Mỏ đẹp, tiếng hát hay.
Đất này, khéo lát cỏ
Nước mát, khéo thấm nhuần
Với khoảng trời khéo che
Mây mưa khéo bao phủ.
Thân người khéo khỏe mạnh
Tâm ý tốt, thiền tu
Lành thay, khéo khởi tâm
Trong lời khéo Phật dạy.*

Với một tâm tư hỷ lạc như thế, thấm tràn lời Phật dạy như đất thấm đầy nước mưa, thầy đạt quả vị A-la-hán.

Chúng ta sống giữa phố thị, lầu cao, cửa kính phủ rèm, nhà nhà liền nhau, người người chen nhau trên từng tắc đường xe đi. Tiện nghi vây bọc, chỉ cần bấm nút là mọi thứ có đủ. Hỏi sẽ như thế nào khi một mình

sống trong rừng, mặt đối mặt với thiên nhiên. Bị tước bỏ tất cả các trang bị, trở nên vô cùng yếu ớt và nhỏ bé, nhưng với sức mạnh thiền quán, con người làm chủ được mình. Thầy Tỳ-kheo Sambula - Kaccàna tu tập trong một cái động tên là động Kinh Hoàng Sơn, diễn tả sự định tĩnh của mình khi mưa giông sấm sét phủ quanh. Những loài thú như gấu, sói, trâu, voi đều la hét run sợ trước cơn thịnh nộ của mưa, nhưng thầy đang phát triển thiền quán, không để ý đến tiếng động, không kể gì thân mình, và cơn mưa đông làm dịu khí trời, tâm thầy được tịnh chỉ, thầy chứng quả A-la-hán với sáu thắng trí. Thầy nói kệ:

*Mưa ào ào đổ xuống
Mưa âm âm vang động
Ta sống chỉ một mình
Trong hang động Kinh Hoàng.
Dẫu ta sống một mình
Trong hang động Kinh Hoàng
Ta không hoảng, không sợ
Không lông tóc dựng ngược.*

...

Thầy Usabha, sanh trong gia đình giàu có. Khi xuất gia theo đức Phật, thầy hành trì hạnh Sa-di trong rừng. Vào mùa mưa. Mọi loài cây cỏ cho đến lùm bụi, chồi cành đều nở đầy hoa lá. Thầy Usabha quan sát sức sống lan tràn xanh tươi của thảo mộc

và thâm nghĩ: “Cây cỏ và lau sậy này đều không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa, chúng đã được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tính tốt đẹp, khi đã được thời tiết thuận tiện?”

Từ bài học của rừng và mưa, thầy nỗ lực tinh tấn, phát triển chánh trí và chứng quả A-la-hán. Bài kệ này nói lên kinh nghiệm lúc ấy:

*Những cây được vươn cao
Nhờ mây trời tưới mát
Với mưa mới thấm nhuần
Được xanh tươi lớn mạnh.
Đối với Usabha
Ưa thích sống viễn ly
Ý thức được rừng núi
Vị ấy khiến sanh khởi
Rất nhiều điều tốt đẹp.*

Cùng thân căn và giác quan như người thường, cảm thọ của các vị Tỳ-kheo ly dục cũng là cảm thọ như người thường. Một thiền sư nói: “Khi nóng, ông thầy cảm thấy nóng chết được. Khi lạnh, ông thầy cũng lạnh cóng”. Chúng ta chưa nghe các Ngài ca tụng những buổi trưa nóng như lửa đốt, nhưng cảm giác mát dịu do một cơn mưa mang lại thì rất được đề cao, nhất là cơn mưa đem đến Thánh quả. Thầy Vimala, người thành Vương-xá - do hạnh nguyện đời trước, thầy có một thân thể trong sạch như

giọt nước trên lá sen. Khi xuất gia, nhận một đê mục thiền quán, thầy vào tu trong hang núi. Một hôm, trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, thầy có thể định tâm sâu và chứng quả A-la-hán. Sung sướng với quả chứng của mình, thầy nói kệ:

*Đất, nước mưa ướt thấm
Gió thổi mát không gian
Trên trời, chớp vạch đường
Tư tưởng ta lắng dịu
Tâm ta thật định tĩnh.*

Thần mưa đôi lúc cũng vị nể, không dám mưa nặng hạt vì ẩn sĩ đang hành thiền ngoài trời. Đó là trường hợp thầy Subhùti. Thầy là cháu gọi ông Cấp Cô Độc bằng bác, xuất gia trong dịp lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Hoàn. Sau khi chứng quả A-la-hán, thầy trở thành vị Tỳ-kheo đệ nhất về lòng từ vô lượng. Trong dịp đến thành Vương Xá, vua Tần-bà-sa-la xin cúng dường thầy một cái thất. Sau đó, Vua quên, thầy Subhùti ngồi ngoài trời thiền định. Vì thái độ nghiêm túc ấy, trời không mưa, nạn hạn hán đe dọa quần chúng. Họ tụ tập, than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua Tần-bà-sa-la tìm hiểu nguyên do và chợt nhớ lời hứa của mình. Vua cho cất một cái thất lá, và khi thầy vào trong thất, trời mới bắt đầu mưa từ từ. Thầy tuyên bố bài kệ, ngụ ý rằng dù ở

ngoài trời hay trong thất kín, tâm thầy không hề bị mưa gió xâm nhập, vậy thì thần mưa chớ e ngại.

*Am thất ta khéo lợp
An lạc, ngăn chặn gió
Thần mưa, hãy mưa đi
Mưa như ý người muốn
Tâm ta khéo định tình
Giải thoát, sống tinh cần
Thần mưa, hãy mưa đi.*

Mưa là một giao ước của đất trời từ thiên vạn kỷ. Mưa qua những phố thị phù hoa, qua rừng già nhiệt đới, qua cồn cát bụi mù, qua lưng đèo đá dựng. Bạc ản sĩ vẫn ngồi kiên định, từ trong mưa nở đóa vô sanh.



Mùa an cư

Cơn mưa gõ bàn tay kỳ diệu lên cảnh vật. Không khí mát, cỏ và lá xanh, chim chóc gọi nhau không ngớt dưới những tàn cây rậm. Đất ướt mềm. Buổi chiều, Tri sự đã vội báo tin trên bảng công tác: “Ngày mai tĩa đậu”. Chuyên viên vừa dắt xe đạp đi, vừa xin phép:

- Thưa thầy, con ra xóm kêu công.

Đầu mưa, nhiều nhà bận lắu, phải nắu nỉ mắy thím nhín cho một, hai ngày công. Bên rắy đậu, Viên Tường đang đẩy chiếc máy cày tay làm nổ bung từng lượn đất xộp tơi tả, động cơ nổ đều, đánh thức giấc ngủ đông cứng khi vụ mùa năm trước chắm dứt. Ban phân tro cũng tất bật xúc, trộn, cào - chuẩn bị trước, mai ra đồng sớm.

Ngày hôm sau, vừa ăn sáng xong, lực lượng trẻ biến đi nhanh chóng. Trước kho rộu ríp, nào mang giày, kiếm nón, vác cày, bưng thúng

... Chiếc xe đạp chở một đống cuốc, Tri khố còn chạy theo kỳ kèo gửi thêm ấu

nước. Một Viên xản rản trước kho bảo trì, hình như còn tìm viên kẹo đút túi hay sao đó, bị cô Chánh la:

- Kéo cày mà giờ này còn ở đây hả?

Lật đật chạy đi, đằng sau có tiếng kêu vói:

- Ê ! Ê ! Khiêng phụ bao đậu giống vói.

Một cái đầu thò ra cửa nhà bếp, hỏi:

- Lát trở vô hông? Đếm giùm mấy người thợ?

Mặt trời dọi những tia nắng trên các gương mặt đầm mồ hôi. Ban kéo cày chăm chỉ đi từng đường thẳng, sau lưng đất xẻ hai, ban bỏ phân đi tiếp theo ném từng vốc phân tro xuống rãnh, và ban bỏ hột thả đậu giống, hột này cách hột kia khoảng gang tay. Cuối cùng là ban lấp đất, cầm cuốc hay cào khóa bằng. Khi các ban đều qua hết, mặt đất trở nên lạ, như có ai vẽ lên đó những lằn ngang song song. Hơn một mẫu đất được tĩa xong, dòng chữ của Tri sự lại hiện lên bảng: “Giặt bao, bạt và dọn dẹp”.

Còn hai ngày thư thả để đón mừng lễ nhập hạ. Lan buông từng chùm tím, nâu, hồng bên góc nhà Tổ. Những cành quế hương hào phóng nở rộ, đem lại những khoảnh khắc yên tĩnh đến dễ chịu. Sắp có

một thời gian trở về. Lời kêu gọi An cư! An cư! Trên khắp nơi chốn tự viện như nhắc nhở chung người con Phật biết rằng, thời điểm tỉnh thức, thời điểm phải chăm lo cho mình, thôi ngưng các phóng tâm. Lễ nhập hạ của chư Tăng Ni không có tính cách hội hè đình đám, rất đơn giản nhưng trang nghiêm, dấu hiệu bắt đầu cho mùa tu học cẩn mật.

Như thường lệ, thầy Phước Hảo đến sớm. Thầy đang hỏi thăm các bà cô. Năm nay vắng bà cô Diệu Hỷ, đại chúng sẽ nhớ tới cái miệng móm mém và tiếng dép lệt sệt của bà. Mấy năm trước còn khỏe, năm nào bà cũng ra an cư với chúng. Xếp đặt cho bà cô ở một thất nhỏ, có cho một cô kèm theo. Buổi tối và khuya, chúng tọa thiền, bà cô ngồi trong mùng niệm Phật và canh chừng cô ngồi bên kia, cô nào siêng hay làm biếng, bà báo cáo đầy đủ. Sự hiện diện của một bà già, tưởng chừng như không quan trọng, nhưng trên lễ An cư, không có dáng bà cô ngồi chấp tay chờ đợi tới lượt mình ra thưa trước bàn, tôi lại thấy thiếu thiếu. Còn vắng mặt một người nữa là thầy Thiện Phát. Hai thầy vẫn thường làm lễ cho tất cả Viện, hình ảnh hai vị Trưởng lão vì chúng Ni bạch Phật, tác lễ, khiến gây xúc động. Hai năm sau này, chỉ còn thầy

Phước Hảo, dáng gầy khẳng khiu của Thầy một mình giữa chánh điện, nhưng vẫn một oai lực như cũ. Giọng xướng trầm, chúng hòa theo, gió mát nổi lên từ khe sông con nước, những lá cau lắt lay rọi bóng bên thềm chánh điện. Điểm một vài tiếng linh thanh tao, tiếng con chích chòe hót lạnh lạnh trên mái ngói, cả thiên nhiên chung quanh hình như cũng vô hạ.

Cuối buổi lễ, Thầy chỉ dạy:

- Sao gọi là kiết giới an cư? Quý vị cũng thường nghe mấy chữ đó, nó có ý nghĩa gì? Tại vì ngày xưa, chư Tăng ở nhiều trụ xứ khác nhau, khi làm lễ An cư tụ về một chỗ, thì phải chỉ giới hạn hàng rào của trụ xứ đó, ranh vực nó tới đâu, để quý vị khỏi đi ra ngoài phạm vi. Bây giờ, mình ở một chỗ, quý vị đều biết bờ ranh của chùa mình, nên không làm lễ đó.

Chúng ngồi nghe thoáng cười, phải rồi, sẽ không ai lơ ngơ đi sang đất nhà bà Ba hoặc nhà ông Kiệu.

Nhưng mùa năm tràm gần tới, mưa rộ vài cơn nữa là ở mấy rừng tràm sẽ có vô số tai nấm, chùm nấm, làng nấm. Xách cái giỏ đi trong bờ ranh của mình, ngó sang bên kia cũng là tràm của hàng xóm, có những tai nấm đội dù đứng đó, chúng không nói gì nhưng mình thấy bút rút, thò cái tay qua

chăng? Hay bước qua vài bước? Vài bước thì ở trước mặt sẽ có vài bước nữa? Vậy là không được, mùa An cư mà.

Thầy vẫn dạy tiếp, chuyển sang giải thích ý nghĩa mấy chữ “Chớ có buông lung”:

- Tôi nói đây là cho mấy vị sơ cơ, chớ mấy người lớn chắc đã hiểu hết rồi. Khi làm lễ, mấy vị có nghe nhắc câu “Cẩn thận chớ buông lung” đó chớ?

- Dạ nghe.

- Sao là không buông lung?

Tôi chột giật mình. Câu hỏi rất dễ, Thầy không nhắm đến tôi vì tôi là người lớn. Bao nhiêu lần an cư trôi qua, từ khi còn là Sa-di, và lần nào cũng được nghe “Cẩn thận chớ buông lung!” Tôi có cảm giác như nó là một cái nút để điều chỉnh, một cái nút đèn đỏ bật lên khi thân và tâm lay động. Câu thơ của một tác giả nào đó:

Sư tóc dài còn xanh

Tụng hoài “Sắc... sắc... không”

Bên thềm xao xuyến gió

Có nghe sóng trong lòng?

Được nhắc hoài, nhưng có một cách nào hữu hiệu để không buông lung?

Thầy nói:

- Không buông lung là sáu căn không chạy theo sáu trần. Khi mắt thấy, đừng để hình ảnh lôi kéo mình rong chạy. Quý vị có nghe Phật dạy trong kinh Kim Cang, về phần an trụ tâm và hàng phục tâm? Câu “Bất ưng trụ sắc sanh tâm” v.v... đó?

Một người trong chúng tiếp:

- Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.

- Đúng rồi ! Quý vị học kinh Kim Cang hoài nên thuộc. Còn kinh Pháp Bảo Đàn dạy thế nào là Thiền định? “Ngoài lìa tướng là Thiền, trong chẳng loạn tức là định”... Các kinh đều nói chỗ thiết yếu khi căn trần giao tiếp nhau, và khi tôi nhắc quý vị “Chớ có buông lung” cũng là nhắc chỗ đó. Chỗ hằng ngày mình tiếp xúc, gặp gỡ mọi tinh sắc, những thứ chung quanh mà biết tỉnh giác, chính đốn kịp thời, thì đó là không buông lung.

Thầy vẫn nói chậm rãi, những điều tôi đã thuộc và những điều tôi nghe rất quen. Nhưng không được nhắc, không dễ gì nhớ. Đã tan lể, xếp lại y vàng như xếp lại tâm niệm. Hãy nhớ luôn luôn ý nghĩa của những lời dạy trên.

Sau mưa, đất phả mùi nồng ấm, những mầm cỏ lú nhú xanh rờn khắp vườn. Đậu phộng bắt đầu nứt mầm, chồi lá non hé dần và cứng dần dưới ánh nắng. Một vụ

mùa tiến triển bình thường với những công tác chăm sóc như xới váng, vô chân. Chẳng bao lâu nữa, đợt hoa đầu tiên sẽ trở vàng từng bụi, hoa kết trái chung quanh chân cây đậu. Đó là loại cây mà con nít hay đổ nhau:

*Cây xanh xanh, lá xanh xanh
Bông trên nhành, trái dưới đất.*

Vụ mùa đầu tiên. Có phải chăng đó cũng là một đợt gieo trồng. Đất tâm đã được dọn sạch cỏ dại, được cày xới nhuyễn để thu hạt chánh pháp. Mưa tưới đều thuận lợi, những cung dưỡng của tín thí đàn việt để làm tăng độ màu mỡ. Đất không bao giờ phụ công người chăm sóc. Năm nào cũng y hện, cũng trả cho người nào lúa, nào đậu, nào hoa quả trong vườn. Mùa gặt hái bao giờ cũng đến sau mùa mưa. Phật có thể quan sát sinh hoạt nông nghiệp này, và ân cần nhắc nhở tăng chúng lo cho mùa màng của tâm mình. An cư diễn tiến như một mùa trong năm, trong tính cách tuần hoàn cố định và vững chãi. Có ai đến tháng tư, sau lễ Phật Đản lại không nhắc đến lễ Vô Hạ? Và mỗi năm, nếu chăm sóc kỹ thì vụ mùa bội thu. Tất cả đều phải quay về tự thân, cày xới cỏ hoang mịt mù của những hoang sơ tâm tưởng. Một năm bỏ hoang thì cỏ dại đầy bờ, phải ra công sức

nhọc. Trong một chừng mực bình thường, đức Phật nhắc nhở an cư. Kết lại tịnh giới, tịnh thân. An trú vào chánh pháp, và gởi nhuần mưa chánh pháp. Chỉ cần ba tháng nỗ lực tinh cần, và sau an cư, biết bao đoàn Tỳ-kheo trở về trình với đức Phật những điều sở ngộ, Tăng đoàn thêm nhiều vị tân A-la-hán. Đức Phật đón chào các Thầy với thái độ thân ái của người cha đón con.

Một mặt khác, mưa giông gió lớn cũng nhắc đến hình ảnh nguy hiểm của mưa gió năm dục lạc. Ai còn lang thang trên đường dài sanh tử mà lại không sợ những cơn lốc điên cuồng, kéo và nhận chìm những chiếc lá, chồi cây non yếu. Phải có một nơi an trú vững chãi. Phật dạy Pháp Cú:

*Như hòn đảo vững mạnh
Nước lụt khó ngập tràn
Người trí khéo chế ngự
Nỗ lực, không phóng dật.*

An cư cũng là An cư tự tâm, cũng là bảo vệ cho mình khỏi bị ướt và lạnh bởi mưa gởi tha nhân. Vừa có ý nghĩa tích cực là đem lại lợi lạc cho đời, vừa có ý nghĩa tiêu cực là an lập bản thân, bớt đi nhiều quấy nhiễu, chướng nạn. An cư bao giờ cũng tạo nên một niềm khích lệ, một sức mạnh tinh tấn bao trùm trên khắp miền, trên khắp chốn già lam.

Phật Đản màu tím

Chiếc xe bò lóc cóc đi trên đường xóm. Trên xe có một đám con nít đứa đứng đứa ngồi xô đẩy ngả nghiêng theo trớn lắc của hai bánh xe. Chú Tư nhíp nhíp cây roi trên mình con bò, cái mũ của chú có giắt một chùm bông bằng lăng, hai bên thành xe cũng có bông bằng lăng, vài đứa con nít cầm trên tay chùm bông tím ngắt. Xe ngừng trước cổng Thiền viện, lũ nhỏ trèo xuống ùa vào sân, Hải Nhi, Nga chị, Nga em, bé Hồng, bé Âu... và vài đứa nhóc mới đi sinh hoạt. Chờ cho đứa cuối cùng xuống hết, chú Tư đánh bò đi tiếp ra phía đường cái, tiếng bánh xe nhíp một nhíp hai lắc các vang đều một lúc sau mới dứt.

Trong sân đông dân, những bộ đồng phục quần màu xanh học trò, áo màu lam chen lẫn với những bộ quần áo màu trẻ con, cái ngắn cái dài so le như đám trẻ so le không bao giờ có thể theo một trật tự rậm rạp. Mấy đứa anh chị bỗng theo đứa em, bận rộn hơn chạy đi chạy lại uống nước, một tay đỡ em một tay nhíp theo điệu

hát. Một góc sân mát rượi dưới bóng tre già, tiếng còi thỉnh thoảng thổi lên làm hiệu. Chưa đến giờ lễ Phật, chúng chưa chịu xếp hàng, nhưng hôm nay mấy đứa trưởng nhóm có vẻ trang trọng hơn, chúng đứng riêng thì thầm, một vài đứa lúng túng cố giữ chùm bông trên tay mình, sợ đứa bạn vô ý đụng nhầm. Chỉ có cô Hương Đăng biết được điều này, vì chốc chốc có một đứa bé đến bên cô nói nhỏ: Thưa cô! Con cúng Phật. Và từng chùm bông bằng lăng được đưa cho cô vội vàng, e lệ.

Lũ nhỏ chung quanh Thiền viện, từ những nhà ngoài đầu đường đến những nhà nằm trong sâu gần ấp Bốn, mấy năm nay đã lễ phép ngoan ngoãn hơn. Đi đường gặp quý cô, chúng chấp tay chào: Thưa cô! Bé Ba cháu ngoại bà Sáu Xôi còn khoe thêm: Nhà con bữa nay có chè. Chúng có vẻ vui mừng và hơi hãnh diện một tí, vì được quen với quý cô, nhất là khi gặp cô Hạnh Đạt, chúng kêu lên: Cô Đạt! Cô Đạt! Cô là người chịu khó bò lê bò càng với chúng trong những buổi sinh hoạt tại chùa. Ươm những mầm cây non trong điều kiện vô cùng đơn giản. Buổi đầu chỉ là một vài đứa đến công quả nhỏ cỏ, quét sân, cô Tri khách cho một ít bánh kẹo. Lâu lâu cô rủ ở lại ăn cơm trưa, nếu ngày Chủ nhật ấy tương đối rảnh

rang. Hình ảnh ấy dễ chịu hơn là cảnh phải rượt đuổi hò hét lủ nhóc trộm vặt. Mà đâu có đứa nào khác, cũng mấy đứa nhỏ ấy thôi, chúng vừa ngoan vừa phá, bản tính thiện và bất thiện trong một con người biểu lộ tự nhiên khi ta còn nhỏ. Rất dễ đến gần, vài câu chuyện cổ tích, củ khoai hay cái bánh ngọt bữa lỡ. Quý cô khám phá ra rằng trong thế giới của chúng, còn thiếu một sự chăm sóc. Ngày nghỉ học, chúng không có gì để giải trí, nếu không chặn bò phụ ba má thì cũng đi kiếm củi, bán hàng. Môi trường cạo xát của người lớn dễ tiêm nhiễm đến thói quen chửi tục, đấm đá nhau. Chúng lì lợm ngỗ nghịch khi tay cầm hòn đá chọi cho bể cái bóng đèn trước cổng chùa. Nhưng chúng cũng khóc lóc hít hà khi bị ong chích, bị đập nhằm miếng chai. Quý cô xúc dầu, cho thuốc, băng bó rồi dặn dò: Con đừng phá nữa nhen. Mầm mống Phật tử nhú dần.

Cho đến khi sinh hoạt tại Thiền viện quen, quý cô cố tình hướng dẫn chúng theo nề nếp tốt. Phát động chương trình một tuần không chửi thề và phụ giúp cha mẹ. Mỗi đứa lãnh một tờ giấy ghi lại việc làm của mình với sự xác nhận của cha mẹ. Các bậc phụ huynh đâm ra ngạc nhiên vì thằng Tí, thằng Tèo bữa nay giỏi hơn thường

ngày. Những câu viết ngoằn ngoèo sai chính tả của họ chứng minh điều đó. Bà ngoại của bé Lân - bé mới bốn tuổi - đã kể thành tích. Bé giúp mẹ rửa chén, gia đình có bốn người, bé làm bể hai cái chén. Ba đang làm thợ mộc, chọt bà sang chơi, bé đổ hết đồ thợ mộc của ba xuống đất để lấy ghế mời bà ngồi... Qua những lời kể lẽ thiệt thà, quý cô cảm động vì một ngày của chú bé bận rộn: quét nhà, giúp mẹ đem hàng ra chợ, trông em, tắm heo, kiếm củi, phơi quần áo phụ với chị, cắt cỏ cho bò... Những bông sen hoang dã thế này đang nở giữa đồng ruộng, chỉ cần có ánh nắng trí tuệ và gió mát từ bi.

Cô Hương đang chưng hai bình bông bằng lăng thật lớn, đặt vào bàn Phật. Màu tím ngọ nghinh của chúng nổi bật trong không gian chánh điện. Xưa nay có chùa nào cúng Phật bông bằng lăng không nhỉ? Nhưng cô muốn một lát nữa vào lễ Phật, những tâm hồn bé thơ đã chịu khó mang cành bằng lăng từ rừng, sẽ đọc ra trên màu hoa nét đơn sơ tự nhiên như chính tâm hồn của chúng. Cũng có thể chúng không để ý gì hết, đang chấp tay nghiêm trang nhưng một cái chân thì đá lên người bạn đứng trước. Giọng tụng kinh và giọng hát của chúng ngô nghê lộn xộn như một dàn hợp

ca dở ặc, có một đứa nhỏ nào đi theo anh chị đang nằm ngủ ngon lành bên hành lang chánh điện, cái đầu nhỏ bé của nó phất phơ vài cọng tóc, nó ngủ say trên cái bóng của mình rọi xuống nền gạch.

Tôi viết “Phật Đản màu tím” vì vào tháng tư bông bằng lăng nở rất nhiều. Một ngày trước Phật Đản tôi lên chánh điện thấy hai bình bông màu tím rưng. Thoáng quá khứ chạy về, những cây bằng lăng xa xưa bên ruộng, bên dọc đường vào viện. Những chiếc xe bò chở củi nghênh ngang đi qua, mang theo cành bằng lăng là báo hiệu mùa mưa, mùa Phật Đản, mùa An Cư. Cây bằng lăng không được dân làm củi ưa thích vì thân nó cứng, dân làm rừng cũng chê vì không đủ thước gỗ, đó chỉ là những nhánh còn sót lại của những thân bằng lăng oai vệ. Họ chỉ hái bông của nó đem theo đường xa cho vui, màu tím mênh mênh như cánh rừng mênh mênh mà cây đã sống. Chúng tôi thích cây bằng lăng vì chúng tôi sống gần rừng. Nhưng đặc biệt của Phật Đản này là những chùm bông do chính các em, các bé con phá phách lẫn hiền hòa đem cúng Phật. Món quà này có thể sánh với một nắm đất trên tay của cậu bé - tiền thân A Dục Vương - đã đem dâng Thế Tôn, ngày xưa ở Ấn Độ.

Hạnh phúc thực

Con người thời tiền sử chưa biết đến lửa, phải ăn thức ăn sống, ở trong hang động lạnh lẽo. Khi ngọn lửa đầu tiên được phát hiện, cuộc sống tiến bộ hơn. Lửa làm cho thức ăn chín với nhiều vị khác biệt. Lửa thắp sáng rừng núi, đêm bớt tối bớt lạnh. Hạnh phúc buổi đầu đơn giản với ánh lửa. Nhưng người ta cũng biết đến thế nào cháy rừng cháy nhà, thế nào tai họa từ lửa gây ra. Lửa là một khí cụ trợ chiến tàn bạo khi người ta đánh nhau. Hạnh phúc nào

cũng đi đôi với khổ đau, biết điều này là biết luôn điều kia.

Đức Phật khai mở con đường hạnh phúc không có khổ đau. Trải qua vô số lần làm trời làm người sống với chúng sanh trong các nẻo luân hồi, khi còn làm Bồ-tát Ngài đã có dư kinh nghiệm về hạnh phúc đi kèm với khổ đau. Và Ngài không muốn điều đó lặp lại cho hàng đệ tử. Khi tuyên bố giáo lý của mình, Ngài nói pháp của ta chỉ có một vị đó là vị Giải thoát. Đi theo bước chân Thánh, chúng ta thử tìm xem niềm hạnh phúc thật sự là thế nào.

Sau năm vị Tỳ-kheo Kiều-trần-như được Phật độ đầu tiên, Da-xá (Yasa) là người có duyên kế tiếp. Đây là một chàng trai đủ các tiêu chuẩn “thông minh, học giỏi, con nhà giàu”, quê quán thành Ba-la-nại. Chàng có ba lâu đài để ở khi khí hậu thay đổi, như đức Phật ngày xưa. Có lẽ kiến trúc Ấn Độ phải tinh tế để thích nghi với những cơn lạnh nóng bên ngoài. Thời ấy không có máy điều hòa không khí, các nhà xây dựng phải sử dụng vật liệu thế nào, tạo cảnh quan cây cỏ thế nào để cho ba mùa Xuân, Hạ, Đông, các chủ nhân giàu có đều đủ tiện nghi. Nghiên cứu điều này cũng là đề tài thú vị. Chúng ta biết Da-xá được nuôi dưỡng bằng cách ấy.

Một đời sống như thế thì có gì để phàn nàn. Chàng mặc y phục hợp thời trang, ăn những thức ăn tiêu chuẩn cao, có bạn bè để vui chơi, đi picnic ngoài rừng, chắc hẳn là không đua xe như ngày nay, nếu có cũng chỉ đua xe ngựa. Tuổi trẻ xa hoa chưa thấy gì là khổ. Kinh ghi: “Một đêm, do nhân duyên quá khứ thúc đẩy, Ngài thấy cảnh bất tịnh của những người hầu cận”. Chắc cũng như đức Phật chứng kiến ở hoàng cung sau một buổi dạ tiệc. Còn chúng ta chỉ cần nhìn một quán ăn, thấy người say xỉn nôn oẹ và chung quanh là khăn giấy vút ngổn ngang, thức ăn đổ vương vãi, cái nhấp nháp hiện hình khi hoa cấm chưa kịp tàn.

Quá xúc động, Da-xá mang vội đôi dép vàng, mở cửa nhà đi vào rừng, vừa đi vừa than: “Ôi sầu khổ thay! Ôi nguy hiểm thay!” Sự chạm mặt đầu tiên về cái bất tịnh nham nhở đã gây cú sốc nặng cho chàng thanh niên quyền quý. Lúc đó đức Phật đang đi kinh hành ở Isipatana, thấy vậy bèn kêu: “Hãy đến đây, này Da-xá! Ở đây không có sầu khổ, ở đây không có nguy hiểm”. Tiếng gọi cứu độ của một bậc Sa môn an lạc sáng suốt. Da-xá đến bên đức Phật, cởi bỏ đôi dép vàng để phía ngoài, ngồi xuống. Đức Đạo sư thuyết giảng về Tứ

Diệu Đế, tâm tư của chàng tuổi trẻ phát khởi hân hoan hướng về con đường Thánh thanh tịnh này, nên ở luôn bên Phật tình nguyện làm đệ tử. Sáng hôm sau cha của Da-xá dắt người nhà đi tìm, đến khu rừng thấy đôi dép của con, tìm quanh thì được gặp Phật. Khi đức Phật thuyết giảng cho người cha, Da-xá ngồi nghe và chứng quả A-la-hán. Ông triệu phú phát tâm quy y Tam Bảo, thỉnh Phật về nhà thọ trai. Còn Da-xá được đức Phật cho làm lễ xuất gia, với một nghi thức truyền giới rất ngắn gọn:

“Hãy đến đây này Tỳ-kheo! Giáo pháp được truyền dạy đầy đủ. Hãy sống đời sống phạm hạnh thiêng liêng của bậc xuất gia để chấm dứt đau khổ”.

Suy tư về quả chứng và nếp sống hiện tại của mình, một nếp sống trái ngược với thời vàng son ở nhà, đồng thời vắng mặt nỗi vô thường mong manh. Vị Thánh A-la-hán trẻ tuổi cảm thấy hân hoan khi nhớ đến lời kêu gọi của Thế Tôn: Hãy đến đây! Quả thực, tiếng kêu của ông cha đối với cùng tử. Đến bên chân Người mà cuộc đời thay đổi, một chuyển biến tận cùng căn rễ, không còn những thú vui huy hoàng và cả mộng mị tang thương. Ngài nói lên bài kệ, được ghi lại trong Trưởng Lão Tăng Kệ:

*Khéo thoa xúc khéo mặc
 Dùng mọi loại thời trang
 Ta chứng được ba minh
 Lời Phật dạy làm xong.*

Ngày hôm sau đức Phật đến nhà thân phụ Da-xá cùng với sáu vị A-la-hán đầu tiên. Đây có lẽ cũng là buổi cúng dường trai tăng trước nhất, kể từ khi có Phật, Pháp, Tăng. Mẹ và vợ Da-xá đến nghe Phật thuyết pháp, đắc quả Tu-đà-hoàn. Cả một gia đình được độ trọn vẹn, tìm thấy cội nguồn an lạc trong ngay kiếp sống này. Ngài Da-xá có bốn bạn thân, cũng đều là hàng công tử phong lưu, nghe bạn mình xuất gia sống đời khát sĩ. Đã cảm nghe đâu đây lời nhắn:

*Ta kết tiền duyên với Phật đài
 Thung dung bình bát nhẹ trên vai
 Cười anh nghiệp nặng còn say đắm
 Lủi thủi bên cầu khách vắng lai.*

(Sư Viên Thành)

Bốn người đến thăm bạn, tỏ ý muốn noi theo gương lành. Ngài Da-xá đưa bạn gặp Phật và sau khi nghe pháp, cả bốn vị đều đắc quả A-la-hán. Rồi năm mươi thanh niên con của các gia đình nổi tiếng nhất trong vùng, cũng đều là bạn kết giao của ngài Da-xá, cũng đến nghe pháp, đắc quả và xuất gia.

Trong khoảng gần hai tháng sau ngày Phật thành đạo, đã có sáu mươi vị A-la-hán, Tăng đoàn sớm nhất có mặt trên thế gian. Trong số này, trừ năm vị Kiều-trần-như là những triết gia khổ hạnh, đã tìm kiếm chân lý trong thời gian lâu dài, các vị còn lại đều là tuổi trẻ, giàu sang danh vọng, cuộc sống màu hồng. Như thế mà một lúc từ bỏ để làm người độc cư, không tài sản nhà cửa, chỉ một y một bát, với trách nhiệm truyền bá giáo pháp, dẫn mọi người ra khỏi mê lộ.

Đức Phật đã bảo các vị đệ tử trên đi giảng dạy giáo lý: “Hãy ra đi này các Tỳ-kheo! Đem lại sự tốt đẹp cho nhiều người, đem hạnh phúc lại cho nhiều người. Vì lòng từ bi, hãy đem lại sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại... hãy công bố đời sống thiêng liêng cao thượng (có nghĩa là ban hành lễ xuất gia)”.

Hạnh phúc mà đức Phật nói ở đây là gánh nặng sanh tử đã đặt xuống, là không còn sự đối đãi giữa thương và ghét, không còn một cái ta chiếm lĩnh để từ đó dựng lên chướng ngại. Chỉ có lòng từ vô lượng, hạnh hỉ xả vô biên. Như thế hạnh phúc của các bậc Thánh là làm lợi mình lợi người, vắng mặt khổ đau vì vị kỷ nhỏ nhen. Điều này được thắp sáng từ hơn hai mươi lăm thế kỷ.

Sông sau nhà

*Người có dừng chân trên bến sông
Bên kia đồi cỏ núi mây trùng
Bên này chim rú nhau về hội
Cùng hẹn hò thăm chuỗi trổ bông.*

(Tuệ Đăng)

Con sông, cũng có nhiều điều để nói.
Dòng nước chảy triền miên bên hai bờ làng
xóm đã là một dấu ấn quen thuộc, lúc tuổi
vừa biết đi học.

*Những bé ngoan đứng đợi chuyến sang đò
Cười rục rờ trong ánh hồng chang chói.*

(Tuệ Đăng)

Sông chạy ngang trường

*Con sông chảy bên kia trường học bé
Hàng giậu xinh lúng lẳng tuổi hoa đèn.*

(Tuệ Đăng)

Qua đình làng

*Con sông chảy ra đình xem triển lãm
Hí trường kia đào kép nhỏ xuênh xoang.*

(Tuệ Đăng)

Dòng sông như dòng đời rủ người đi, đưa người về. Sông không bao giờ như một, cuộc đời chẳng bao giờ lặp lại điệp khúc của nó. Nên nhìn dòng sông chảy, người ta thường băng khuâng.

*Từng phiến chiều trôi trên nhánh sông
Mang theo ngày tháng cuốn xuôi dòng
Thuyền ai chở nặng về phương cũ
Để lại mù sương chiếc bóng không.*

(Thân Thị Ngọc Quế)

Khi xa nhà con sông vẫn chảy hoài trong tâm tưởng, thành một cõi quê hương để gửi nhớ.

*Vân thơ hiện một dòng sông
Có thuyền mây chở nỗi lòng hoài hương
Quê nhà từ độ gió sương
Ai chia dòng nước mấy đường trăng khời.*

(Thân Thị Ngọc Quế)

Đầu năm nay, Ngọc Dưỡng gửi thơ về thăm chúng tôi, viết: “Năm nay tụi con đón xuân ở Mỹ. Con nhớ đến những mùa xuân ở Việt Nam, nhớ con đường làng, nhớ dòng sông quê hương. Con thích ngắm dòng sông sau nhà con vào buổi sáng mùng một. Hôm đó nước sông lên cao hơn mọi ngày. Nước thật trong, mặt sông êm ả. Hai bên bờ sông là đường làng, ồ, những đứa trẻ mặc áo đủ màu sắc kéo nhau đi...”

Tôi cũng có một dòng sông để nhớ về. Sông chạy ngang chùa Vĩnh Bửu, nơi Thầy tôi dặt tôi về quy y năm tôi mười tuổi. Đứa nhỏ sanh trưởng ở miền biển như tôi, đi học ở thành phố, lần đầu tiên được biết miền vườn, miền sông nước phía Tây. Chùa Vĩnh Bửu, khi Thầy tôi trụ trì, còn có dấu tích lớp gia giáo cho Ni chúng, do Sư ông Khánh Hòa hướng dẫn. Thầy tôi thường kể lớp quý Sư bà hồi đó, mặc áo dài bằng vải ú màu đen, cổ kiềng, vạt ngắn tới đầu gối, chúng tôi nghe như nghe chuyện cổ tích. Mà cũng cổ tích thật sự, vì những năm trước 45 tôi chưa có mặt.

Chùa Vĩnh Bửu một thời là nơi tụ hội của huynh đệ tôi, vào dịp giỗ Sư ông, hay theo Thầy về thăm chùa. Đò Đại Đức đi từ Bến Tre xuống chợ Thơm, gần đến chùa, Thầy tôi ra đứng trước mũi đò, chúng tôi đứng chung quanh chỉ trỏ, vui như con nít theo mẹ về quê. Vào chùa, mạnh người nào người nấy lội vườn, bẻ dứa, hái bưởi, hái xoài. Rủ nhau mượn xuống tập chèo, người lái người mũi, ra giữa dòng cạy bên này chống bên kia, xuống lúng túng quay vòng tròn, la nhau ới ới. Bồn đạo bên chợ, trong xóm, ban ngày bận ruộng rẫy, tối đến đốt đuốc lá dứa đi thăm Thầy, cười nói như Tết. Buổi khuya dậy công phu, nghe tiếng máy

nổ xình xịch trên sông, người ta chở hàng lên chợ, dò Trà Vinh đi ngang... Nước sông đục, gần bờ là thiên hạ tắm rửa giặt giũ, gánh đôi thùng ra xa bờ hơn, mức nước về chùa đổ vào lu, quậy một lượt phèn cho nước lóng trong. Chùa có hồ chứa nước mưa, nhưng hình như nước sông ngọt hơn. Huynh đệ nào chưa quen với phong cách miền Tây, sẽ đòi chở ra giữa sông, để nhúng một cái khăn lau mặt!

Từ khi Thầy tôi mất, những chuyến đi về Vĩnh Bửu thưa dần. Trong tôi vẫn hoài một nỗi nhớ chùa xưa, sông xưa. Huynh đệ mỗi người bần một việc riêng, có người nhiều đệ tử, có người vẫn chưa có một nơi thờ Thầy. Thầy tôi có một côi riêng của Người, chúng tôi giữ nó, phong kín. Cho đến nay mười năm, tôi chưa một lần viết bài tưởng niệm, cứ để dòng sông mang mình qua các nơi xa lạ. Chỉ tưởng rằng, một lần quay về tắm mát nơi bến xưa, chùa xưa, ngồi bên ngôi tháp của Thầy, để tự nhủ thầm:

*Người có nghe con sông còn nhấn nhủ
Lời vô ngôn quá đủ để hàm dung
Rằng đến đi rửa sạch nợ phiêu bông
Dù biết lắm đại dương nào chả rộng.*

(Tuệ Đăng)

Tỳ kheo sống trong rừng

Một lần nào đó nếu có dịp ngồi trên máy bay nhìn xuống, chúng ta thấy thành phố nơi con người sinh sống chỉ là những ô nhỏ xíu, bị nhốt giữa mênh mông rừng núi. Còn rất nhiều vùng hoang dã chưa có dấu chân người. Chúng ta cảm thấy yêu thương cái mênh mông lặng lẽ của thiên nhiên. Thời đức Phật các thành phố chưa phát triển nhiều, tinh xá của chư Tỳ-kheo vẫn còn mang dấu ấn rừng: tinh xá Trúc Lâm, Đại Lâm, vườn Kỳ-đà, vườn Xoài, vườn cây Ni-câu-luật... Nơi ấy tĩnh tu an cư hẳn là rất dễ chịu. Dân chúng mỗi buổi sáng mang được phẩm, các món cháo lỏng cơm khô đến cúng dường, dĩ nhiên họ đi bộ từ nhà, đi qua những đoạn đường thơm mùi lá cây cỏ. Buổi chiều thì mang hương hoa đến lễ Phật nghe pháp, tối trở về cũng qua đoạn đường nồng hương đêm. Tất cả diễn tiến êm ru. Vậy mà vẫn có các vị Tỳ-kheo thích ở xa hơn, vắng vẻ hơn, chỉ có một mình. Trưởng Lão Tăng Kệ kể lại vô số trường hợp như vậy.

Trưởng Lão Vanavaccha, quê hương ở thành Ca-tỳ-la-vệ. Ngài sanh ra trong rừng, khi mẹ Ngài đi vào rừng viếng cảnh. Lớn lên, yêu thích rừng núi, được đặt tên là Vanavaccha. Về sau, khi theo Phật xuất gia, Ngài cũng sống trong rừng tinh tấn tu hành và chứng quả A-la-hán. Các vị đồng phạm hạnh đã hỏi Ngài: Thích thú gì ở rừng núi? Ngài dùng kệ tán thán vẻ đẹp thiên nhiên. Lời đơn giản mộc mạc, gợi tả nét hoang sơ:

*Đẹp sắc, mây xanh biếc,
Nước mát lạnh, chảy trong
Kẻ chăn bò Inda
Che kín cả ngôi rừng
Những ngôi núi đá ấy
Làm hân hoan tâm ta*

“Kẻ chăn bò Inda” là để chỉ cho các côn trùng màu đỏ óng bay đầy núi sau những cơn mưa. Vị Tỳ-kheo lặng lẽ ngồi giữa màu xanh biếc và màu đỏ óng ánh, nước suối tràn trề như nội tâm tự do.

Thầy Vanavaccha có một đệ tử duy nhất là anh con của dì, tên Sívaka. Khi mẹ Sívaka nghe tin cháu mình xuất gia sống trong rừng, đã bảo con trai: “Này Sívaka, con hãy xuất gia dưới sự hướng dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho người”. Sívaka nghe lời mẹ, xuất gia và sống với thầy trong rừng núi. Một hôm, Sívaka đi về làng

– chắc để tìm thực phẩm – thầy bị đau nặng bất ngờ không thể trở vào rừng. Đêm đó trưởng lão Vanavaccha đi tìm, săn sóc, cho Sívaka uống thuốc. Khi bình minh bắt đầu, Trưởng lão nói với học trò: “Này Sívaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống trong chốn làng mạc. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng”. Sívaka trả lời: “Dầu thân con ở ngoài làng nhưng tâm con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay tuy con nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng”. Trưởng lão dắt tay học trò đi, khích lệ sách tấn. Nhờ vậy, Sívaka tuy đang đau vẫn nỗ lực thiền quán và chứng A-la-hán. Một tấm gương vâng lời, ưa thích viễn ly đã in dấu trong Tăng Kệ:

Thầy ta nói với ta:

“Hãy đi! Sívaka!”

Thân ta sống trong làng

Nhưng tâm hướng về rừng

Dầu còn nằm ta đi

Người biết, không trói buộc.

Ở một mình trong rừng, trở ngại nhất có lẽ là vấn đề đau bệnh. Chỉ có sự mãnh liệt của tâm mới giúp thân vươn lên, rũ bỏ sự trói buộc của bệnh yếu.

Chúng tôi trong dịp về Hà Nội dự lễ đặt viên đá đầu tiên thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, xã Đại Đình, huyện Tam Đảo,

tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là vùng đất cổ tích của thời Văn Lang, bốn ngàn năm lịch sử. Những dãy núi liên tiếp kề nhau, in bóng trên đồng ruộng xanh biếc, suối chảy trong veo theo triền đá mấp mô. Giấc mơ sống trong rừng lại trở về. Ai cũng từng một lần nuôi mộng như vậy, khi đọc qua những trang thiên sử đầy dãy dấu tích rừng, chưa có trang kinh nào ghi chép việc ra sức công phu bên nền công nghiệp hiện đại. Chắc chưa kịp ghi vào. Trang kinh nguyên thủy còn vang lời huấn thị của đức Thế Tôn: “Này các Tỳ-kheo! Kia là gốc cây, kia là động đá, hãy đến đó tu tập”. Cho nên chúng tôi rất đổi hâm mộ khi nghe nói, vào sâu trong rừng này là nơi tu tập của các vị Ni. Tăng tu trong rừng, không có gì trở ngại. Ni làm sao dám vào rừng tu? Nghe kể lại đã thấy thú vị, dù chưa đặt chân đến. Trí tưởng hay kéo người ta đi xa. Chưa chi tôi đã nhớ tới mấy câu thơ của Giả Đảo:

*Xuất trần đầu vị bạc
Nhập định nạp ngưng sương
Mạc thoại Ngũ Hồ Sự
Linh nhân tâm dục cuồng.*

Những người tu ở rừng này, có người còn rất trẻ: Xuất trần tóc chưa bạc. Và hẳn là chỉ chăm chăm một việc thôi, một việc tu tập thiêng liêng nhất. Còn “Nhập định

nap ngưng sương”? Ngồi tịnh hàng giờ, khí núi rừng ẩm ướt áo nap – Tôi tự hỏi chính mình có làm được như vậy không, không kể gì đến việc thế sự, không nói bàn đông dài để khiến tâm người rong ruổi não loạn. Câu này răn nhắc cũng bằng thừa, không ai muốn mua việc vào mình.

Nhân khi gặp gỡ, việc chúng tôi quan tâm nhất là ở trong rừng như vậy, rũi đau ốm ngặt nghèo làm sao. Trong đầu mấy huynh đệ nghĩ đến xe cứu thương rú còi. Chư Ni cho biết chưa có khi nào xảy ra. Quả thật đem tâm thức của dân thành phố để tính chuyện núi rừng, thấy không xong. Nhìn sự trong sáng của các ni ẩn tu, đã đủ tin tưởng.

Nếu đức Phật không ra đời, giáo lý hiền thiện của chư Phật không hướng dẫn người tu, chúng ta không dễ gì nếm hương vị độc cư và giải thoát. Ở rừng không phải là một hình thức lập dị hoặc chỉ để làm du lịch xanh. Ở rừng với bốn phận tìm cho ra sức mạnh nội tâm, sức mạnh không bị lệ thuộc quần chúng. Ít ra thì mình cũng bớt bị bận tâm rằng mình chưa có cái điện thoại di động như bạn bè.

Trưởng lão Tekicchakàrì, được đặt tên như vậy có nghĩa là “Người được các bác sĩ cứu sống” vì khi sinh, mẹ Ngài phải giải

phẫu. Khi lớn lên, Tekicchakàrì trở thành một thiếu niên thông thạo của dòng Bà-la-môn. Thân phụ của Ngài bị vua Ba-la-nại bắt giam, vì ảnh hưởng chánh trị. Tekicchakàrì bỏ trốn, lánh mình trong tinh xá của một trưởng lão. Sau đó chàng xuất gia, trở thành một Tỳ-kheo sống ngoài trời không kể gì lạnh nóng, hoàn toàn chú tâm tu tập để đạt thánh quả. Ác ma muốn phá rối, đi đến gần Ngài dưới hình thức một mục đồng, than thở:

*Lúa đã gặt thâu xong
Gạo đã được đập giã
Nhưng một miếng không có
Ta sẽ làm gì đây?*

Vị Trưởng lão nghĩ rằng: “Người này nói đến tình cảnh của nó. Nhưng ta cần phải giáo huấn ta! Không phải phần việc của mình để mà thuyết giảng.” Thầy tự khuyên mình thiền quán trên ba quy y:

*Hãy niệm Phật vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái
Tâm thấm nhuần hỷ thọ
Luôn luôn cảm phấn chấn.
Hãy niệm Pháp vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái
Tâm thấm nhuần hỷ thọ
Luôn luôn cảm phấn chấn.
Hãy niệm Tăng vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái*

*Tâm thắm nhuần hỷ thọ
Luôn luôn cảm phần chấn.*

Ác ma, làm ra vẻ lo lắng:

*Ngài sống giữa ngoài trời
Những đêm này giá lạnh
Chớ để lạnh hại Ngài!
Hãy vào trong tinh xá
Cố cửa đóng then gài*

Trưởng lão trả lời:

*Ta sẽ cảm thọ được
Với bốn tâm vô lượng
Ta sẽ sống an lạc
Với những tâm tư ấy
Giá lạnh không hại ta
Ta sống không dao động.*

Nói xong Ngài phát triển thiền quán và chứng quả vô sanh.

Khía cạnh của câu chuyện này, cho thấy người độc cư dễ có tâm lý cô đơn, muốn bắt chuyện, muốn giao tiếp. Vị Trưởng lão thức tỉnh trên phận sự của mình, chỉ hướng về giáo dục mình. Nếu ai cũng được như vậy, dù sống trong đám đông cũng không ngại.

Rừng núi và những tấm gương ẩn cư lung linh cùng mây chiều sương sớm. Cao nhân đạo sĩ khuất nẻo mù khơi. Không dễ gì thực hiện mơ ước của mình, thôi thì đọc tạm những bài thơ. Giả Đảo, thi sĩ đời

Đường, viết nhiều nhất về núi non lâm tuyền, về những người ở ẩn. Trong thơ của ông, ta ít thấy dáng người hiện hữu, chỉ là dấu tích vương mây, như bài thơ nổi tiếng ai cũng biết này:

*Tùng hạ vấn đồng tử
Vân sư thái được khứ
Chỉ tại thử sơn trung
Vân thâm bất kiến xứ.*

Đến chùa hỏi thăm thầy, được chỉ ra đám mây trong núi. Không thấy người nên mãi mãi là ước vọng.

Ở một bài khác, ông kể lại rằng sau khi vượt qua những nẻo đường núi cheo leo gập ghềnh, đến tìm vị tăng ở ẩn, thì không được tiếp.

*Dã tự nhập thời xuân tuyết hậu
Khi khu đắc đảo thử phòng tiền
Lão tăng bất xuất nghinh triêu khách
Dĩ trụ thượng phương tam thập niên.*

Giả Đảo (779-843)

Sau mùa xuân đi tìm một ngôi chùa hoang dã, gập ghềnh biết mấy mới tới được phòng thầy. Nhưng thầy không ra tiếp khách, (chỉ biết) thầy trụ ở non cao này ba mươi năm.

Hầu như là không bao giờ gặp. Để cho giấc mộng rừng núi vẫn cứ là giấc mộng.

Thời hành điệu

Có một cái gì đó vừa dễ thương, vừa buồn cười khi nhìn lại thời gian hành điệu. Tôi cũng ở chùa từ nhỏ, nhưng không được (hay bị?) cạo đầu chùa chóp. Ngày lễ thọ giới không tốn nước mắt như chị Văn. Chị kể:

- Đang ngủ trên bồ lúa, chú Tám sai chị Thiều kêu dậy biểu sửa soạn thọ giới Sa-di. Thấy chú cầm sẵn dao cạo, đứng bên thau nước, chị biết chuyện gì sẽ xảy ra, vội níu cái chóp tóc và năn nỉ chú: “Chú đừng cạo. Con thọ giới có chóp cũng được”. Chú nổi giận, la: “Mày đi tìm thầy Bạch Vân mà trả treo với ổng. Tới giờ đăng đàn rồi, còn đợi mình mày nữa hà.”

Thấy chú có sắc giận, chị không dám nói thêm, riu riu ngồi xuống. Chú Tám đưa lưỡi dao đến đầu, tóc rớt đến đó, và nước mắt chị rớt theo. Làm Sa-di là phải đầu tròn áo vuông, chuyện đó đã hẳn. Chị cũng thường ao ước đến ngày được đắp y như quý cô. Nhưng cái chóp đã từng chia sẻ buồn vui, chị có thể quấn nó thành một vòng chữ o quanh đầu, hoặc kéo xuống nhét vào túi áo. Cạo chóp có nghĩa là mình đã lớn, không còn là điệu nhỏ. Một cái gì thân quen vừa mất, một thời nào đó đã trôi qua.

Tôi nghe chị kể chuyện và ngẫm nghĩ, hình như chỉ có ở nước mình mới cho các chú điệu để chóp. Sa-di La-hầu-la hỏi đó chắc không chữa cọng tóc nào, nếu có chắc chú sẽ đem đi ngoáy tai các tôn giả đang ngồi thiền. Và không phải điệu nào cũng thích để chóp. Khi thầy tôi về Vĩnh Bửu làm lễ xuất gia cho mấy chú cũng khá lớn, cỡ mười sáu, mười bảy tuổi, thầy tôi định chữa cho mỗi ông một cái vá. Chú Hiền phản ứng:

- Thưa thầy cạo hết cho con. Chữa mấy cọng tóc kỳ lắm! Tụi con gái nó ngoạ con.

Ắt hẳn chú sợ mấy cô bạn vẫn thường đi chợ ngang qua chùa. Chú Thành từ tốn hơn:

- Thưa thầy chùa chóp gió thổi nhiệt lắm!

Trước lý lẽ ngoài kinh điển của mấy chú, thầy tôi nhượng bộ. Cũng không có gì đáng trách vì mấy chú đã nhỏ giòi, thêm cái đầu húi cua lỏm chỏm, chùa một cái vá như rễ tre ngó không ổn.

Chỉ có con nít mặt mày vô tư hồn nhiên, một chòm tóc nhỏ xíu mọc lơ lửng bên vành tai như cái dấu hỏi ngơ ngác. Hình như thế giới trẻ thơ không dính dáng gì đến cái hình thức bên ngoài. Dù để chóp mặc áo vạt khách hay cắt tóc bum bê mặc áo bông, con nít vẫn cứ là con nít, chúng ngây ngô, tự tại, lúc nào cũng có vẻ như muốn hỏi han một điều gì. Bé Hỷ có thói quen vuốt cái vá của mình, như một cách thức bày tỏ nào đó. Thầy hỏi:

- Bé Hỷ học kinh tới đâu?

Vuốt chòm tóc một cái:

- Thưa thầy, tới chỗ "...Xá Lợi Phất tòng thị Tây phương..."

Đi học về, thầy kiểm tra:

- Bé Hỷ, hôm nay tập viết mấy điểm?

Kéo chóp tóc nhét qua lỗ tai, để giấu cơn bối rối:

- Con tập viết bảy điểm, chính tả tám điểm. Bé Nguyễn viết tám điểm, chính tả bảy điểm.

Cả hai đương sự cùng đứng ngó thầy, mắt tròn xoe. Kể cả điểm của bé Nguyễn vào đây, bé muốn cho thầy thấy cả hai đều có cái hơn cái kém. Lần khác, bé Hỷ đùa với cái chóp, vò cho nó rối nùi lên, rồi cố ý đi ngang qua thầy... Thầy kêu lại hỏi: - “Sao cái đầu con kỳ cục vậy?” Thầy không biết là trước đó bé Hỷ đã nói với mấy chị: “Em sẽ làm cho thầy kêu em”.

Suy tư của trẻ con thường không giống người lớn. Hồi nhỏ, có lần tôi được quý cô sai ra trước sân chùa canh chừng trẻ nít. Thầy đang giảng bài trên lớp mà phía ngoài tiếng hò reo đùa giỡn của lũ nhỏ cứ vọng vào không ngớt. Tôi chạy ra sân và chẳng mấy chốc nhập bọn, quên là mình đang giữ nhiệm vụ gì. Cho tới lúc ồn quá chịu không nổi, sư cô Tri sự bước ra, thấy tôi đang thẳng tay đập ầm ầm vào cánh cửa lớp học, miệng hô: “năm mười, mười lăm, hai mươi...”. Thủ phạm phá rối bị điệu vào trong, phạt quỳ một cây nhang trước bàn Tổ. Tôi mếu máo, nước mắt ngấn, nước mắt dài, cảm thấy mình bị oan ức. Ngoài

sân, đám bạn của tôi vẫn tiếp tục trò chơi. Khoảng sân chùa không lớn, nhưng con nít có thể chia làm nhiều không gian. Một bậc thềm được coi như là bờ nước, con cá sấu đứng dưới thềm chạy đuổi những kẻ rớt xuống nước, một vài đứa đứng gần mé thềm, dứ dứ cái tay kêu: “Cá sấu, cá sấu lên bờ”. Cá sấu chạy lại, đứa bé nhảy vọt lên thềm, thế là an toàn, cá sấu tìm bắt đứa khác. Nếu đổi trò chơi, khoảng sân trở thành chỗ nhảy dây, nhảy lò cò, Những lần vẽ phân ô, thấy một hòn chàm, nhảy qua những ô đó, cất một cái nhà, vẽ bông hoa đánh dấu cái nhà của mình, và chụm hai chân nhảy vào một lượt. Ô nào không phải nhà chỉ được quyền nhắc một chân. Đổi trò chơi, hết thấy bờ nước, nhà cửa trước đó một phút đều xóa. Hai đứa bé giăng tay làm một cái cổng, mọi đứa khác đều lần lượt đi qua cổng, cùng hát: “Thiên đường, địa ngục hai bên. Ai khôn thì nhờ, ai dại thì sa...” một đứa sẽ được chặn lại ở cổng để hỏi nhỏ: “Ăn cam hay ăn quýt”. Quýt đứng một bên và cam đứng một bên. Bắt đầu chia phe kéo. Hôm nào địa ngục mạnh hơn thiên đàng, kéo bên kia chạy tuốt, mất thăng bằng cả hai bên cùng té dòn cục với nhau. Trò chơi nào cũng say mê, con nít không thích bị kêu nửa chừng, đang lúc lo

cất nhà, hoặc đang núp đầu đó, đợi đưa bạn ngó lơ để chạy ra xí cây cột. Không có gì quan trọng hơn cái nhà trong ô vẽ, hoặc cây cột năm mười... Nhưng, người lớn là nguyên nhân phiền muộn. Bị giải tán, đưa phải về nhà học bài, dỗ em, đưa phải tắm rửa, thay đồ, chải đầu... Con nít hện nhau “Ngày mai”.

Lẽ dĩ nhiên bây giờ tôi đã là một người lớn. Tôi cũng đang say mê trong nhiều trò chơi. Không gian của tôi đâu hơn gì khoảng sân ngày xưa, được tưởng tượng ra nhiều hình ảnh rất quan trọng. Người lớn luôn luôn thấy mình có lý và rất mực khôn ngoan. Chỉ có các vị Bồ-tát mỉm cười.



Tùng địa dũng xuất

Bộ kinh Pháp Hoa giới thiệu và trình bày về Tri kiến Phật. Tri kiến Phật là Phật xác nhận tất cả chúng ta đều có có khả năng thành Phật, xác nhận niềm tin và trao cho chúng ta một trách nhiệm, trách nhiệm thành Phật. Khi chúng ta tu tập, chúng ta bắt đầu đặt trên vai mình trách nhiệm đó tùy theo sức của mình...

... Phẩm Thọ Ký, thọ ký có nghĩa là ghi nhận một cách chắc chắn, nói nôm na như là một cái hẹn, Đức Phật trao cho chúng ta một cái hẹn, một dự kiến sẽ thành Phật. Tùy mức độ tu tập nên có thời gian trước sau. Nói đó là theo căn cơ mau chậm chứ thật ra thì quý vị đã thành Phật, đã có khả

năng thành Phật. Khi Đức Phật thọ ký cho tất cả các vị đệ tử lớn, hẹn cho thành Phật trước, những hàng đệ tử trung căn thành Phật kế tiếp, hàng hạ căn sẽ thành Phật sau cùng. Chúng ta cũng là đệ tử của Phật, hẳn nhiên là cũng có nhận một cái hẹn nhưng vì chúng ta không nỗ lực tinh tấn mà cứ rong ruổi nên chúng ta vẫn còn ở đây. Nhưng tình thương của Đức Phật rất rộng lớn, Ngài thọ ký cho chúng sanh đời vị lai là sẽ được độ, sẽ đắc quả thành Phật dưới thời của Đức Phật Di Lặc. Đức Phật này là Đức Phật kế tiếp, Đức Phật của tương lai và chúng ta là người của tương lai. Trong thời đó sẽ có ba hội thuyết pháp gồm: Hội thứ nhất dành cho những người thọ trì năm giới sẽ được đắc quả. Hội thứ hai, không giữ gìn năm giới nhưng có quy y Tam bảo. Hội thứ ba, không quy y, không giữ cấm giới nhưng kết duyên với Đức Phật bằng cách khi nghe danh hiệu Ngài, chấp tay cúi đầu. Khi Đức Phật đã cho chúng ta một cái hẹn và thọ ký như thế rồi, bộ kinh Pháp Hoa diễn tiến cho đến phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, Đức Phật khuyến khích tất cả các Bồ-tát hiện có mặt, hãy giữ vững niềm tin của mình, siêng năng tu tập thọ trì kinh Pháp Hoa. Bấy giờ có các vị từ phương xa tới, xin tình nguyện sẽ hộ trì kinh pháp Hoa cho cõi Ta-

bà. Nhưng ngài từ chối: Không cần các ông, chính tại cõi Ta-bà này cũng có rất nhiều Bồ-tát có khả năng thọ trì giữ gìn kinh Pháp Hoa - Phật tính của mình có khả năng thọ trì. Khi Đức Phật vừa nói dứt lời thì từ dưới đất ở cõi Ta-bà này chợt rúng nứt xuất hiện vô số vị Bồ-tát cùng vô số quyến thuộc cho đến các vị đi một mình, tất cả đồng đến lễ Phật. Trong chúng hội rất là ngạc nhiên. Các vị này lại thêm một phen gây kinh ngạc, bèn đến đảnh lễ Phật: Chúng con xin phát nguyện hộ trì giữ gìn kinh Pháp Hoa ở cõi này và Phật chấp nhận hứa khả. Hình ảnh này có ý nghĩa gì? Vọt lên từ lòng đất. Đất là đất tâm, có nghĩa là trong tâm chúng ta phát xuất những khả năng thành Phật, phát xuất những ý nguyện thành Bồ-tát, thành Phật độ sanh. Đức Phật đã từng xác nhận: Dù đất tâm của mình như thế nào đi nữa trong đó vẫn ẩn tàng một vị Bồ-tát. Ý chính ở đây nói rằng muốn thành Phật thì phải đích thân mình tu tập. Tục ngữ có câu: “Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc”.

Trong câu chuyện thiền, có một vị thiền sư đó tha thiết tu tập nhưng tu chưa tới nơi. Vị thầy sai ông đi công tác một chỗ rất xa, trên đường đi vị thiền sư than thở với

các huynh đệ đã thấy tánh, đã ngộ đạo, bèn rủ một sư huynh coi như tốt nghiệp rồi:

- Bây giờ đệ chưa tốt nghiệp, vẫn chưa xong việc của mình, Sư phụ sai đi nơi xa thế này, e rằng thời gian đi, công phu của mình không được trọn vẹn, vậy sư huynh có thể đi với đệ giúp đệ tu tập được không?

Ông sư huynh trả lời:

- Được thôi. Ta sẽ giúp đệ tu tập nhưng có ba điều kiện nếu đệ đáp ứng được, ta hoan hỷ đi cùng đệ. Thứ nhất, lúc đệ đói bụng, ta ăn đệ có no hay không? Thứ hai, nếu đệ mệt, ta ngủ cùng, đệ có khỏe không? Thứ ba, nếu chẳng may đệ đau bụng, ta đi cầu cùng đệ được không?

Vì ba điều kiện của ông sư huynh đó cho nên vị sư đệ phải nỗ lực ra đi một mình. Một mình như thế chúng ta sẽ phát huy được mọi khả năng diệu dụng, mình không ỷ lại. Đó là tính chất của Tùng địa dũng Xuất - ngay nơi đất tâm của mình, từ tự thân của mình, từ những nghiệp chướng của mình mà phát triển ra được tính chất Phật, tính chất Bồ-tát. Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai là khi Đức Phật nói về các Bồ-tát từ dưới đất vọt lên nghĩa là Ngài muốn giới thiệu về tính chất Vô sư trí, trí này không do người khác đem lại mà tự mình hiểu được. Vô sư trí tượng trưng bằng

các vị Bồ-tát ở trong lòng đất. Trong hội Pháp Hoa có một sự kiện là khi các vị Bồ-tát phương xa xuất hiện mà Bồ-tát Di Lặc không quen biết. Bồ-tát Di Lặc tượng trưng cho thức. Chúng ta muốn biết Vô sư trí thì không thể dùng kiến thức thế gian, thức tình của ta để phán xét. Dẫn một thí dụ. Có một huynh đệ quen biết, nhìn bề ngoài người đó chúng ta không thể nào đánh giá, giả như huynh đó trong đời sống không có điểm nào đặc sắc thì chúng ta không nên khẳng định huynh này tu không tới nơi tới chốn, không thể thành Phật được. Qua câu chuyện này là lời nhắc nhở cho chúng ta rằng, Vô sư trí ẩn tàng bên trong mỗi người, ta không thể xét bằng việc làm, hình tướng ở bên ngoài, bởi vì Vô sư trí không đi qua kinh nghiệm, không đi qua kiến thức. Chúng ta đừng để cho kiến thức thế gian lấn át mình, nó hướng dẫn mình trong vấn đề tu tập. Tôi xin dẫn chứng câu chuyện Tây Du. Đoạn cuối, thoát đầu thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh không có chữ, kinh Vô tự; nhưng vì Tề Thiên tượng trưng cho ý thức khôn lanh, thông thiên đạt địa, ông bèn bày thầy Tam Tạng nộp bình bát bằng vàng cho hai vị Bồ-tát mới được phát kinh có chữ. Bình bát tượng trưng sự chứa đựng, gom góp... Hình ảnh đưa bình bát cho ngài Ca

Diếp ý nói chúng ta buông bỏ bình bát của mình. Vì tâm thức của chúng ta không thể đọc được kinh Vô tự. Kinh Vô tự phải dùng Vô sư trí có nghĩa là chỉ khi nào mà chúng ta chợt ngộ, khám phá từ trong nội tâm của mình không qua kinh điển không qua lời chỉ dạy, không qua những kiến thức bình thường của thế gian thì lúc đó kinh Vô tự mới xuất hiện. Vì tất cả những ngôn ngữ văn tự của thế gian chỉ là duyên hợp, giả tạm không đạt đến chân lý tột cùng... Qua đây, chúng ta khám phá ra rằng Tây Du là một câu chuyện có sức ẩn dụ, không phải theo ý nghĩa thông thường của chúng ta. Đó là nói về Vô sư trí. Hình ảnh các vị Bồ-tát phương xa nhìn không quen mặt, đời sống các Ngài không lệ thuộc không gian thời gian. Ví như Phật tính, cái Vô sư trí của chúng ta không bị hạn cuộc bởi không gian, vượt qua kinh nghiệm về thời gian mới được. Tất cả chúng ta đều có Vô sư trí, giả sử chúng ta cùng sinh hoạt trong một môi trường như nghe pháp chẳng hạn, chúng ta đều nghe như nhau không hạn cuộc màu da, quốc tịch... Vô sư trí luôn luôn hiển hiện. Có một phương pháp, gọi là Biết vọng không theo, nghĩa là tất cả những kiến thức đầy ắp, những quan điểm, những thành kiến... chúng ta đã chứa chất ôm ắp từ lâu

mà bây giờ nó có vọt ra chúng ta biết nó là vọng, tất cả đều buông cho sạch không theo, tâm phải trống như Đường Tăng phải trao bình bát đó cho Bồ-tát Ca Diếp, lúc đó Vô sư trí hiển hiện. Thí dụ chúng ta vô một căn nhà, muốn tìm một viên ngọc quý nhưng lục hoài không ra vì trong đó lủ khủ nôi hư chén vỡ... chứa nhiều thì moi lâu. Chi bằng, những gì hư cũ chúng ta lôi ra cho hết, những vọng tưởng cũ kỹ, quen thuộc nhàm chán... Chỉ như thế viên ngọc mới lộ diện. Đó là cách tu của chúng ta. Vọng tưởng là những đồ cũ, nó làm bạn với mình từ vô thủy kiếp đến giờ, chúng ta lo buông đi để có ánh sáng mới - ánh sáng Vô sư trí của chúng ta.



Quà tặng

Quà tặng trong ý nghĩa thông thường là một biểu hiện tình cảm. Món quà có thể bằng tài vật, bằng cử chỉ lời nói, và hơn nữa là giá trị tinh thần mà người tặng và người nhận đều cảm thấy không thể tính toán được.

Quà tặng đôi lúc chẳng tốn kém chi:

*Tôi ngắt đi một cành hoa thạch thảo
Em nhớ cho một mùa thu đã chết rồi.*

(Appolinaire)

Nụ hoa dại bên đường là quà tặng của thiên nhiên, cầm một nụ hoa hay cầm một chiếc lá phong vàng úa, là nắm cả mùa thu trên tay. Có món quà nào đẹp hơn không? Khi tuổi trẻ đi qua, người ta lật lại trang

sách cũ, thấy mình đã ép, đã cất giữ mùa thu mùa hạ bấy nhiêu năm, bông phượng đã úa màu, nhưng kỷ niệm về quà tặng thì còn nguyên.

Một nhà sư thì tặng gì cho cuộc đời.

Run run tay bình bát

Đường trưa thân áo vàng

Từng bước theo từng bước

An lành mây bốn phương.

(Quách Tấn)

Vị khát sĩ đi xin thức ăn từng nhà dân gian, gầy gò khổ hạnh “Vá trăm đường y áo cũ mong manh”. Giữa nhộn nhịp phồn hoa, vật chất trưng bày rục rĩ muốn đẩy lùi cả thời gian không gian thì hình ảnh bình dị của nhà sư lại tỏa ra sự an lành. Đó là món quà của thân tướng trang nghiêm.

Giả Đảo viết về nơi ở của nhà sư, rất cao và rất xa, ở đó chỉ có con đường mòn của tiêu phu, hàng cây phủ đầy tuyết, sỏi đá chảy len lỏi giữa những góc trúc xù xì. Vẫn có người tìm đến để xin sư một lời, một lời dạy thoát khổ. Vậy thì non cao không hẳn là không có quà.

ĐỀ TRÚC CỐC THƯỢNG NHÂN VIỆN

Thiên đình cao diệu đạo

Hồi vọng cực xuyên nguyên

Tiêu kính liên phong đánh

Thạch tuyền thông trúc căn
 Mộc thâm du tích tuyết
 Sơn thiển vị văn viên
 Dục biệt trần trung khổ
 Nguyện sư tặng nhất ngôn.

(Giả Đảo)

VIẾT VỀ CHỖ Ở CỦA THƯỢNG NHÂN

*Am cao tận lối chim muông
 Đàng sau ngoảnh lại ngọn nguồn suối sông
 Dấu tiêu mòn lối đỉnh non
 Suối khe tuôn chảy đá luôn trúc xanh
 Cây khe còn tuyết đầy cành
 Núi thưa chưa vọng âm thanh vượn đàn
 Muốn lia khổ nào trần gian
 Xin sư lân mẫn bảo ban một lời.*

Chúng ta có phải đi quá xa như vậy để tìm một món quà tâm linh cho mình không? Trong đường đời xuôi ngược, giữa nhiều câu chuyện hôm nay, chúng ta vẫn có được một món quà rất cảm động.

“Portland năm nay lại bị một luồng khí lạnh thổi qua nên lạnh từ đầu mùa thu sang tới mùa xuân - vẫn có tuyết. Con vẫn đi làm, con thích đi làm vì có dịp để giúp đỡ kẻ khác. Có một lần sáng con đi làm sớm, trời lạnh - đội mũ, quấn khăn, áo trùm nhưng lại quên cặp bao tay. Con đang đứng xoa tay chờ ở trạm xe Bus thì có một ông

homeless (vô gia cư - bên này không có ăn mày, chỉ có những người này sống lang thang, đi lượm lon bán để sống) đẩy cái xe cút kít. Trên xe áp lăm đồ - đi ngang qua con, ông này già đầu tóc chôm bôm, quần áo đủ màu - ổng ngừng lại mà hỏi con: “You lạnh hả?” Con nói: “Vâng, hôm nay trời lạnh.” ổng tháo đôi bao tay to sầm vừa đen vừa dơ trao cho con và nói: “Này, lấy mang vô cho ấm - bao tay này tốt lắm.” Con cảm ơn và nói: “Ông cần hơn tôi, tôi chút sẽ lên xe ấm hơn.” ổng không chịu lấy, đưa cho con lần nữa. Con phải cầm trao tận tay ông và vỗ vai cảm ơn, từ chối. ổng cười nhe hàm răng sún, mang bao tay trở lại, đẩy xe đi và “bye bye con” . Con cũng vẫy tay chào ông - chúc một ngày đẹp đến cho ông. Lên xe Bus, con vẫn còn ứa nước mắt!! Viết đến đây con vẫn còn khóc. Hành động của một kẻ nghèo đẹp quá phải không quý cô?

Con xin lỗi đã kể dài dòng một câu chuyện... Một lần nữa con xin gửi lời kính thăm hết quý cô - MINH QUANG”

Ông lão cho đôi bao tay duy nhất trong ngày giá lạnh, không nghĩ đến mình, chỉ có niềm vui khi tặng cho. Người được cho tuy không nhận quà, nhưng nhận được giá trị của một tâm hồn. Khi viết thư này, hẳn chị

Minh Quang muốn chia sẻ tâm tình của người còn tin vào nét đẹp của cuộc đời.

Ngày Phật Đản, chúng ta nhận được thông điệp: Vì một nhân duyên lớn nên chư Phật xuất hiện nơi đời, đó là khai thị ngộ nhập Phật tri kiến. Món quà này hẳn không có gì sánh bằng. Từ Phật tâm, chúng ta cảm nhận mình sống trong một tinh cầu nhỏ bé nhưng lại vô cùng lớn lao. Chúng ta chỉ là hạt cát hoặc chỉ là một phần trăm ngàn của hạt cát, nhưng giá trị của tâm thì vĩnh hằng. Từ đó cuộc sống luôn có những quà tặng đẹp.



Khám phá ông chủ

Danh từ Ông chủ hay Bản lai diện mục (The real face) là một vấn đề đặc biệt mà tất cả người tu đều xem như là vấn đề chính, vấn đề sống chết. Cái gì là mặt thật của chúng ta? Không phải là gương mặt và con người đang sống đây, vì nó rất mong manh vô thường. Ông chủ phải là sức mạnh, năng lực cốt lõi không bị sinh diệt đổi thay. Cũng như người chủ nhà có toàn quyền với ngôi nhà đồ vật trong đó, ông chủ là sinh mệnh tuyệt đối, vươn lên trên mọi sự sống chết. Danh từ kinh điển gọi là Phật tánh, Như Lai cũng chỉ cho ông

chủ này. Từ này, thiền tông thường sử dụng.

Trong chúng ta ai cũng có năng lực này, xuất hiện dưới hình thức tính biết qua sáu cơ quan. Mắt biết thấy, tai biết nghe... Một hình ảnh trước mắt chạm vào mắt là ta thấy liền, đó là nhờ tánh biết có sẵn. Tánh biết này đánh thức hệ thống thần kinh thị giác để báo về não, để ra tín hiệu cho trung ương và từ đó hình thành một ý thức: Tôi vừa thấy người đó, vật đó. Trong Duy thức học gọi là đệ nhất niệm, sát-na đầu tiên còn mới tinh khô khi tâm ta tiếp xúc với cảnh. Đây là hiệu dụng của ông chủ.

Dòng ý thức là một sự chuyển động liên tục của những làn sóng, những điểm niệm kéo nhau đi vô tận. Chúng sẽ di chuyển thành một hệ tư tưởng nối theo cái nhìn ban đầu, và ta phát ra từng hồi lo buồn hay vui mừng, giận hay thương. Những chấp tư tưởng này thúc đẩy thêm một lô hành động kéo theo, xúi giục chúng ta hành động theo quán tính. Có người giận thì đỏ mặt, chửi mắng, kèm không được thì đánh đập... Những hành động đó nếu cứ tiếp diễn hoài thì thành một sức cưỡng bách, ta không dừng được. Đó gọi là nghiệp. Và nghiệp thì đưa đến kết quả, đánh người bị người oán hận, trả thù ta bị

đau khổ. Và như vậy, chỉ với ông chủ ban đầu mà ta đã đi xa, đi quá xa trên dòng chuyển động.

Chư Tổ sư dạy, nếu dừng ở chỗ mất biết thấy, không tiếp tục theo sự xung động thì ta dừng rất nhiều được niệm vọng tưởng, dừng nghiệp, dừng luân hồi. Đó là điều Hòa thượng đã nói ở đoạn đầu phần giảng. Tất cả pháp tu niệm Phật, trì chú, tụng kinh cũng đều nhắm đến chỗ không cho niệm tiếp tục, còn tu thiền buông vọng cũng chỉ nhắm vào chỗ này, tuy không mượn phương tiện dùng một câu niệm Phật.

Tại sao nhắc đến ông chủ hay chơn tâm? Chỉ vì nếu buông vọng hay dừng niệm, chúng ta lo chú ý đến vọng tưởng, tức phần sinh hoạt thứ hai, quên đi cái chủ động nơi mắt tai mũi lưỡi. Bấy lâu nay chúng ta thấy vọng là sợ, lo giữ không theo vọng, quên là mình có ông chủ. Hòa thượng sợ tu pháp này buồn, không thấy khả quan nên chỉ lại, có ông chủ sẵn mỗi khi tiếp xúc. Hễ biết có ông chủ thì tự nhiên những lao xao tự dừng, đó gọi là đánh phủ đầu, đưa ông chủ ra trước thì mấy tên tùy tùng vọng niệm không níu kéo mình đi quá đà. Hòa thượng tâm đắc với phương pháp mới này nên căn dặn kỹ, nhắc đi nhắc lại, chúng ta lại tưởng nói đi nói lại như Hòa

thượng mới đúng. Nếu cứ lảm bảm thì không khác câu niệm Phật, hoặc tham thoại đầu: Niệm Phật là ai? Cho nên phải hiểu tinh thần ở đây, biết có sẵn tánh thấy nghe là đủ, không thêm gì cả.

Hòa thượng thấy cái hiện hữu rõ ràng sờ sờ thấy nghe tingle tingle, đem dạy chúng ta, vì chúng ta chưa thấy. Giống như con trẻ học nói, nghe cha mẹ nói thì nói theo mà không hiểu biết. Nên nếu lặp lại lời Hòa thượng thì khác nào con nít học nói, không có tác dụng. Cần phải hiểu rõ dụng ý của bài học để áp dụng, tingle tingle sáng suốt như xưa. Không nên lảm bảm, đó là cách tốt nhất.



Viết cho mưa

Mùa mưa đến một lần với mùa An cư, nhưng mỗi năm mưa lại trễ hơn năm trước một ít. Có khi lễ An cư đã qua nửa tháng rồi mà mưa vẫn chưa tới. Giờ tụng kinh, ngồi thiền oi bức, quạt máy chạy vù vù không xua được cái nóng rình rập. Những lúc đó chỉ cần một cơn mưa. Đợi đám mây từ phía Đông, như dân gian nói “Cơn đằng Đông vừa trông vừa chạy”, nhưng gió thổi qua phía Tây, mưa lướt nhẹ vội vàng rồi mất hút. Gió Nam tới, mây cũng vội vã bay, một bầu trời đen âm u phía xa tưởng đâu có mưa lớn. Nhưng cũng rút vài hột lưa thưa rồi nghỉ. Tuy nhiên đã có mưa gần mưa xa thì không khí đã dịu bớt, đã nghe nhẹ nhàng.

Hồi mới phá rừng, đầu mưa lo tĩa đậu phộng. Đất mới dọn, nếu không trồng một thứ gì để chăm sóc thường xuyên thì cỏ sẽ mọc tràn lan. Cộng thêm những đám mưa

già, sao mà hồi đó mưa dễ và mưa nhiều, thì chẳng bao lâu rừng sẽ lại là rừng. Tâm của đại chúng để ở rẫy đậu. Nếu chưa mưa, sau một tuần lễ đã bỏ hạt, sợ đậu không sống nổi phải tĩa lại. Tri khố nấu nồi chè đậu xanh cầu mưa, có khi phải ăn nồi chè thứ hai. Mưa quá lớn, đất trôi, những hạt đậu chạy ra bìa đất nằm, toàn chúng xếp hàng đi lượm và nhét nó vào chỗ có phân tro. Nằm ngoài đường thì làm sao mà tốt được. Sau vài lần làm cỏ, xới chân, vô phân, đi ngang đám đất thấy những nụ hoa vàng li ti nằm sát dưới chân cây đậu, biết rằng rừng đã lùi bước. Dồn công cho đậu thì đám ruộng cỏ lên cả thước, không có miếng đất nào chịu ở không. Sáng sớm nghe tiếng mài cối, mài phẳng là biết chuẩn bị một ngày dọn ruộng. Ai kiên nhẫn dưa được lưỡi cối mình sáng trưng, bén ngọt, sẽ được bạn bè khen: cối ngon quá há! Làm như ăn được. Hồi đó ai cũng thèm một lưỡi cối thiệt ngon với những lát cối đều, trông đỡ mệt. Mưa sẽ rửa về những trận du dương, nhìn quanh bốn bề chỉ có cây rừng và mưa gió, đậu phộng mừng mau lớn, ruộng lúa cũng mừng vì mưa rửa bớt lớp phèn bao quanh chân, nở bụi tròn vo.

Mưa ở ruộng rẫy khác hơn mưa ở thành phố. Đó là điều mà khi chưa ở Viên

Chiều, tôi chưa biết. Một ngày bớt việc, đi ra quốc lộ đón xe về thành phố. Bỏ lại lại cơn mưa rừng xa xôi, bỏ lại lo toan nhà đột cột xiêu, chạy lúa chạy đậu trước khi mưa ập tới. Về lại Ni trường của mình, mưa thành phố không có vẻ trông mong, hăm dọa, không nặng hạt tính toan. Mưa có vẻ thung dung và yên ổn. Nằm trong liêu phòng cũ, nghe mưa nhẹ nhàng trên mái ngói, bên ngoài những bức tường che chở. Cảm giác như mình chưa đi đâu hết, chưa bị cơn mộng thiên cuốn vào dặm ngàn thiên lý. Thời còn học ở trường đúng là “Vô sự tiểu thần tiên”, không chờ mưa đón mây để trồng để gieo. Sinh hoạt bình ổn với những giờ quá đường, huynh đệ ngồi với nhau ngay hàng, có khi trừng ngó tên Sa-di đối diện, cũng thấy mắt hấn đang trừng nhìn mình qua tô canh. Giờ tụng kinh, công phu khuya, tiếng mõ bay mau hơn tiếng mưa, âm thanh đổ ào ào, không dám tụng chậm vì sợ con buồn ngủ. Vậy đó mà bây giờ ngồi thiền buổi khuya không chuông mõ, không thần chú, cũng nhìn thấy từng dòng tư tưởng kéo qua lệ làng và mất hút đâu đó.

Mùa An cư ngày xưa của tôi êm đềm như những ngày tháng mưa bay. Chỉ có học kinh và tụng niệm. Ra hạ sẽ có lễ Dâng y,

lễ Vu lan, lễ Tự tứ. Tôi tưởng thấy mình ôm một phần trái cây, ngồi ở thềm lớp học, cùng các huynh đệ đồng liêu vừa ăn vừa tính xem ra hạ này được nghỉ học, đi chơi ở đâu - H.P quê ở Biên Hòa, nhà gần lò gốm, có giọng cười rộn rảng y như tô chén chạm nhau. Những lúc vui đùa, chúng tôi bảo huynh ấy lấy lon guigoz cười vào trong đó, kéo giọng huynh bay xa thì cả liêu đều bị Sư bà chiếu cố. H.P rủ chúng tôi về Biên Hòa ngắm sông Đồng Nai. Đó là lần thứ nhất tôi được nhìn thấy sông Đồng Nai.

Sau này, có nhiều lần tôi được dịp ở trong một ngôi nhà nằm sát bờ sông. Gặp trời mưa lớn, từ trong nhà nhìn ra mưa trên sông, một khoảng trắng mịn màng. Mưa che khuất bờ nên cảm giác sông rộng vô cùng, cảm giác như trời đất chỉ là một trong mưa. Mưa và nước sông cùng lưu động, trôi chảy thiết tình: Câu hỏi thiền dấy lên “Âm vang của đời mình ra sao? Âm vang của một giọt mưa ra sao?” Cũng giống như vậy, giọt mưa không dấu vết tiếng tăm, cứ nối tiếp nhau mà đến, rớt xuống hòa tan lặng lẽ - một giọt mưa không lớn không nhỏ, không gây ồn ào. Có lẽ nên học hỏi từ những giọt mưa. Hay học từ những con sông đang đổ nước ra biển.

*Trường Giang cuộn cuộn chảy về Đông
Sóng vùi dập hết anh hùng,
Được, thua, phải, trái thoát thành không,
Non xanh nguyên vẻ cũ,
Mấy độ bóng tà hồng!
Bạc đầu bạc ngư tiêu trên bãi,
Đã quen nhìn thu nguyệt, xuân phong.
Một bầu rượu vui vẻ tương phùng.
Xưa nay bao nhiêu việc,
Phó mặc nói cười sông.*

(Bài Từ trước khi vào chuyện Tam Quốc)

Mưa chiều trên sông. Con nước chảy thao thao ra biển, mang theo bao nhiêu chuyện đời dâu bể, hai ông già tóc bạc gặp nhau trên bến sông, một bầu rượu để rủ rê kể lại những chuyện xưa nay. Tất cả rồi cũng trôi xuôi, còn lại một trận cười. Cơn mưa đôi lúc cũng là một trận cười dài của trời đất.



Hoa đại tháng mười

Tháng mười, thời tiết chuyển từ mưa sang nắng, gió bắc chớm lạnh, một buổi sáng nào đó ngủ dậy nghe hơi man mát ngoài da, thế là tôi đã đủ thấy nỗi vui mừng len chậm chậm, như mùa lạnh đến từ từ. Úa tháng mười, năm nào cũng đến, nhưng năm nào cũng là người khách không quen.

Tháng mười, nắng khô hanh đủ để phơi những hạt lúa mới gặt, nắng óng ả vàng như sân lúa vàng tươi. Bao nhiêu lần tháng mười đã qua nhưng tôi không níu giữ được những kỷ niệm về tháng mười, và nghĩ rằng mình thật vô tình, không có lời nào cho nó, trong khi năm nào tôi cũng tận hưởng đủ mọi niềm vui từ tháng mười, và

nhất định lần này phải ăn sinh nhật cho tháng mười.

Tự nó, đã có đủ quà mừng tặng. Một bầu trời đêm cao, lạnh vút, đêm đầm thắm của tháng mười cũng đặc biệt, không oi nồng không gió mưa rỉ rả, đêm êm ru, chòm sao Liệp hộ xuất hiện đầu đông, ánh sáng lạnh và xa xôi của nó vẽ lên nền trời một hình cây cung quen thuộc. Hồi mới xuống Viên Chiếu, ở giữa rừng, chúng tôi đã nhìn chòm sao Liệp hộ mà gờ gắm bao nhiêu tâm sự. Cây cung cong vòng như sắp bắn đi một mũi tên, và đêm nào cây cung cũng giương như thế, mũi tên chúng tôi nhắm đúng hướng, nhưng cái đích tới thì... cho nên đêm nào cũng giương cung như anh chàng thợ săn trên nền trời. Chòm sao không hề mỏi mệt, đêm ngồi thiền về hướng đông, cũng nắm dây cung và nhắm hướng, khuya dậy ngó lên đầu, hình cây cung cao và nhỏ tí giữa muôn vàn sao li ti, nó cũng không lẩn vào đâu được. Giờ thiên sáng, cây cung chếch về phía Tây, to lớn như gần rơi xuống đất, chúng tôi vẫn ngồi đó tâm tư như một mũi tên đã định hướng, nhưng vẫn còn lặn độn vì bao nhiêu sắc, thọ... nên cây cung cứ căng hoài, chờ đợi.

Tình cờ tôi sẽ tặng cho tháng mười và chòm sao Liệp hộ bài thơ này, chị Thông

đã chép tặng tôi - chép chứ không phải đã sáng tác:

ĐẠI TRƯỞNG PHU

*Cửa từng đôi cánh khép
Một mũi tên sáng loáng lia dây cung
Lao vút tới
Mặt trời nổ tung
Đầy sân hoa cam rụng
Phẳng phất bóng vô cùng.*

Không biết ở vòm trời đó, chị có nhìn thấy chòm sao Liệp hộ? Chúng tôi há không mang trong mình những mũi tên, nhưng mỗi lần bắn ra đều tâm bậy, bắn ra mang thương tích cho người và cho mình, để rồi mỗi lần ngồi thiền lại ân hận, lại tự hứa, và mũi tên đại ngộ vẫn còn y trong đây!

Tháng mười, cỏ đại đem tặng cho một vùng hoa bát ngát để mừng người bạn tốt trong năm. Tháng mười vừa mới mưa xong, đất còn đủ độ ẩm, nhưng nắng ấm vừa đến, đủ làm hé những cánh hoa nhỏ xíu mong manh.

Hoa của đồng cỏ không được nâng niu chăm sóc nên đòi hỏi điều kiện thiên nhiên phải gượng nhẹ. Tháng mười có đủ điều kiện đó cho vùng cỏ xanh hoang. Mưa dầm đất lạnh, trời âm u không ai nhận ra sắc hoa chìm trong cỏ rối, nắng gắt đất khô ai

công đầu đi tưới cho mấy bụi cỏ bên đường? Cho nên hoa đồng loạt chào tháng mười thân ái. Và tôi yêu tháng mười cũng chính vì những bụi cỏ đơm bông đó. Đi qua một vùng cỏ lơ thơ hay rậm rạp, đều thấy đủ loại hoa, đủ màu sắc trải dài, nhưng phải tinh tế kỹ lưỡng lắm mới thấy.

Vùng đất Đại Tùng Lâm rất nhiều cỏ hoang, cỏ mọc cả vạt rộng, cỏ như một tấm áo lông thú che kín mặt đất vào những đêm lạnh lẽo. Mỗi bước đi qua lại thấy một bụi cỏ dại nở hoa. Cọng cỏ cao và cứng thì bông tròn tựa rắn chắc, bụi cỏ mềm thì bông ẻo lả, những dây cỏ mỏng mảnh cũng nở một nụ bông bé tí, tím nhạt, bốn cánh, như một hạt sao rất mờ. Bụi cỏ nằm sát đất, thả dài những chiếc bông nhỏ, như thể mặt đất đang nở hoa. Loài hoa dại, tròn xoè như một chiếc hoa tai hột xoàn, cũng đơm khít khao những tầng cánh xanh nhạt, vô số bông hột xoàn đang đua nở bên bờ đường. Cỏ chỉ lá mảnh thân yếu, nở một nụ bông mảnh như lụa, màu tím nhạt, mỗi bông ba cánh khép rất mong manh, chùm cỏ hoa kem màu tròn trắng lơ nhô đưa những đóa hoa đầu tròn vo trắng hệt như vừa quét vào đám tuyết, những cây cỏ vừa nở bông xanh thắm, bông tím màu cà. Không một cọng cỏ nào không nở hoa trong mùa này, mặt

đất nở đầy vô số loài hoa không tên, chẳng ai mời, cứ nở rộ mỗi sáng và tàn dần, tàn dần dưới nắng gắt. Tôi ước gì mình có thể chụp hết những hoa bờ cỏ bụi, vô danh nhưng thật xinh xắn và vô tư. Chúng nở để mà nở, không cần người ngắm, và nếu không có mấy bông hoa làm dấu, ai phân biệt được cây cỏ này khác với cây cỏ kia ra sao.

Nổi bật nhất trên đồng cỏ đại, là những cây mắc cỡ, đơm bông tím tròn xoe, tròn như một con mắt mở to. Họ hoa mắc cỡ nở ồ ạt, lấn lướt hết những bụi cỏ rụt rè chung quanh, chẳng ai dám đứng gần vì sợ những mũi gai nhọn. Mắc cỡ tím nở hàng loạt, hàng loạt hoa, êm và mịn màng như những nụ phấn của các cô thiếu nữ, hoa tím hình tròn trên các bụi bờ dường như ai đang ngấm, đang hát to chào khách. Chiếc áo len của mặt đất lại được điểm thêm những nụ hoa thêu màu tím hồng mơ, ngó thật mơ màng nhưng cẩn thận, rờ vào thì trầy tay xước da.

Cây cỏ pha màu hoa, tạo hình riêng biệt, không hoa nào giống hoa nào. Màu vàng nhạt đến vàng tươi, chỉ một chấm vàng long lanh trên cỏ cũng đủ biết ở đó đang nở hoa. Màu nâu nhạt đến màu nâu đậm, màu lá úa dễ lẫn với rác. Màu xanh

biêng biếc như lá non, màu xanh như thể mượn áo da trời mặc vào trên cánh, màu hồng tươi như tà áo của các cô thiếu nữ ngày Tết.

Tháng mười, nhận đủ những màu hoa của đất, của cỏ và khoan thai đi chậm chậm, lướt những bước gió khua. Buổi sáng hơi lạnh đủ làm mềm đọt cỏ, hơi lạnh vuốt trên mặt những đóa hoa thích thú, và chùm cỏ tuyết cỏ kem kêu lên, chia những đầu tròn màu trắng như mời mọc. Chúng chỉ trắng trong vài hôm rồi đổi màu úa sạm. Cỏ long lanh giữ lại những hạt sao đã bay xuống chơi đêm hôm, cọng cỏ ướt mượt như mới đi tắm về, khoác vội chiếc áo hoa. Có những đám sương còn mãi tụ họp chơi đùa, quên mất rằng trời sáng nắng lên, và làm rớt cánh trắng xóa trên một chùm cỏ.

Tháng mười mùa hội của cỏ cây, hoa dại.

Không bao giờ nghiêng mình chăm chú xem một cọng hoa dại bé tí, nhỏ nhoi như một hạt cát, hay chỉ nhỉnh hơn hạt cát tí xíu, trên một nhánh hoa nhỏ chừng một vảy cá, pha đủ hai màu tím vàng, mà tôi không thấy lòng ngợi ca sự kỳ diệu của thiên nhiên.

Trên con đường cát, vô số dấu chân đi qua, người ta và cả thú vật. Người đi cuốc

rầy, người chặt củi, trâu bò đi ăn cỏ, in những dấu móng lõm sâu, xe đạp, xe ba bánh, xe bò chở đá nặng trĩu, ì ạch lạch cạch bên đường, những câu chuyện trò theo gió thổi bạt đi. Ít ai ngó thấy những bụi cỏ thấp mọc sát đất, dường như không cất mình lên nổi, cỏ nằm trên đất yên ổn như bé con nằm trên nôi, và hé những nụ hoa, mở mắt nhìn con đường, nhìn người qua lại. Bước chân nào cũng pha đôi chút lo âu mệt mỏi. Làm người mà có mấy ai vô tư khi đã vác cái cuốc, cây cày trên vai, đã biết tính toán cho mùa đậu, miếng vườn. Chỉ trừ mấy chú bé học trò nhảy chân sáo, đang mải mê gây gỗ, hoặc đùa giỡn nhau, lăn cả quần áo đầu tóc lên cỏ, làm bẹp dí cả cọng cả hoa. Nhưng xem chừng không mấy ai phiến hà chuyện đó, áo dính cát thì đứng dậy phúi, bụi hoa này bị đè nghiền thì có bụi cỏ khác vẫn vẫy lá gọi mời, mấy chú bé con tha hồ lăn lóc.

Trẻ thả trâu ngồi chơi với nhau dưới bóng hàng tràm, cành buông thông những chùm hoa vàng mịn lấm tấm phấn, mấy con bò quơ mõm trên đọt cỏ tranh non, nghiền ngấu sột soạt, vừa ăn vừa thở, vừa hửi phì phò, có khi chúng lợi cả vào đồng cỏ mắc cỡ, gục gặc lướt trên mấy cọng lá xếp kín, và bên cạnh đó những nụ mắc cỡ

cứ tròn xoe như một nổi ngọc nhiên nhất đời.

Tagore nói “Thượng đế có thể chán nản trước những vương quốc mênh mông, nhưng không hề chán nản trước một cọng hoa dại nhỏ xíu”. Quả thật là vậy, tôi không bao giờ chán ngắm những hạt hoa, mảnh hoa, nụ hoa lấm tấm, li ti trên khắp mặt đất này. Cỏ dại đâu có gì để khoe, chỉ nở một lần khi tháng mười đến. Và công phu nào đã xếp đặt những cánh hoa hình chuông, hình ngôi sao, hình tai bèo, hình nút áo, hình loa kèn... ai pha màu trắng như sữa đong, xanh biếc, tím lam, vàng mơ, hồng phấn...?

Những đồng cỏ hoa làm với những nổi sần phơn phớt, khi tháng mười nhắc nhở năm sắp hết, ngày lại qua mau.



Đường tiễn khách

Cửa tu viện mở ra trên đầu con dốc cao, bước xuống là lối đi chập chùng đổ xuôi theo triền núi. Ở phiến đá đầu cổng, thầy Tri khách vừa phát tay áo tiễn một người quen, khách chỉ bước xuống một vài bậc đá mòn là đã khuất, trên này chỉ còn lại bầu trời trong xanh và những cơn gió cợt đùa nhau trong vườn cây của tu viện. Thầy chậm rãi trở vào, màu áo vàng bay phát phới dưới những tàn cây màu lục đậm, như một cánh đại bàng vũ lộng. Sau lưng thầy, ba chữ “Tống khách đầu” khắc

bên bảng gỗ dựng bên lối đi, nổi bật màu nâu đỏ.

Chàng trẻ tuổi mới leo lên được lưng chừng con đường, ngóng cổ nhìn lên chỉ thấy đầu ngọn lá thướt tha của hàng khuy nh diệp, không tìm dạng nhà cửa lẫn bóng người. Chàng hơi ngần ngừ, ngồi bệt xuống bậc tam cấp, lột giày vớ, xoa bóp chân căng. Nhìn tới ngó lui chỉ có chàng là người leo núi độc nhất sáng nay, con đường phía dưới ngoằn ngoèo xa tít, gần bên bày chim sẻ lao chao rĩa cánh và ngó nghiêng chàng không chút gì sợ hãi. Hồi lâu mới thấy một chú tiểu vác bó củi đi lên, tới chỗ chàng ngồi chú cười làm quen và quăng bó củi xuống gần đó, chú cũng ngồi nghỉ chân để lau bớt mồ hôi đang nhỏ giọt trên khắp mặt mũi.

Đợi chú thở lại bình thường, chàng mở đầu câu hỏi:

- Tu viện còn xa không chú?

- Lên hết cái dốc này, ngay trên đầu của tôi với anh.

Vừa nói chú vừa ra dấu chỉ lên trên. Chàng mừng rỡ:

- Vậy mà tôi tưởng còn xa, tính trở lui thì gặp chú.

- Anh mới đi lần đầu?

- Tôi sinh hoạt với bạn bè ở xóm chài lưới dưới kia, nghe nói trên núi này có tu viện rất đẹp và có Hòa thượng đặc đạo nên muốn đến viếng thăm cho biết.

Chú tiểu cười hồn nhiên:

- Tu viện cũng chẳng có kỳ hoa dị thảo, lại ở tuốt trên cao nên thiên hạ leo lên đến nơi đã mệt bở hơi tai, gặp được chỗ nghỉ chân mừng khen rối rít. Nếu chê thì hóa ra uống công mình đi xa, trèo cao, mà lại mang tiếng ngu ngốc, bỏ hết công lao để đến một chỗ không ra gì. Phải khen đẹp để tự thưởng mình, người này đồn người kia thành tiếng.

Lối nói chuyện của chú khiến chàng bật cười thích thú, chàng hỏi tiếp:

- Còn về Hòa thượng đặc đạo thì sao?

- Cái đó phải gặp Hòa thượng mới biết. Có khi đối với người này ổng là Hòa thượng đặc đạo, mà đối với người khác ổng chỉ là một ông già lẩm cẩm.

Chàng tuổi trẻ tán đồng bằng nhiều cái gật đầu lý thú:

- Chú nói có lý, tôi phải bỏ ý định có một cái tu viện đẹp và Hòa thượng đặc đạo thì mới đến nơi với một cái tâm bình thường.

- Anh thật thông minh, xứng đáng là thiên khách hôm nay. Thôi ta đi.

Cả hai cùng cười vui vẻ, chú tiểu vác bó củi lên vai bước thoăn thoắt lên con dốc quen thuộc còn chàng phải xắn ống quần loa và xách đôi giày, mới theo kịp chú.

Qua khỏi cổng tu viện, thấy tấm bảng với ba chữ “Tống khách đầu” như đứng sẵn sàng chào đón, chàng đột nhiên thắc mắc:

- Tôi nghe nói cửa chùa luôn luôn hiếu khách, tại sao vừa mới bước vào cổng lại dựng tấm bảng này, như muốn tống khách trở ra vậy chú?

- Ba chữ đó chỉ có nghĩa là *Đầu đường tiễn khách*, tiễn xong là không còn lưu luyến. Còn khách bước vào chốn này, cũng nên rũ bỏ bớt những khách trần của mình. Mang theo nhiều sẽ không còn thấy đâu là tu viện, đâu là nhà sư.

Chàng trẻ tuổi im lặng sau câu giải thích của chú tiểu, nét tươi cười biến mất, một chút gì buồn bã thoáng hiện. Họ đã đi mất hút vào trong, bên cổng cũng chỉ còn ba chữ “Tống khách đầu”.

Buổi trưa ở đây thật yên tĩnh, phía sau tu viện là lưng núi xanh cuộn cuộn mây trắng, gió thổi bành bồng xạc xào trên mái ngói, vài tiếng chim lích chích rơi nhẹ giữa

khoảng không. Chàng ngồi tựa lưng vào cây cột gỗ tròn bóng mượt của thiên đường, lòng tự thầm hỏi không biết giờ này Thu đang làm gì, nắng trưa chỗ nàng có chói chang đủ để nhớ đến kỷ niệm của hai người. Chàng thăm dò trong tận cùng sâu thẳm, những thương nhớ mong manh đang kéo đến. Trong những lúc này, người ta thường để chúng tự do thao túng. Lẽ dĩ nhiên chàng tuổi trẻ cũng đang có một nỗi niềm bất ổn, một cơn sâu tình ray rứt nên mới tìm đến buổi trưa vắng của tu viện.

Trước đó hoạt động của chàng luôn luôn sôi nổi trong phố thị, bạn bè vây quanh ca hát vui chơi, lượn xe vi vút qua những đường phố đầy tràn âm thanh màu sắc. Đôi lúc bắt gặp một vài nhà tu thoáng qua, chàng nghĩ đó là những người của một thế giới chết, thế giới không tình yêu, đâu có dính dáng gì đến mình. Có một lần sau chuyến công tác xa, chàng đón nhằm một chuyến xe đò đông khách, vai phải mang công kênh những dụng cụ, giấy tờ, lại phải chen lấn giữa những người khách lạ của tứ xứ. Chàng tìm cách để gởi bớt những túi xách trên vai, ngó dáo dác chẳng biết tin cậy vào người nào, chàng chợt thấy một ông thầy ngồi trầm tĩnh gần đó, và không cần suy nghĩ cân nhắc, chàng gởi ngay ông

ta cái túi nặng nhọc. Được gỡ bớt sức nặng chàng mới lấy lại tư thế đứng vững vàng giữa những luồng người ép qua, đẩy lại. Đó là lần đầu tiên chàng tin cậy một người lạ trong tâm trạng thơ thối và yên ổn. Nhưng rồi những bận rộn sau đó khiến chàng quên nhanh câu chuyện trên xe.

Tại sao hôm nay chàng lại lên tới tu viện ở đầu núi cao này? Có phải chàng cần một nơi xa lạ nhưng bình an để có thể tự do bộc lộ hết những phiền muộn của mình? Có phải chàng vừa chớm có ý định rời bỏ bạn bè và nếp sống quen thuộc để tránh khỏi sâu vết thương? Hay chàng muốn được ngồi yên để tìm lại chính mình mà trong suốt cuộc sống náo nhiệt của tuổi trẻ, chàng không nhìn ra được? Cái cố lên thăm tu viện nổi tiếng và vị Hòa thượng đắc đạo chỉ là một cách để nói với lũ bạn đang lao nhao tập dợt đờn ca. Trong suốt con đường đưa lên đây, chàng cảm thấy có một cái gì không thỏa đáng, mặc dầu chân vẫn bước tới nhưng đâu là lý do chính?

Càng không thỏa đáng hơn khi trưa nay, ngồi trong bầu không khí tĩnh lặng của chốn thiền môn, chàng lại không có được một ý niệm mộ đạo hay tham hỏi về Phật pháp, mà chỉ thấy nhớ với buồn. Hình ảnh người tình và cuộc chia tan đã khiến chàng

đứng sững lại trong nhịp sinh hoạt, chàng bị ngộp trong đám đông và chỉ thích ngồi yên một mình để suy tư. Hồi đó trong những lần đi chơi, Thu cũng thường ngồi bên chàng trong những buổi trưa ở khu vườn nào xa xôi hay một vùng quê êm ả. Nàng hát nhỏ một khúc ca quen thuộc, cho đến nỗi ngồi ở đâu chàng cũng có thể nghe mừng tượng vắng vắng: "... Đời xin có nhau dài cho mãi sau, nắng không gọi sầu. Áo xưa dù nhàu cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau..." những sợi tóc của nàng bay trong suốt như những sợi hạnh phúc đang dệt quanh đây. Vậy mà chuyện tình của chàng, ước mơ chung đôi chung bóng, gọi tên tới rằng long đầu bạc đã có lúc tan vỡ như những giọt nắng rơi trên tàn cây, khi gió thổi chao động bóng rớt tuốt lượt.

Sau bữa cháo chiều, chàng theo thầy Tri khách đi dạo trong vườn, lối đi rải rác những phiến đá ngồi sạch bóng, tu viện đang thu lại những hoạt động trong ngày nên ai cũng có vẻ yên nghỉ. Câu chuyện của họ lẫn dưới những tàn cây khi gần khi xa. Hình như chàng đã tâm sự với thầy về mối tình sương khói. Thầy Tri khách mỉm cười với tất cả vẻ thông cảm, chắc thầy đã từng quen tiếp các chàng khách trẻ tuổi. Chàng kết luận:

- Hạnh phúc thật gần gũi và hoàn toàn như ý nếu tôi không xa Thu. Người ta chỉ cần bao nhiêu đó, như một giọt mưa đủ làm mát cả bầu trời. Đâu cần phải tìm kiếm xa xôi cực nhọc như Thầy.

- Hạnh phúc của anh bị lệ thuộc rất nhiều, thời gian, nhân vật, tình yêu và cả hoàn cảnh chung quanh. Ngay cả anh là người đang hưởng hạnh phúc cũng không chắc chắn. Nếu lỡ như anh chết thì ai hưởng hạnh phúc đó?

- Thầy nói chi những chuyện cao vời, phần đông không ai nghĩ ngợi xa xôi, cứ nắm ngay những thứ mình hiện có. Nhưng tôi vừa chợt khám phá ra rằng thế giới của thầy thật bình an không có khổ sở ray rứt như thường tình, và chắc là cũng không có hạnh phúc nồng nhiệt.

Thầy cười nhẹ trước sự sôi nổi chủ quan của người khách trẻ. Làm sao giải thích cho chàng biết hết những vui buồn của một ông thầy. Chú nhỏ tưởng rằng chỉ có thất tình mới làm người ta đau khổ, trên đời chỉ có vấn đề đó là quan trọng và chỉ có chú độc quyền về đau khổ và hạnh phúc. Có một thế giới thoát ngoài quan niệm của chú nhưng cũng rất gần gũi, bằng cứ là chú có thể tìm tới và tỏ hết nỗi niềm. Thầy hỏi:

- Bây giờ anh cũng đang nhớ đến Thu?

Chàng đáp với giọng thật trầm:

- Phải.

- Người ta ít khi nào nhớ mình. Họ luôn luôn chứa chất đầy ắp kỷ niệm, hình ảnh của người khác, cảnh khác. Thật là hao phí khi anh chỉ sử dụng có phân nửa con người của mình trong cuộc sống.

- Thầy nói như một ông Thánh, còn tôi không biết làm cách nào khác hơn.

Câu nói của chàng thật tội nghiệp. Bóng tối đã phủ đầy, họ đến ngồi im trên một bậc đá. Trên chánh điện đang có một thời kinh. Những tiếng sắc không vang dội nhịp nhàng cả một vùng rừng núi. Hình như mỗi thân cây cổ thụ, từng nhánh lá đen mờ, mỗi gộp lá, mỗi bụi cỏ hoa đều góp chung lời tụng. Bản hòa âm bất phân người và cảnh, trời đất cùng bay rền âm thanh:

“... Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế...”

... Trong không chẳng có màu sắc, âm thanh, mùi hương...; ...chẳng có mắt, tai, mũi, lưỡi...

... Chẳng có già chết... Chẳng có đau khổ... Chẳng có tu tập... Chẳng có chứng đắc...”

Sau một hồi phủ định quyết liệt như thế, tưởng như mọi thứ trên đời, mọi giá trị đều bị xô dẹp đến tận cùng. Bài kinh chuyển sang lời ca ngợi thành tựu:

“... Các vị Bồ-tát không còn e ngại, không còn sợ hãi, xa lìa tất cả điên đảo mộng tưởng, đạt đến Niết bàn rốt ráo... Chư Phật trong ba đời đắc đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác...”

Bài kinh được lập đi lập lại ba lần, như một lời nhắc nhở vô cùng tha thiết. Trong dòng thác chấn động lời kinh, nhịp mõ, chàng lại cảm nghe một nỗi im lặng tận cùng, như một nốt Silence chọt vang lên trong bản hòa tấu. Mỗi lần cùng bạn bè chơi nhạc, tất cả tay đàn đều ngừng lại ngang dấu hiệu Silence nhưng tất cả đều cảm thấy như có một sợi tơ rung động thật trầm lắng đang ngân lên không có cung bậc nào so sánh được. Trong bài kinh tối nay, chàng lại nghe rõ ràng dấu hiệu im lặng ấy, bất chợt mà nghe trong khi ngồi dưới bầu trời đầy sao lấp lánh - Im lặng vì không còn cách nào để diễn tả hay hơn, không còn lời để nói trong chốn không tuyệt cùng. Và nên im lặng trước tính cách

vi diệu nhiệm mầu của bài kinh cứu khổ, để tự nó thấm sâu trong bình an.

Hồi nhỏ, mỗi lần trong lớp chuyện trò ồn ào, cô giáo đưa ngón tay lên ra hiệu Silence, lập tức mọi tiếng rì rầm của lũ học trò đều ngưng bật. Ở đây cũng có giọng Silence oai nghiêm ấy, những dao động băng khuâng, những ngôn ngữ và tâm sự niềm vui nỗi buồn đột nhiên bị cắt đứt. Chàng mơ hồ nghe lại giọng cô giáo ngày xưa. Hãy im! Hãy thôi! Chàng tự nói thầm với mình như vậy.

Khi thời kinh chấm dứt, các thầy rũ áo sương khuya trở về thiền phòng. Chàng nhìn theo từng bóng một cho tới người cuối cùng, như trên sân khấu sắp đến hồi kết cuộc. Thầy tri khách ngồi cạnh chàng cũng không nói thêm một lời. Cả chàng, thầy và tu viện như đồng thời tan biến trong đêm sâu.



MỤC LỤC

Màu râu cổ	3
Buổi sáng ở Lộc Uyển	7
Cổ thụ	13
Cảm niệm Thánh đàn	17
An cư hay lễ hội?	22
Đạo diễn	25
Dòng sông si mê	29
Chuông hạ	33
Đường cũ	40
Kỳ quan Phật giáo	44
Kể chuyện xưa nhân ngày sinh của Bụt	50
Mùa mận chín	58
Nét đẹp của Thiên	64
Ẩn sỹ và những cơn mưa	72
Mùa an cư	79
Phật Đản màu tím	87
Hạnh phúc thực	92
Sông sau nhà	98
Tỳ kheo sống trong rừng	102
Thời hành điệu	110
Tùng địa dững xuất	116
Quà tặng	123
Khám phá ông chủ	128
Viết cho mưa	132
Hoa đại tháng mười	137
Đường tiễn khách	145